BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

QUYẾT ĐỊNH TỐT NGHIỆP NĂM 2019

ĐẠI HỌC: KHÓA 59

KHOA KINH TẾ (KHÓA 60)

CÁC KHÓA CŨ LƯU LẠI

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1060 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế "Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Biên bản họp ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên cao đẳng - khóa 58, khóa 59, khóa 60; đại học - khóa 56, khóa 57, khóa 58, khóa 59, khóa 60, khóa 61; Chương trình tiên tiến - khóa 4, khóa 5 và liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 58, khóa 60, khóa 61, khóa 62, khóa 63 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng, Đại học cho 1824 sinh viên cao đẳng - khóa 58, khóa 59, khóa 60; đại học - khóa 56, khóa 57, khóa 58, khóa 59, khóa 60, khóa 61; Chương trình tiên tiến - khóa 4, khóa 5 và liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 58, khóa 60, khóa 61, khóa 62, khóa 63 hệ chính quy ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật địa chất, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ kỹ thuật mỏ, Công nghệ kỹ thuật trắc địa, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Kỹ thuật Điện, Kỹ thuật Cơ khí, Quản lý đất đai, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Địa vật lý, Kỹ thuật Dầu khí, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kỹ thuật Mỏ, Kỹ thuật Xây dựng, Kỹ thuật Tuyển khoáng, Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trá ch nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(04).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - NĂM 2019 (ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số 1060 /QĐ-MĐC ngày 16 tháng 8 năm 2019)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Mã lớp, khóa học
1	1411060092	Bùi Bách	Khoa	27/06/1996	Nam	Thái Bình	2.15	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	CCCDTD59
2	1411060161	Nguyễn Tuấn	Thành	29/08/1996	Nam	Thái Bình	2.00	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	CCCDTD59
3	1411060192	Nguyễn Hữu	Tú	01/11/1995	Nam	Thanh Hóa	2.08	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	CCCDTD59
4	1311020007	Nông Văn	Chung	12/05/1995	Nam	Tuyên Quang	2.11	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCDC58
5	1321020703	Hoàng Xuân	Sỹ	02/08/1995	Nam	Thanh Hóa	2.17	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCDC59
6	1514010016	Nguyễn Như	Quỳnh	21/12/1997	Nữ	Hà Nội	2.09	Trung bình	Kế toán	Kế toán	CCKTKT60
7	1411040069	Hoàng Anh	Thắng	08/04/1995	Nam	Thanh Hóa	2.03	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	CCMOMO59
8	1511080004	Nguyễn Trịnh Bá	Hải	04/10/1996	Nam	Hải Dương	2.13	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật môi trường	KT Môi trường	CCMTMT60
9	1511080001	Nguyễn Tuấn	Tú	04/06/1997	Nam	Hà Nội	2.49	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật môi trường	KT Môi trường	CCMTMT60
10	1321030573	Hà Trung	Hiếu	12/06/1995	Nam	Thái Bình	2.25	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật Trắc địa	Trắc địa	CCTDTD59
11	1421060002	Bùi Hoàng	Anh	13/12/1996	Nam	Thanh Hóa	2.61	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_1
12	1421060032	Đoàn Minh	Chính	18/08/1996	Nam	Vĩnh Phúc	2.62	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_1
13	1421060074	Trần Phúc	Đoan	22/06/1995	Nam	Hà Tây	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_1

14	1421060075	Đỗ Văn	Đông	30/01/1996	Nam	Thanh Hóa	2.60	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_1
15	1421060092	Nguyễn Văn	Hải	22/09/1996	Nam	Sơn La	2.69	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_1
16	1421060099	Nguyễn Hoàng	Hiệp	09/12/1996	Nam	Lào Cai	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_1
17	1421060109	Vũ Thanh	Hiếu	01/03/1996	Nam	Quảng Ninh	2.62	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_1
18	1421060143	Nguyễn Văn	Hưng	01/02/1996	Nam	Bắc Giang	2.94	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_1
19	1421060188	Lê Thế	Nam	17/04/1996	Nam	Vĩnh Phú	2.61	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_1
20	1421060199	Đỗ Đại	Nhất	08/12/1996	Nam	Nam Định	2.60	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_1
21	1421060216	Nguyễn Huy	Quang	31/08/1996	Nam	Hà Tây	2.63	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_1
22	1421060557	Trần Ngọc	Sơn	17/01/1996	Nam	Quảng Ninh	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_1
23	1421060297	Trần Anh	Tuấn	09/12/1996	Nam	Quảng Ninh	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_1
24	1421060295	Nông Văn	Tuấn	10/10/1996	Nam	Quảng Ninh	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_1
25	1421060307	Nguyễn Bá	Tuyên	10/02/1993	Nam	Thái Bình	2.75	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_1
26	1421060644	Đỗ Trung	Việt	17/12/1996	Nam	Hà Tây	2.82	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_1
27	1421020197	Lê Quang	Vũ	19/08/1995	Nam	Quảng Ninh	3.01	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_1
28	1421060028	Phan Đình	Chế	22/02/1995	Nam	Nam Hà	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_2
29	1421060029	Lê Bá	Chiến	17/03/1993	Nam	Thanh Hóa	2.61	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_2

30	1421060068	Nguyễn Văn	Đạt	11/09/1996	Nam	Thanh Hóa	2.65	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_2
31	1421060054	Vũ Đức	Dũng	08/11/1996	Nam	Hà Nội	2.61	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_2
32	1421060106	Nguyễn Văn	Hiếu	04/05/1996	Nam	Thanh Hóa	2.18	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_2
33	1421060239	Lê Doãn	Tâm	16/05/1995	Nam	Thanh Hóa	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_2
34	1421060255	Nghiêm Văn	Thắng	16/04/1996	Nam	Hà Tây	2.55	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_2
35	1421060268	Đỗ Bá	Thường	21/04/1991	Nam	Thái Bình	2.54	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_2
36	1221060066	Nguyễn Mạnh	Hưng	01/12/1994	Nam	Thái Bình	2.06	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT57
37	1421060001	Lê Hữu	An	15/01/1996	Nam	Thanh Hóa	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
38	1421060326	Trần Văn	An	10/03/1996	Nam	Nam Định	2.60	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
39	1421060324	Bùi Văn	An	16/01/1995	Nam	Ninh Bình	2.76	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
40	1421060329	Nguyễn Tuấn	Anh	26/02/1996	Nam	Hải Dương	3.03	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
41	1421060021	Phùng Văn	Bằng	13/08/1996	Nam	Vĩnh Phúc	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
42	1421060024	Nguyễn Đức	Cảnh	27/07/1996	Nam	Thái Bình	2.61	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
43	1421060034	Vũ Đức	Chính	21/08/1995	Nam	Nam Định	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
44	1421060039	Trần Văn	Công	13/01/1996	Nam	Hà Nội	2.71	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
45	1421060040	Mai Văn	Cương	09/12/1995	Nam	Thanh Hóa	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1

46	1421030029	Vũ Đình	Cường	15/12/1995	Nam	Thái Bình	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
47	1421060063	Nguyễn Văn	Đàm	01/01/1996	Nam	Thanh Hóa	2.83	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
48	1421060067	Mã Văn	Đạt	26/05/1996	Nam	Thanh Hóa	2.55	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
49	1421060073	Đinh Quang	Điệu	01/01/1996	Nam	Nam Định	2.59	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
50	1421060082	Phạm Việt	Đức	26/11/1996	Nam	Hải Dương	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
51	1421060050	Nguyễn Tiến	Dũng	01/04/1996	Nam	Nam Định	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
52	1421060051	Quản Ngọc	Dũng	08/03/1996	Nam	Hà Nam	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
53	1421060048	Hồ Bá	Dũng	01/07/1996	Nam	Thái Bình	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
54	1421060358	Bùi Quang	Dũng	19/09/1994	Nam	Hòa Bình	2.61	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
55	1421060059	Đỗ Đức	Dương	14/05/1996	Nam	Quảng Ninh	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
56	1421060088	Lê Mạnh	Hà	07/06/1995	Nam	Ninh Bình	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
57	1421060406	Nguyễn Đức	Hải	05/12/1995	Nam	Thái Bình	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
58	1421060096	Nguyễn Văn	Hậu	16/12/1996	Nam	Thái Bình	2.63	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
59	1421060098	Đăng Ngọc	Hiệp	21/10/1996	Nam	Bắc Ninh	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
60	1421060104	Nguyễn Trọng	Hiếu	15/01/1996	Nam	Thanh Hóa	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
61	1421060116	Trần Xuân	Hoàng	28/12/1995	Nam	Hà Nội	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1

62	1421060113	Lê Việt	Hoàng	24/03/1996	Nam	Ninh Bình	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
63	1421060122	Bùi Văn	Huân	06/03/1996	Nam	Hải Hưng	2.85	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
64	1421060124	Hoàng Văn	Huấn	26/11/1996	Nam	Hải Dương	3.13	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
65	1421060436	Đỗ Mạnh	Hùng	14/08/1996	Nam	Bắc Giang	2.55	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
66	1421060126	Lương Văn	Hùng	07/10/1996	Nam	Quảng Ninh	3.04	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
67	1421060133	Nguyễn Văn	Huy	10/03/1996	Nam	Thanh Hóa	2.52	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
68	1421060461	Nguyễn Văn	Khánh	06/12/1995	Nam	Thanh Hóa	2.53	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
69	1421060156	Vũ Ngọc	Lâm	11/09/1996	Nam	Thái Bình	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
70	1421060155	Trần Văn	Lâm	20/10/1995	Nam	Ninh Bình	3.10	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
71	1421060163	Nguyễn Xuân	Lộc	02/09/1996	Nam	Nam Định	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
72	1421060484	Bùi Văn	Luân	19/11/1995	Nam	Hải Dương	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
73	1421060168	Đỗ Xuân	Mạnh	09/02/1996	Nam	Thái Bình	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
74	1421060171	Nguyễn Văn	Mạnh	21/01/1996	Nam	Bắc Giang	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
75	1421060172	Phạm Đức	Mạnh	29/07/1995	Nam	Nam Định	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
76	1421060173	Phạm Hồng	Mạnh	27/06/1996	Nam	Nam Định	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
77	1421060174	Trần Văn	Mạnh	11/01/1993	Nam	Vĩnh Phú	2.53	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1

78	1421060181	Trần Bình	Minh	15/09/1996	Nam	Quảng Ninh	2.50	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
79	1421060176	Lại Văn	Minh	18/12/1996	Nam	Thái Bình	2.67	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
80	1421060180	Nguyễn Văn	Minh	12/04/1996	Nam	Bắc Giang	3.05	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
81	1421060190	Nguyễn Hoài	Nam	16/09/1995	Nam	Quảng Ninh	2.59	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
82	1421060187	Lê Hoàng	Nam	04/10/1996	Nam	Hưng Yên	2.82	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
83	1421060511	Lương Đình	Nguyên	20/01/1996	Nam	Hải Dương	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
84	1421060518	Nguyễn Đăng	Ninh	11/03/1996	Nam	Nam Định	2.58	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
85	1421060204	Nguyễn Thị Kim	Oanh	27/07/1996	Nữ	Quảng Ninh	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
86	1421060206	Trần Văn	Phiên	28/03/1996	Nam	Ninh Bình	2.75	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
87	1421040471	Nguyễn Thế	Phong	13/09/1996	Nam	Quảng Ninh	2.54	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
88	1421060529	Nguyễn Việt	Phương	05/07/1996	Nam	Hà Nam	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
89	1421060227	Trần Văn	Sang	29/07/1996	Nam	Thái Bình	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
90	1421060231	Phan Hoàng	Sơn	07/12/1996	Nam	Hà Nội	2.15	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
91	1421060561	Nguyễn Trọng	Tân	03/04/1996	Nam	Bắc Ninh	2.84	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
92	1421060243	Nguyễn Viết	Tập	17/04/1996	Nam	Nam Định	2.74	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
93	1421060248	Vũ Hồng	Thanh	13/12/1996	Nam	Nam Định	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1

94	1421060247	Nguyễn Đăng	Thanh	07/12/1996	Nam	Thái Bình	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
95	1421060249	Dương Văn	Thành	13/01/1996	Nam	Hà Tây	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
96	1421060252	Trương Đức	Thành	03/06/1996	Nam	Hà Nội	2.59	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
97	1421060260	Phạm Phú	Thiệm	06/08/1994	Nam	Hải Dương	2.65	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
98	1421060588	Phạm Văn	Thiện	17/04/1996	Nam	Hải Dương	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
99	1421060593	Mè Quang	Thương	30/10/1994	Nam	Yên Bái	2.75	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
100	1421060272	Phạm Hữu	Tiến	12/04/1996	Nam	Thái Bình	2.57	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
101	1421060283	Trần Xuân	Trường	24/12/1996	Nam	Nam Định	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
102	1421060282	Nguyễn Văn	Trường	27/05/1996	Nam	Hà Nội	2.67	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
103	1421060281	Nguyễn Đăng	Truyền	16/11/1996	Nam	Hà Bắc	2.54	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
104	1421060288	Vũ Anh	Tú	24/10/1995	Nam	Hà Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
105	1421060300	Vương Xuân	Tuấn	28/10/1996	Nam	Hà Nội	2.95	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
106	1421060304	Trần Kế Thanh	Tùng	30/06/1995	Nam	Nam Định	2.59	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
107	1421060319	Lê Tuấn	Vũ	11/09/1995	Nam	Hà Tĩnh	2.63	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
108	1421011428	Trần Minh	Vương	10/06/1996	Nam	Nam Định	3.53	Giỏi	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
109	1221060209	Vũ Xuân	Đức	02/09/1994	Nam	Hải Dương	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT57

110	1321060185	Chu Công	Minh	19/12/1995	Nam	Thái Bình	2.08	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT58_1
111	1421060003	Bùi Tuấn	Anh	23/03/1996	Nam	Thái Bình	2.54	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
112	1421060015	Nguyễn Văn	Bách	20/07/1996	Nam	Quảng Ninh	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
113	1421060025	Phạm Văn	Cảnh	22/01/1996	Nam	Thái Bình	2.57	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
114	1421060340	Bùi Văn	Chiến	18/03/1996	Nam	Nam Định	2.77	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
115	1421060036	Nguyễn Quốc	Công	10/10/1996	Nam	Hà Nội	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
116	1421060061	Ngô Minh	Dương	08/11/1996	Nam	Hà Nội	2.81	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
117	1421060056	Đặng Thị	Duyên	12/09/1996	Nữ	Nam Định	2.82	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
118	1421060095	Lương Văn	Hậu	20/12/1996	Nam	Bắc Giang	2.54	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
119	1421060411	Vũ Văn	Hiện	19/10/1995	Nam	Nam Định	2.68	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
120	1421060107	Trịnh Trung	Hiếu	24/11/1996	Nam	Lào Cai	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
121	1421060130	Đặng Quang	Huy	23/08/1996	Nam	Quảng Ninh	2.59	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
122	1421060138	Phạm Văn	Huỳnh	29/11/1996	Nam	Hải Dương	2.56	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
123	1421060151	Vũ Huy	Khánh	23/07/1996	Nam	Bắc Ninh	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
124	1421060162	Ngô Đức	Lộc	01/07/1996	Nam	Bắc Ninh	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
125	1421060195	Hoàng Văn	Ngọc	10/11/1996	Nam	Yên Bái	2.58	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1

126	1421060214	Vũ Việt	Phương	22/10/1996	Nữ	TP Hồ Chí Minh	2.63	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
127	1421060220	Nguyễn Thế Ngọc	Quyết	28/08/1996	Nam	Nghệ An	2.65	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
128	1421060246	Nguyễn Chí	Thanh	05/10/1996	Nam	Bắc Ninh	2.50	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
129	1421060569	Lưu Văn	Thanh	14/05/1994	Nam	Thái Bình	3.04	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
130	1421060253	Hà Thị	Thảo	17/08/1995	Nữ	Nam Định	2.94	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
131	1421060279	Nguyễn Đức	Trọng	08/08/1996	Nam	Hải Phòng	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
132	1421060293	Nguyễn Sỹ Minh	Tuấn	02/03/1996	Nam	Bắc Ninh	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
133	1421060301	Lưu Đức	Tùng	31/07/1995	Nam	Quảng Ninh	2.56	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
134	1421060636	Phạm Đức	Tuy	01/10/1996	Nam	Thái Bình	2.68	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
135	1321060431	Phạm Ngọc	Cương	08/09/1994	Nam	Nam Hà	2.07	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT58_1
136	1321060250	Nguyễn Đình	Tài	10/09/1995	Nam	Nghệ An	2.07	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT58_1
137	1421060020	Phạm Văn	Bắc	31/07/1996	Nam	Hải Dương	3.05	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_1
138	1421060043	Cư Seo	Diu	22/06/1996	Nam	Lào Cai	2.18	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_1
139	1421020276	Đinh Xuân	Dương	25/08/1996	Nam	Hưng Yên	2.63	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_1
140	1421060055	Đỗ Mạnh	Duy	29/08/1996	Nam	Quảng Ninh	2.91	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_1
141	1421060121	Nguyễn Văn	Hợp	05/06/1996	Nam	Nam Hà	2.86	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_1

142	1421020586	Vũ Văn	Thịnh	24/05/1995	Nam	Nam Định	2.56	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_1
143	1421060274	Trần Minh	Tiệp	28/11/1996	Nam	Quảng Ninh	2.77	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_1
144	1421060353	Trần Mạnh	Cường	04/12/1995	Nam	Thanh Hóa	3.07	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_2
145	1421060375	Vũ Ngọc	Đam	04/05/1996	Nam	Thái Bình	2.52	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_2
146	1421060080	Lưu Huyền	Đức	17/10/1996	Nam	Vĩnh Phú	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_2
147	1421060427	Tống Xuân	Hoàng	17/09/1996	Nam	Thanh Hóa	2.60	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_2
148	1421060144	Phạm Văn	Hưng	01/12/1996	Nam	Lào Cai	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_2
149	1421060460	Nguyễn Tiến	Khánh	23/03/1996	Nam	Lào Cai	2.56	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_2
150	1421060657	Lê Hoài	Nam	01/02/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.73	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_2
151	1421060497	Đậu Giang	Nam	28/12/1995	Nam	Nghệ An	2.79	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_2
152	1421050541	Ngô Đình	Phong	08/11/1995	Nam	Quảng Ninh	2.61	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_2
153	1421060553	Nguyễn Văn	Sơn	23/02/1996	Nam	Bắc Giang	2.69	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_2
154	1421060250	Nguyễn Đình	Thành	16/04/1996	Nam	Hà Nội	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_2
155	1421060265	Nguyễn Văn	Thông	01/07/1996	Nam	Nam Định	2.91	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_2
156	1421060267	Dương Hồng	Thứ	10/02/1996	Nam	Hà Tây	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_2
157	1421060273	Trần Văn	Tiến	24/02/1996	Nam	Hà Nam	2.85	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_2

158	1421020642	Nguyễn Nhật	Trường	01/01/1996	Nam	Quảng Ninh	2.18	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_2
159	1421060286	Đậu Văn	Tú	19/09/1996	Nam	Thanh Hóa	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_2
160	1421060299	Vũ Minh	Tuấn	02/11/1995	Nam	Thái Bình	3.13	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_2
161	1421060309	Cao Văn	Tuyến	29/08/1996	Nam	Nghệ An	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_2
162	1421060316	Phan Đức	Việt	08/09/1996	Nam	Thanh Hóa	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_2
163	1221060205	Dương Minh	Đức	04/12/1992	Nam	Hưng Yên	2.16	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD57A
164	1321060401	Nguyễn Văn	An	10/08/1994	Nam	Nghệ An	2.50	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD58_1
165	1321040176	Trần Văn	Minh	15/04/1995	Nam	Nghệ An	2.50	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD58_1
166	1421060009	Phạm Đăng Hải	Anh	07/06/1996	Nam	Bắc Ninh	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
167	1421030245	Lê Đức	Anh	29/04/1996	Nam	Thanh Hóa	2.56	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
168	1421020255	Nguyễn Mạnh	Cường	09/08/1996	Nam	Hà Nội	2.18	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
169	1421060354	Trịnh Văn	Cường	14/02/1996	Nam	Thanh Hóa	3.15	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
170	1421060072	Nguyễn Văn	Đăng	30/06/1996	Nam	Hà Bắc	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
171	1421060070	Nguyễn Hải	Đăng	05/03/1995	Nam	Nam Định	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
172	1421060066	Lê Văn	Đạt	05/02/1995	Nam	Hà Nam	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
173	1421060065	Đỗ Tất	Đạt	21/10/1996	Nam	Uông Bí	3.06	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1

174	1421030045	Trương Công	Đoàn	14/01/1996	Nam	Thái Bình	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
175	1421060357	Phạm Văn	Du	20/06/1996	Nam	Nam Định	2.58	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
176	1421060079	Bùi Văn	Đức	05/04/1996	Nam	Việt Yên	2.12	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
177	1421060394	Phạm Viết	Đức	28/10/1995	Nam	Thanh Hóa	2.63	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
178	1421060049	Nguyễn Hồ Anh	Dũng	14/02/1996	Nam	Hải Phòng	2.60	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
179	1421060062	Trần Văn	Dương	18/09/1996	Nam	Thái Bình	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
180	1421060084	Lê Thanh	Giang	11/07/1996	Nam	Thanh Hóa	2.63	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
181	1421060093	Vũ Hồng	Hải	15/11/1996	Nam	Quảng Ninh	2.56	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
182	1421060402	Hoàng Văn	Hải	26/07/1995	Nam	Nghệ An	2.83	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
183	1421060100	Dương Trung	Hiếu	27/05/1995	Nam	Quảng Ninh	2.69	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
184	1421060110	Trần Văn	Hòa	26/11/1996	Nam	Bắc Giang	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
185	1421060423	Nguyễn Đặng	Hoàn	17/11/1996	Nam	Hải Hưng	3.26	Giỏi	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
186	1421060426	Phạm Văn	Hoàng	11/05/1995	Nam	Hải Dương	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
187	1421060439	Lê Đình	Hùng	03/11/1995	Nam	Thanh Hóa	2.54	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
188	1421040126	Nguyễn Văn	Hùng	03/10/1996	Nam	Hà Nội	2.95	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
189	1421060145	Nguyễn Thị	Hương	09/11/1996	Nữ	Hải Dương	2.77	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1

190	1421060450	Tô Quang	Huy	19/03/1995	Nam	Ninh Bình	2.54	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
191	1421060139	Phạm Văn	Huỳnh	15/02/1996	Nam	Nam Định	2.83	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
192	1421020414	Nguyễn Sỹ	Khánh	05/03/1996	Nam	Sơn La	2.14	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
193	1421030114	Nguyễn Đăng	Lãm	17/07/1996	Nam	Hưng Yên	2.59	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
194	1421060158	Hoàng Văn	Linh	09/03/1996	Nam	Bắc Kạn	2.77	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
195	1421060487	Đào Tiến	Lực	17/02/1996	Nam	Hải Phòng	2.51	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
196	1421060191	Nguyễn Tiến	Nam	22/07/1996	Nam	Hà Nội	2.96	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
197	1421060502	Phạm Văn	Năm	07/01/1995	Nam	Thái Bình	3.05	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
198	1421060509	Đinh Hữu	Nguyên	18/05/1995	Nam	Thái Nguyên	2.78	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
199	1421060514	Phan Văn	Nhất	24/02/1994	Nam	Hà Tĩnh	2.89	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
200	1421060202	Nguyễn Văn	Ninh	26/06/1996	Nam	Hà Tây	2.13	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
201	1421060200	Nguyễn Hiền	Ninh	21/11/1996	Nữ	Vĩnh Phúc	2.89	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
202	1421060205	Lê Ngọc Đình	Phan	13/10/1996	Nam	Hà Nội	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
203	1421060524	Phạm Thanh	Phong	21/05/1996	Nam	Thái Bình	3.41	Giỏi	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
204	1421060215	Đỗ Văn	Quang	19/09/1996	Nam	Hà Nội	2.10	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
205	1421060532	Đỗ Thanh	Quang	12/06/1996	Nam	Phú Thọ	2.66	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1

206	1421060224	Nguyễn Thanh	Sang	25/07/1995	Nam	Hà Tây	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
207	1421060225	Trần Danh	Sang	16/10/1995	Nam	Bắc Ninh	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
208	1421060233	Vũ Xuân	Sơn	31/03/1996	Nam	Quảng Ninh	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
209	1421060229	Ngô Văn	Sơn	12/10/1995	Nam	Thanh Hóa	2.78	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
210	1421060558	Nguyễn Ngọc	Tâm	06/11/1996	Nam	Hải Phòng	2.84	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
211	1421060238	Phạm Văn	Tàu	04/06/1996	Nam	Thanh Hóa	2.79	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
212	1421020581	Tô Xuân	Thắng	19/10/1996	Nam	Thái Bình	2.54	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
213	1421050190	Phan Lê Duy	Thắng	15/11/1996	Nam	Hà Tĩnh	3.06	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
214	1421060251	Nguyễn Tiến	Thành	04/10/1996	Nam	Hưng Yên	2.61	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
215	1421060262	Đỗ Đức	Thịnh	13/10/1996	Nam	Hà Nội	2.63	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
216	1421060270	Nguyễn Minh	Tiến	19/05/1995	Nam	Hưng Yên	2.74	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
217	1421030599	Nguyễn Thành	Tú	25/08/1996	Nam	Thanh Hóa	2.57	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
218	1421060311	Nguyễn Duy	Tư	15/01/1995	Nam	Thanh Hóa	2.56	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
219	1421060296	Phạm Công	Tuấn	23/01/1996	Nam	Quảng Ninh	2.57	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
220	1421060619	Khúc Anh	Tuấn	12/04/1995	Nam	Vĩnh Phú	2.75	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
221	1421060618	Hoàng Đình	Tuấn	23/01/1996	Nam	Quảng Trị	3.12	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1

222	1421060637	Nguyễn Mạnh	Tuyên	03/01/1996	Nam	Nam Định	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
223	1421060317	Đinh Quang	Vinh	10/01/1995	Nam	Thái Nguyên	2.84	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
224	1421060320	Bùi Minh	Vương	09/02/1996	Nam	Hải Dương	2.80	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
225	1421011081	Hoàng Văn	Đồng	03/02/1994	Nam	Đăk Lăk	2.04	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
226	1421011058	Nguyễn Thị	Dung	12/01/1996	Nữ	Nghệ An	2.85	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
227	1421011060	Hồ Đình	Dũng	05/09/1996	Nam	Nghệ An	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
228	1421011074	Nguyễn Thị Thùy	Dương	13/08/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.58	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
229	1421011108	Nguyễn Tống Nguyên	Hải	08/09/1996	Nam	Bình Định	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
230	1421011131	Phạm Khắc	Hòa	03/02/1996	Nam	Phú Yên	2.77	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
231	1421011137	Nguyễn Bá	Hoàng	02/10/1996	Nam	Thanh Hóa	2.70	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
232	1421011160	Nguyễn Sỹ	Hứa	11/10/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.51	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
233	1421011147	Trịnh Đại	Hùng	28/08/1995	Nam	Hà Tĩnh	2.64	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
234	1421011184	Lê Trung	Kiên	02/05/1995	Nam	Hà Tĩnh	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
235	1421011220	Phạm Thị	Lữ	02/01/1996	Nữ	Hải Phòng	2.92	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
236	1421011223	Lê Phương	Ly	22/04/1996	Nữ	Hà Tĩnh	2.74	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
237	1421011226	Trần Thị Tuyết	Mai	18/11/1996	Nữ	Hải Phòng	3.02	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT

238	1421011259	Trần Yến	Nhi	07/12/1996	Nữ	Tiền Giang	2.84	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
239	1421011257	Nguyễn Thị Hương	Nhi	13/10/1995	Nữ	Hà Nội	2.99	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
240	1421011263	Võ Phượng Tú	Như	07/01/1996	Nữ	Tây Ninh	2.81	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
241	1421011274	Trần Sỹ	Phú	10/07/1996	Nam	Bình Phước	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
242	1421011295	Nguyễn Anh	Sơn	17/11/1996	Nam	Bà Rịa Vũng Tàu	3.29	Giỏi	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
243	1421011439	Giáp Thanh	Tân	22/03/1996	Nam	Bà Rịa Vũng Tàu	2.58	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
244	1421011437	Tô Trần Quốc	Thái	11/09/1996	Nam	Bà Rịa Vũng Tàu	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
245	1421011309	Cao Đình	Thanh	21/12/1996	Nam	Nam Định	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
246	1421011311	Nguyễn Ngọc	Thanh	16/03/1995	Nam	Quảng Bình	2.50	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
247	1421011316	Giang Trung	Thảo	17/09/1996	Nam	Bà Rịa Vũng Tàu	2.55	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
248	1421011333	Nguyễn Văn	Thông	08/05/1996	Nam	Hải Dương	2.11	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
249	1421011358	Nguyễn Đức	Toàn	31/08/1996	Nam	Thái Bình	2.50	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
250	1421011378	Lê Ngọc	Trọng	27/05/1996	Nam	Thái Bình	2.52	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
251	1421011393	Nguyễn Anh	Tú	28/06/1996	Nam	Bình Định	2.70	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
252	1421011438	Lê Đình	Tuấn	26/11/1995	Nam	Hải Dương	2.55	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
253	1421011421	Lê Quốc	Việt	09/10/1995	Nam	Hà Tĩnh	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT

254	1421011425	Đào Anh	Vũ	19/02/1995	Nam	Thanh Hóa	2.52	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
255	1421011427	Nguyễn Minh	Vương	18/06/1996	Nam	Phú Yên	2.93	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
256	1421011429	Hoàng Thị Tường	Vy	11/05/1996	Nữ	TP Hồ Chí Minh	2.50	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
257	1421011434	Trương Thị Bảo	Yến	15/05/1995	Nữ	Đăk Lăk	2.71	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
258	1321060204	Nguyễn Anh	Ngọc	04/12/1994	Nam	Thanh Hóa	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ thủy khí	DCCDTK58
259	1421060010	Phạm Văn	Anh	21/04/1996	Nam	Hải Phòng	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ thủy khí	DCCDTK59_1
260	1421060011	Trần Nguyễn Việt	Anh	20/12/1996	Nam	Thái Bình	2.50	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ thủy khí	DCCDTK59_1
261	1421060022	Vũ Văn	Biên	10/01/1996	Nam	Nam Định	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ thủy khí	DCCDTK59_1
262	1421060338	Nguyễn Thế	Bính	25/02/1996	Nam	Nghệ An	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ thủy khí	DCCDTK59_1
263	1421060344	Ngô Thế	Công	20/11/1995	Nam	Thái Bình	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ thủy khí	DCCDTK59_1
264	1421060077	Trần Xuân	Đông	06/06/1996	Nam	Phú Thọ	2.56	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ thủy khí	DCCDTK59_1
265	1421060111	Phạm Công	Hoàn	21/02/1996	Nam	Ninh Bình	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ thủy khí	DCCDTK59_1
266	1421060135	Trần Văn	Huy	16/03/1996	Nam	Thanh Hóa	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ thủy khí	DCCDTK59_1
267	1421060154	Phạm Tùng	Lâm	13/02/1996	Nam	Hà Nội	2.56	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ thủy khí	DCCDTK59_1
268	1421060477	Bùi Ngọc	Long	17/03/1996	Nam	Thanh Hóa	2.51	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ thủy khí	DCCDTK59_1
269	1421060170	Ngô Xuân	Mạnh	06/05/1996	Nam	Hải Dương	2.14	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ thủy khí	DCCDTK59_1

270	1421060552	Ngô Văn	Sơn	01/05/1996	Nam	Thanh Hóa	2.60	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ thủy khí	DCCDTK59_1
271	1421060555	Trần Hồng	Sơn	02/10/1996	Nam	Bắc Ninh	2.73	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ thủy khí	DCCDTK59_1
272	1421060237	Nguyễn Tiến	Tài	24/08/1995	Nam	Vĩnh Phúc	2.59	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ thủy khí	DCCDTK59_1
273	1421060241	Triệu Minh	Tâm	22/04/1996	Nam	Thái Bình	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ thủy khí	DCCDTK59_1
274	1421060242	Nguyễn Văn	Tấn	10/03/1996	Nam	Nam Định	2.65	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ thủy khí	DCCDTK59_1
275	1421060259	Lê Quốc	Thể	02/10/1996	Nam	Nam Định	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ thủy khí	DCCDTK59_1
276	1421060602	Dương Thành	Trung	07/08/1995	Nam	Hà Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ thủy khí	DCCDTK59_1
277	1421060298	Trịnh Văn	Tuấn	15/06/1996	Nam	Thanh Hóa	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ thủy khí	DCCDTK59_1
278	1421060649	Trương Duy	Vũ	26/12/1996	Nam	Thanh Hóa	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ thủy khí	DCCDTK59_1
279	1321050110	Trần Thị	Lan	12/07/1995	Nữ	Hà Tây	2.81	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	DCCTDC58_1
280	1421050257	Nguyễn Duy	Anh	25/06/1996	Nam	Thanh Hóa	2.59	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	DCCTDC59_1
281	1421050293	Nguyễn Thị	Chi	02/02/1995	Nữ	Bắc Ninh	2.99	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	DCCTDC59_1
282	1421050312	Lại Thị Mỹ	Dung	12/10/1996	Nữ	Ninh Bình	2.69	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	DCCTDC59_1
283	1421050055	Phạm Sơn	Giang	18/07/1995	Nam	Quảng Ninh	2.88	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	DCCTDC59_1
284	1421050115	Hoàng Gia	Lộc	18/01/1996	Nam	Nam Định	2.50	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	DCCTDC59_1
285	1421050523	Lê Thị	Nga	12/09/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.78	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	DCCTDC59_1

286	1421050186	Văn Tiến	Thành	25/01/1996	Nam	Hà Nội	3.01	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	DCCTDC59_1
287	1421050630	Hồ Huy	Thủy	24/04/1995	Nam	Nghệ An	2.52	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	DCCTDC59_1
288	1421050656	Đỗ Thị Huyền	Trang	07/11/1996	Nữ	Hưng Yên	2.83	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	DCCTDC59_1
289	1421050236	Mai Thị	Tuyết	21/10/1996	Nữ	Hà Nội	2.74	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	DCCTDC59_1
290	1421050714	Đinh Văn	Vũ	17/11/1996	Nam	Hải Phòng	2.55	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	DCCTDC59_1
291	1321050467	Trần Văn	Dũng	07/05/1994	Nam	Vĩnh Phúc	2.90	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT58_1
292	1321050047	Nguyễn Duy	Dương	15/06/1995	Nam	Bắc Ninh	2.05	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT58_2
293	1421050269	Phan Thị	Anh	21/06/1996	Nữ	Nghệ An	2.57	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
294	1421050011	Bùi Thị	Ánh	14/07/1996	Nữ	Thái Bình	2.42	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
295	1421050017	Trần Thị	Bích	27/07/1996	Nữ	Hưng Yên	2.94	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
296	1421050019	Nguyễn Thị Sơn	Ca	26/08/1996	Nữ	Bắc Giang	2.41	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
297	1421050020	Trần Thị	Cảnh	02/10/1996	Nữ	Bắc Ninh	2.51	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
298	1421050359	Nguyễn Văn	Đức	17/02/1996	Nam	Hà Nội	2.58	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
299	1421050366	Lê Thị Thu	Giang	11/09/1996	Nữ	Hà Nội	2.88	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
300	1421050376	Nguyễn Thu	Hà	11/07/1996	Nữ	Hải Dương	2.87	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
301	1421050401	Lý Thị Minh	Hiếu	09/07/1996	Nữ	Hà Nội	3.25	Giỏi	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1

302	1421050406	Phạm Thị	Hoa	08/07/1996	Nữ	Hải Dương	3.01	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
303	1421050408	Nguyễn Thị	Hòa	18/05/1996	Nữ	Bắc Ninh	2.85	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
304	1421050090	Đỗ Lan	Hương	16/07/1996	Nữ	Hải Phòng	2.59	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
305	1421050447	Phạm Thị Thu	Hường	02/12/1996	Nữ	Hà Tây	3.08	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
306	1421050470	Dương Thị	Lan	10/11/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.36	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
307	1421050111	Nhữ Thị	Linh	18/02/1996	Nữ	Bắc Ninh	2.71	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
308	1421050108	Nguyễn Khánh	Linh	25/09/1996	Nữ	Hà Nội	3.01	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
309	1421050485	Nguyễn Thị	Loan	17/05/1994	Nữ	Hải Dương	2.46	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
310	1421050112	Nguyễn Thị Mai	Loan	20/12/1996	Nữ	Hà Nội	2.64	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
311	1421050497	Nguyễn Phương	Ly	06/11/1996	Nữ	Hà Tây	3.27	Giỏi	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
312	1421050121	Nguyễn Thị	Lý	03/03/1996	Nữ	Nghệ An	2.98	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
313	1421050123	Nguyễn Thị	Mai	08/02/1996	Nữ	Bắc Giang	2.52	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
314	1421050140	Hoàng Thị Thúy	Ngân	17/12/1996	Nữ	Nam Định	2.56	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
315	1421050530	Phạm Thị	Ngọc	27/01/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.62	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
316	1421050151	Phạm Hoàng	Ninh	16/02/1996	Nam	Hà Nội	2.48	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
317	1421050154	Nguyễn Văn	Phúc	28/11/1996	Nam	Thái Bình	2.42	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1

318	1421050155	Đàm Thị	Phượng	03/02/1996	Nữ	Hà Nội	2.52	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
319	1421050172	Nguyễn Xuân	Sơn	15/03/1996	Nam	Thanh Hóa	2.09	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
320	1421050576	Lê Văn	Sơn	11/09/1996	Nam	Hà Tây	2.52	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
321	1421050170	Nguyễn Ngọc	Sơn	05/11/1996	Nam	Quảng Ninh	2.60	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
322	1421050185	Nguyễn Hữu	Thành	13/07/1996	Nam	Hà Nội	2.38	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
323	1421050196	Nguyễn Thị	Thu	22/01/1995	Nữ	Hải Dương	2.32	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
324	1421050202	Vũ Trọng	Thưởng	18/08/1996	Nam	Hà Tây	2.50	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
325	1421050633	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	18/11/1996	Nữ	Bắc Ninh	2.85	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
326	1421050245	Lê Thị Lệ	Xuân	06/02/1996	Nữ	Ninh Bình	3.21	Giỏi	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
327	1221050259	Trương Thị	Huyền	09/07/1994	Nữ	Nam Định	2.58	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM57
328	1321050055	Nguyễn Tiến	Đạt	14/05/1995	Nam	Hà Nội	2.42	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
329	1321050457	Phạm Thị	Dung	21/02/1994	Nữ	Thái Bình	2.84	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
330	1321050744	Vũ Thị	Thường	19/09/1995	Nữ	Nam Định	2.51	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
331	1421050253	Đàm Việt	Anh	06/01/1996	Nam	Hải Phòng	3.62	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
332	1421050303	Nguyễn Duy	Cường	25/07/1996	Nam	Thanh Hóa	3.04	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
333	1421050357	Lê Minh	Đức	29/07/1995	Nam	Ninh Bình	2.62	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2

334	1421050050	Ngô Quang	Đức	22/07/1996	Nam	Hưng Yên	2.75	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
335	1421050035	Hoàng Văn	Dũng	15/08/1996	Nam	Nghệ An	2.57	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
336	1421050384	Tăng Xuân	Hải	02/09/1996	Nam	Nghệ An	2.64	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
337	1421050064	Ngô Văn	Hiệp	01/07/1996	Nam	Bắc Giang	2.72	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
338	1421050067	Lý Thanh	Hòa	10/11/1996	Nam	Hà Nội	2.25	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
339	1421050068	Nguyễn Đăng	Hòa	04/11/1996	Nam	Hải Dương	2.60	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
340	1421050077	Nguyễn Huy	Hùng	15/09/1996	Nam	Hà Nội	3.32	Giỏi	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
341	1421050089	Vũ Quang	Hưng	26/04/1995	Nam	Vĩnh Phúc	2.52	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
342	1421050091	Đỗ Thị	Hương	20/03/1996	Nữ	Thái Bình	2.59	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
343	1421050445	Phạm Thị	Hương	13/06/1996	Nữ	Bắc Giang	2.87	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
344	1421050448	Vũ Văn	Hữu	23/06/1996	Nam	Bắc Giang	2.49	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
345	1421050081	Nguyễn Văn	Huy	03/05/1996	Nam	Thái Bình	2.68	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
346	1421050085	Vũ Thị Thúy	Huyền	29/06/1996	Nữ	Nam Định	2.46	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
347	1421050096	Nguyễn Ngọc	Khánh	20/08/1996	Nam	Hà Giang	2.59	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
348	1421050461	Nguyễn Đình	Kiên	26/11/1996	Nam	Hà Nội	2.63	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
349	1421050101	Nguyễn Thị	Lam	06/05/1996	Nữ	Hải Dương	2.69	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2

350	1421050479	Nguyễn Nhật	Linh	16/11/1996	Nữ	Hà Nội	3.01	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
351	1421050119	Lê Thị	Ly	20/09/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.68	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
352	1421050148	Nguyễn Thị	Nhung	21/08/1996	Nữ	Hà Nội	3.16	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
353	1421050539	Nguyễn Thị Kim	Oanh	11/03/1996	Nữ	Thái Bình	3.55	Giỏi	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
354	1421050570	Phạm Ngọc	Sáng	17/02/1995	Nam	Quảng Bình	3.40	Giỏi	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
355	1421050191	Vũ Quyết	Thắng	14/12/1996	Nam	Hà Nội	2.56	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
356	1421050189	Phạm Thế	Thắng	05/06/1995	Nam	Nam Định	2.58	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
357	1421050187	Nguyễn Quốc	Thắng	11/03/1996	Nam	Quảng Ninh	2.66	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
358	1421050638	Trần Thị Thu	Thương	07/09/1996	Nữ	Thái Bình	3.25	Giỏi	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
359	1421050199	Nguyễn Thanh	Thủy	17/02/1996	Nữ	Hà Tây	2.77	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
360	1421050206	Nguyễn Thế	Tiến	02/03/1996	Nam	Bắc Ninh	2.18	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
361	1421050662	Nguyễn Thị Thu	Trang	12/12/1995	Nữ	Hà Nội	2.91	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
362	1421050243	Nguyễn Lâm	Vũ	28/02/1996	Nam	Hà Nội	2.46	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
363	1421050246	Bùi Thị Hoàng	Yến	02/05/1996	Nữ	Bắc Giang	2.51	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
364	1421050043	Nguyễn Mạnh	Đình	17/09/1995	Nam	Hải Phòng	2.32	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học mỏ	DCCTMO59_1
365	1421050052	Trần Văn	Đức	11/08/1996	Nam	Lào Cai	2.62	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học mỏ	DCCTMO59_1

366	1421050326	Đặng Xuân	Duy	18/04/1996	Nam	Hà Tĩnh	3.32	Giỏi	Công nghệ thông tin	Tin học mở	DCCTMO59_1
367	1421050057	Phạm Bảo	Hà	28/02/1996	Nam	Tuyên Quang	2.69	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học mở	DCCTMO59_1
368	1421050453	Nguyễn Văn	Khiêm	10/09/1995	Nam	Nam Định	2.94	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học mở	DCCTMO59_1
369	1421050486	Nguyễn Thị Đài	Loan	28/02/1996	Nữ	Thái Bình	2.72	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học mở	DCCTMO59_1
370	1421050555	Lê Văn	Quân	13/06/1996	Nam	Hưng Yên	2.99	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học mở	DCCTMO59_1
371	1421050164	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	27/05/1996	Nữ	Thái Bình	2.65	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học mở	DCCTMO59_1
372	1421050192	Dương Quỳnh	Thiện	02/01/1996	Nam	Hà Đông	2.36	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học mở	DCCTMO59_1
373	1421050677	Lại Thanh	Tú	21/05/1996	Nam	Hà Nội	2.56	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học mở	DCCTMO59_1
374	1421050229	Vũ Đình	Tuấn	18/04/1995	Nam	Lào Cai	2.51	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học mở	DCCTMO59_1
375	1321050406	Đinh Tuấn	Anh	21/05/1995	Nam	Ninh Bình	2.08	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
376	1321050511	Nguyễn Thanh	Hải	18/10/1995	Nam	Nam Định	2.40	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
377	1321050093	Vũ Duy	Huy	28/03/1995	Nam	Nam Định	2.39	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
378	1321050588	Lê Khả	Khang	16/06/1995	Nam	Thanh Hóa	2.19	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
379	1321050738	Trần Thị Thanh	Thủy	30/09/1995	Nữ	Nam Định	2.34	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
380	1421050248	Trần Xuân	Ái	16/11/1996	Nam	Hà Nội	3.15	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
381	1421050002	Nguyễn Việt	An	01/08/1996	Nam	Thái Bình	2.27	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1

382	1421050001	Lê Đức	An	06/05/1996	Nam	Yên Bái	2.61	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
383	1421050029	Nguyễn Quốc	Cường	19/12/1996	Nam	Phú Thọ	2.71	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
384	1421020306	Nguyễn Minh	Đức	25/11/1994	Nam	Hà Nội	2.59	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
385	1421050317	Lê Tiến	Dũng	13/01/1996	Nam	Thái Bình	2.58	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
386	1421050397	Đoàn Hoàng	Hiệp	04/09/1996	Nam	Quảng Ninh	3.01	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
387	1421050424	Nguyễn Thị	Huệ	10/01/1996	Nữ	Nghệ An	2.61	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
388	1421050082	Nguyễn Văn	Huy	05/12/1996	Nam	Phú Thọ	2.77	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
389	1421050437	Trịnh Thị	Huyền	21/09/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.56	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
390	1421050480	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/11/1996	Nữ	Hà Nam	2.62	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
391	1421050567	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	25/12/1996	Nữ	Hà Nội	3.26	Giỏi	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
392	1421050167	Mai Văn	Sáng	02/11/1996	Nam	Thái Bình	2.64	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
393	1421050573	Bùi Nam	Sơn	07/11/1995	Nam	Hải Dương	2.37	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
394	1421050591	Nguyễn Ngọc	Thái	01/12/1996	Nam	Thanh Hóa	3.08	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
395	1421050197	Nguyễn Thị	Thu	11/01/1996	Nữ	Hà Nội	2.21	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
396	1421050625	Nguyễn Quang	Thủ	25/11/1996	Nam	Thái Bình	2.61	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
397	1421050690	Phạm Anh	Tuấn	30/04/1996	Nam	Sơn La	2.89	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1

398	1121050042	Trần Trung	Hiếu	24/08/1993	Nam	Ucraina	2.20	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD56
399	1321050643	Đinh Trung	Nghĩa	17/02/1995	Nam	Hà Nam	2.17	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD58_1
400	1421050060	Vũ Thanh	Hải	08/06/1996	Nam	Hà Nội	2.49	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD59_1
401	1421050076	Lại Văn	Hùng	18/04/1996	Nam	Thanh Hóa	2.13	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD59_1
402	1421050120	Hoàng Thị	Lý	21/09/1996	Nữ	Bắc Ninh	2.54	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD59_1
403	1421050149	Đỗ Đình	Nhượng	12/09/1996	Nam	Vĩnh Phúc	2.40	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD59_1
404	1421050221	Trần Trọng	Trường	22/01/1996	Nam	Bắc Ninh	2.90	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD59_1
405	1421050228	Trịnh Đình	Tuấn	18/10/1996	Nam	Thanh Hóa	3.18	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD59_1
406	1421050018	Trịnh Đình	Bình	06/08/1995	Nam	Thanh Hóa	2.74	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD59_2
407	1421050174	Phan Anh	Sơn	24/10/1995	Nam	Ninh Bình	2.84	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD59_2
408	1221020150	Đỗ Văn	Thụ	13/04/1994	Nam	Hà Tây	2.50	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT57A
409	1321020489	Nguyễn Văn	Đô	25/09/1993	Nam	Nam Định	2.56	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT58_1
410	1321020092	Nguyễn Mạnh	Hiển	22/04/1994	Nam	Hà Tĩnh	2.09	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT58_1
411	1321020790	Trần Quốc	Tuấn	16/02/1995	Nam	Nam Định	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT58_1
412	1321040334	Nguyễn Tất	Vương	25/12/1994	Nam	Nghệ An	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT58_1
413	1421020004	Đặng Đức	Anh	15/09/1996	Nam	Bắc Giang	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1

414	1421020005	Đỗ Mai	Anh	01/01/1996	Nữ	Hải Hưng	2.94	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
415	1421020019	Trần Văn	Biên	18/08/1994	Nam	Nam Định	2.52	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
416	1421020026	Phạm Thế	Công	27/10/1996	Nam	Thái Bình	3.37	Giỏi	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
417	1421020035	Vũ Văn	Đáng	14/06/1996	Nam	Hải Hưng	2.95	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
418	1421020037	Trần Tiến	Đạt	18/03/1996	Nam	Thái Nguyên	2.85	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
419	1421020295	Nguyễn Ngọc	Đoàn	10/09/1996	Nam	Thái Bình	2.55	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
420	1421020314	Ngô Thị	Giang	26/02/1996	Nữ	Nam Định	2.75	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
421	1421020049	Nguyễn Thu	Hà	28/02/1996	Nữ	Thái Bình	3.07	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
422	1421020055	Trần Đức	Hải	10/08/1996	Nam	Nghệ An	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
423	1421020330	Hoàng Việt	Hải	20/08/1995	Nam	Thanh Hóa	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
424	1421020344	Vương Thị	Hằng	09/02/1996	Nữ	Nghệ An	3.40	Giỏi	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
425	1421020338	Đinh Đức	Hạnh	10/07/1995	Nam	Nghệ An	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
426	1421020359	Nguyễn Văn	Hiếu	16/12/1996	Nam	Quảng Ninh	2.15	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
427	1421020067	Nguyễn Văn	Hòa	19/01/1995	Nam	Vĩnh Phú	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
428	1421020070	Nguyễn Duy	Hoàng	22/01/1996	Nam	Hà Bắc	2.58	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
429	1421020388	Cao Văn	Huy	03/11/1996	Nam	Nam Định	2.55	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1

430	1421020423	Đặng Xuân	Kỳ	02/04/1996	Nam	Nam Định	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
431	1421020429	Nguyễn Quỳnh	Liên	20/08/1996	Nữ	Hà Nội	2.50	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
432	1421020453	Trương Tam	Long	25/04/1996	Nam	Hà Nội	2.54	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
433	1421020463	Lý Tiến	Mạnh	09/10/1996	Nam	Thái Bình	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
434	1421020488	Nguyễn Trung	Nghĩa	25/09/1996	Nam	Hải Phòng	2.50	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
435	1421020123	Trần Viết	Phong	14/01/1996	Nam	Nam Hà	2.72	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
436	1421020523	Bùi Ngọc	Quý	27/01/1994	Nam	Thái Bình	2.89	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
437	1421020131	Phạm Như	Quyền	20/05/1996	Nam	Hưng Yên	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
438	1421020557	Hoàng Minh	Thái	02/06/1996	Nam	Quảng Ninh	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
439	1421020570	Nguyễn Thị Phương	Thảo	18/11/1996	Nữ	Thái Bình	2.79	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
440	1421020585	Nguyễn Văn	Thịnh	07/06/1996	Nam	Thái Bình	2.16	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
441	1421020159	Lê Đức	Thùy	29/04/1996	Nam	Nam Định	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
442	1421020608	Lê Văn	Tiềm	24/07/1995	Nam	Quảng Trị	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
443	1421020165	Vũ Văn	Tinh	25/02/1996	Nam	Nam Định	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
444	1421020618	Nguyễn Văn	Toàn	01/05/1995	Nam	Nghệ An	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
445	1421020654	Đới Sĩ	Tuấn	06/08/1996	Nam	Thanh Hóa	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1

446	1421020668	Cao Xuân	Tùng	23/05/1996	Nam	Nghệ An	2.60	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
447	1421020188	Đỗ Như	Tùng	19/09/1995	Nam	Hà Nội	2.85	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
448	1421020684	Phan Thị Tố	Uyên	08/04/1996	Nữ	Nghệ An	2.67	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
449	1421020200	Phạm Lễ	Xuân	04/09/1996	Nam	Nam Định	2.69	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_1
450	1421020014	Vũ Thế	Anh	30/05/1996	Nam	Nam Hà	2.15	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_2
451	1421020235	Đặng Quốc	Bình	22/01/1996	Nam	Hải Dương	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_2
452	1421020328	Đỗ Ngọc	Hải	14/11/1996	Nam	Nam Định	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_2
453	1421020345	Nguyễn Công	Hậu	01/05/1996	Nam	Ninh Bình	2.04	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_2
454	1421020349	Nguyễn Thị Thu	Hiền	14/11/1996	Nữ	Hưng Yên	3.21	Giỏi	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_2
455	1421020069	Đỗ Huy	Hoàng	22/10/1996	Nam	Lào Cai	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_2
456	1421020369	Nguyễn Văn	Hoàng	30/05/1996	Nam	Nam Định	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_2
457	1421020376	Trịnh Đình	Học	23/08/1996	Nam	Nam Hà	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_2
458	1421020076	Phạm Đình	Huy	28/11/1996	Nam	Thái Bình	3.12	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_2
459	1421020082	Nguyễn	Khánh	12/03/1996	Nam	Thái Bình	2.94	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_2
460	1421020100	Nguyễn Thị	Mai	28/09/1996	Nữ	Bắc Ninh	2.87	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_2
461	1421020136	Nguyễn Hoàng	Sơn	30/07/1996	Nam	Quảng Ninh	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_2

462	1421020575	Hoàng Thăng	Thắng	10/02/1996	Nam	Thanh Hóa	3.19	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_2
463	1421020560	Đỗ Công	Thành	31/07/1996	Nam	Hà Nội	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_2
464	1421020161	Cao Thị	Thúy	19/09/1996	Nữ	Nam Định	2.68	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT59_2
465	1521020383	Dương Xuân	Hùng	03/02/1995	Nam	Thái Bình	2.73	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - ĐKT	DCDCCT60_1
466	1321020030	Trần Văn	Chương	18/11/1995	Nam	Quảng Trị	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
467	1321020145	Lê Thị Ngọc	Mai	21/10/1995	Nữ	Thanh Hóa	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_2
468	1421020011	Phạm Thị Vân	Anh	22/06/1996	Nữ	Thái Bình	3.12	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
469	1421020229	Nguyễn Đình	Báu	23/08/1995	Nam	Nghệ An	2.76	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
470	1421020020	Nguyễn Văn	Bình	07/04/1996	Nam	Nam Định	2.72	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
471	1421020240	Lê Thị	Bùi	11/11/1996	Nữ	Nam Định	2.88	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
472	1421020256	Nguyễn Mạnh	Cường	16/06/1995	Nam	Nghệ An	2.51	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
473	1421020028	Tạ Mạnh	Cường	20/07/1996	Nam	Ninh Bình	2.61	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
474	1421020341	Nguyễn Chung	Hào	30/10/1996	Nam	Nam Định	2.59	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
475	1421020059	Lê Thị	Hiệp	26/06/1996	Nữ	Bắc Ninh	3.01	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
476	1421020066	Lê Thị	Hòa	10/06/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.11	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
477	1421020387	Trần Đăng	Hùng	31/12/1996	Nam	Nam Định	2.59	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1

478	1421020390	Ngô Văn	Huy	26/07/1995	Nam	Vĩnh Phúc	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
479	1421020394	Nguyễn Tuấn	Huy	09/09/1994	Nam	Hòa Bình	2.63	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
480	1421020417	Nguyễn Đức	Khoa	15/01/1996	Nam	Vĩnh Phúc	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
481	1421020422	Mai Trung	Kiên	23/06/1996	Nam	Hà Nội	2.93	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
482	1421020432	Hoàng Thùy	Linh	20/12/1996	Nữ	Hà Nội	2.55	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
483	1421020086	Nguyễn Thị Thùy	Linh	11/02/1996	Nữ	Lào Cai	2.74	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
484	1421020102	Phan Thị	Mai	02/01/1995	Nữ	Nam Định	2.61	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
485	1421020462	Lâm Văn	Mạnh	16/09/1995	Nam	Đăk Lăk	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
486	1421020485	Trần Văn	Nam	04/01/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.57	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
487	1421020112	Bùi Thanh	Nam	25/11/1993	Nam	Hải Dương	2.98	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
488	1421020497	Lê Thị Hồng	Nhung	06/10/1995	Nữ	Thanh Hóa	2.82	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
489	1421020530	Lại Thị Ngọc	Quỳnh	12/08/1996	Nữ	Vĩnh Phúc	3.13	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
490	1421030521	Lê Văn	Sao	30/10/1995	Nam	Hải Phòng	2.63	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
491	1421020134	Phạm Cao	Siêu	26/05/1996	Nam	Thái Bình	3.07	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
492	1421020138	Phạm Thành	Sơn	04/11/1996	Nam	Thái Bình	2.59	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
493	1421020141	Ngô Sỹ	Tâm	01/07/1996	Nam	Nghệ An	2.70	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1

494	1421020142	Phạm Thị	Tâm	01/11/1996	Nữ	Thái Nguyên	2.86	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
495	1421020143	Nguyễn Chí Tùng	Tây	22/06/1996	Nam	Bắc Ninh	2.67	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
496	1421020572	Phạm Thị Thanh	Thảo	14/11/1996	Nữ	Thái Bình	2.70	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
497	1421020155	Nguyễn Thị	Thêu	14/11/1996	Nữ	Thái Bình	2.92	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
498	1421020156	Nguyễn Thị	Thoa	20/08/1996	Nữ	Hà Nam	2.98	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
499	1421020158	Bùi Thị	Thơm	25/04/1996	Nữ	Hà Nam	2.81	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
500	1421020162	Nguyễn Bá	Thụy	15/12/1996	Nam	Nam Định	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
501	1421020178	Nguyễn Mạnh	Tú	16/06/1994	Nam	Quảng Bình	2.72	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
502	1421020187	Vương Văn	Tuấn	29/05/1996	Nam	Hà Tây	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
503	1421020184	Nguyễn Anh	Tuấn	16/03/1996	Nam	Hà Nội	2.64	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
504	1421020656	Lê Anh	Tuấn	27/10/1996	Nam	Hà Tây	2.86	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
505	1421020191	Nguyễn Thị	Uyên	11/10/1996	Nữ	Bắc Ninh	2.94	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
506	1421020192	Lê Thanh	Vân	12/08/1996	Nữ	Hà Nội	2.90	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
507	1421020196	Đỗ Văn	Vọng	22/05/1995	Nam	Nam Hà	2.58	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
508	1421020201	Đinh Thị Hải	Yến	22/05/1996	Nữ	Hà Tây	2.65	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
509	1421020202	Hoàng Hải	Yến	12/07/1996	Nữ	Thái Bình	2.83	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1

510	1421020018	Đỗ Văn	Bằng	06/10/1996	Nam	Nam Định	2.62	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_4
511	1421020021	Tường Duy	Bôn	02/12/1996	Nam	Hưng Yên	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_4
512	1421020023	Trần Phương	Chi	29/07/1996	Nữ	Quảng Ninh	3.06	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_4
513	1421020056	Trần Thị Thu	Hiền	24/02/1994	Nữ	Ninh Bình	3.12	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_4
514	1421020378	Lâm Thị	Huệ	07/07/1996	Nữ	Thái Nguyên	3.69	Xuất sắc	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_4
515	1421020487	Đinh Thị	Ngà	28/07/1996	Nữ	Ninh Bình	2.63	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_4
516	1421020127	Lưu Thị	Phượng	20/06/1995	Nữ	Vĩnh Phú	2.63	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_4
517	1421020607	Nguyễn Thị	Thương	06/05/1996	Nữ	Bắc Giang	3.19	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_4
518	1421020690	Đặng Thúy	Vân	16/04/1996	Nữ	Nam Định	2.63	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_4
519	1421020688	Nguyễn Đình	Văn	04/03/1995	Nam	Nghệ An	2.73	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_4
520	1421020015	Phạm Văn	Bách	08/07/1996	Nam	Quảng Ninh	2.64	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK59_2
521	1421020352	Đỗ Văn	Hiếu	29/05/1996	Nam	Ninh Bình	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK59_2
522	1421020115	Nguyễn Thị	Nga	23/11/1996	Nữ	Thái Bình	3.52	Giỏi	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK59_2
523	1421020119	Nguyễn Thị	Oanh	23/11/1996	Nữ	Thái Bình	3.42	Giỏi	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK59_2
524	1421020604	Trần Thị Minh	Thúy	31/03/1996	Nữ	Bắc Ninh	2.87	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK59_2
525	1421020169	Tạ Thị	Trang	02/12/1996	Nữ	Vĩnh Phúc	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK59_2

526	1421020628	Vũ Văn	Trọng	15/12/1996	Nam	Hải Dương	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK59_2
527	1121020219	Trần Sơn	Tùng	15/08/1993	Nam	Hà Nội	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV56B
528	1221020079	Trần Mạnh	Hữu	27/03/1993	Nam	Hà Nam	2.16	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV57A
529	1221020114	Đặng Văn	Phương	19/06/1994	Nam	Hải Phòng	2.15	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV57A
530	1321020724	Dương Văn	Thể	01/10/1995	Nam	Hà Nội	2.63	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
531	1421020309	Nguyễn Văn	Đức	08/08/1996	Nam	Nghệ An	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV59_1
532	1421020042	Nguyễn Anh	Đức	08/12/1996	Nam	Quảng Ninh	2.56	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV59_1
533	1421020072	Dương Mạnh	Hùng	12/05/1996	Nam	Phú Thọ	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV59_1
534	1421020709	Đỗ Quang	Huy	25/01/1996	Nam	Nam Định	2.96	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV59_1
535	1421020179	Phan Văn	Tú	22/10/1996	Nam	Nam Định	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV59_1
536	1421020040	Thân Văn	Đoàn	24/05/1996	Nam	Bắc Giang	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV59_2
537	1421020046	Nguyễn Thị Hương	Giang	17/05/1996	Nữ	Hà Tây	2.86	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV59_2
538	1421020331	Phạm Đình	Hải	15/11/1995	Nam	Thanh Hóa	2.94	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV59_2
539	1421020064	Đỗ Văn	Hiệu	25/07/1996	Nam	Nam Định	2.55	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV59_2
540	1421020371	Trần Đình	Hoàng	20/04/1996	Nam	Vĩnh Phúc	2.73	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV59_2
541	1421020383	Nguyễn Kim	Hùng	09/01/1996	Nam	Lạng Sơn	3.04	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV59_2

542	1421020405	Phạm Việt	Hưng	17/06/1996	Nam	Thái Bình	2.66	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV59_2
543	1421020401	Chu Tuấn	Hưng	20/04/1996	Nam	Thái Bình	2.78	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV59_2
544	1421020400	Cao Sỹ	Hưng	28/08/1994	Nam	Thanh Hóa	2.99	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV59_2
545	1421030117	Bùi Huyền	Linh	18/11/1996	Nữ	Hải Dương	2.64	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV59_2
546	1421020443	Vũ Thị	Loan	28/11/1996	Nữ	Hải Phòng	3.19	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV59_2
547	1421020451	Trần Hiếu	Long	10/10/1996	Nam	Nam Định	2.62	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV59_2
548	1421020099	Đặng Thị Thúy	Mai	30/11/1996	Nữ	Nam Định	2.81	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV59_2
549	1421020160	Nguyễn Thị	Thủy	03/09/1995	Nữ	Vĩnh Phúc	2.58	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV59_2
550	1421020198	Tạ Anh	Vũ	26/09/1996	Nam	Hà Nội	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV59_2
551	1121020162	Nguyễn Đăng	Quyền	22/12/1993	Nam	Bắc Ninh	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	DCDKDC56
552	1421010020	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	30/04/1996	Nữ	Thái Bình	3.39	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_1
553	1421010061	Nguyễn Phương	Duy	28/07/1996	Nam	Thái Bình	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_1
554	1421030120	Nguyễn Duy	Linh	24/09/1996	Nam	Hà Nội	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_1
555	1421010193	Lê Thị	Mai	20/05/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_1
556	1421010233	Trần Thị	Nhuận	16/10/1996	Nữ	Tuyên Quang	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_1
557	1421010252	Mai Thị	Phượng	09/11/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.06	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_1

558	1421010008	Giang Thị Tú	Anh	05/09/1996	Nữ	Hòa Bình	3.30	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
559	1421010027	Phạm Xuân	Bền	06/12/1996	Nam	Nam Định	2.69	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
560	1421010091	Trần Thu	Hà	11/09/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.38	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
561	1421010094	Lê Đồng	Hải	20/04/1996	Nam	Thanh Hóa	2.87	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
562	1421010111	Nguyễn Văn	Hiển	05/03/1996	Nam	Bắc Ninh	2.85	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
563	1421010125	Bùi Thị	Hoài	05/06/1996	Nữ	Thái Bình	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
564	1421010151	Trần Đại	Hưng	07/04/1996	Nam	Nghệ An	2.63	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
565	1421010156	Lê Thị	Hường	27/09/1996	Nữ	Thái Bình	3.68	Xuất sắc	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
566	1421010159	Phạm Ngọc	Hữu	15/10/1996	Nam	Thanh Hóa	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
567	1421010160	Trần Văn	Hữu	23/01/1996	Nam	Thanh Hóa	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
568	1421020399	Phạm Duy	Huỳnh	16/01/1996	Nam	Hà Nam	2.05	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
569	1421020440	Trần Tuấn	Linh	10/10/1996	Nam	Hà Nội	2.50	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
570	1421010176	Bùi Thị	Linh	03/05/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.12	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
571	1421010178	Hà Diệu	Linh	17/11/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.36	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
572	1421010187	Trần Vĩnh	Luận	27/07/1996	Nam	Thái Bình	2.83	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
573	1421010195	Bùi Văn	Mạnh	04/12/1996	Nam	Phú Thọ	2.53	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2

574	1421010207	Hoàng Minh	Mỹ	25/06/1996	Nam	Hải Phòng	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
575	1421010243	Lê Hồng	Phúc	12/05/1995	Nam	Nghệ An	2.71	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
576	1421010250	Trần Thanh	Phương	29/04/1996	Nam	Nam Định	2.98	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
577	1421010272	Nguyễn Thị	Quyên	17/11/1995	Nữ	Tuyên Quang	3.05	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
578	1421010369	Nguyễn Văn	Tuấn	18/11/1996	Nam	Bắc Giang	2.62	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
579	1421020250	Bạch Hải	Cương	01/10/1996	Nam	Hà Tây	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_1
580	1421010074	Lê Quang	Đại	10/12/1996	Nam	Hà Tây	2.52	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_1
581	1421010058	Tạ Văn	Dũng	17/06/1996	Nam	Vĩnh Phúc	2.62	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_1
582	1421010059	Cao Đức	Duy	13/05/1996	Nam	Nam Định	2.80	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_1
583	1421010063	Nguyễn Xuân	Duy	01/01/1996	Nam	Hải Phòng	3.21	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_1
584	1421010099	Phạm Thị Hồng	Hạnh	11/07/1996	Nữ	Hà Tây	3.12	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_1
585	1421010116	Đoàn Ngọc	Hiếu	25/03/1996	Nam	Hà Tĩnh	3.04	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_1
586	1424010058	Lý Tuyên	Hoàng	01/07/1996	Nam	Hải Dương	2.51	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_1
587	1421010153	Trần Văn	Hưng	01/10/1996	Nam	Bắc Ninh	2.66	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_1
588	1421010158	Trần Thị	Hường	23/07/1996	Nữ	Hưng Yên	3.63	Xuất sắc	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_1
589	1421010188	Tăng Văn	Luyện	18/08/1996	Nam	Bắc Giang	3.55	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_1

590	1421010192	Đỗ Thị	Ly	23/08/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_1
591	1421010219	Đặng Thị	Ngọc	08/08/1996	Nữ	Thái Bình	3.62	Xuất sắc	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_1
592	1421010339	Vũ Đức	Tính	17/10/1996	Nam	Nam Định	3.10	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_1
593	1421010405	Đào Thu	Trang	26/03/1996	Nữ	Hà Nội	3.52	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_1
594	1421060626	Trần Anh	Tuấn	31/08/1996	Nam	Hà Nội	2.72	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_1
595	1421010386	Dương Đức	Vinh	14/11/1996	Nam	Hà Tây	3.00	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_1
596	1424010021	Nguyễn Thị	Diễm	01/05/1996	Nữ	Thái Bình	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_2
597	1421030080	Nguyễn Minh	Hoàng	06/12/1996	Nam	Hà Nội	2.87	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_2
598	1421010170	Vũ Thị	Lan	05/10/1996	Nữ	Thái Bình	3.39	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_2
599	1421010277	Trần Phong	Quyền	25/06/1996	Nam	Hà Bắc	2.83	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_2
600	1421010285	Kiều Văn	Sơn	18/09/1996	Nam	Hà Tây	2.90	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_2
601	1421010310	Lý Văn	Thắng	29/02/1996	Nam	Thái Nguyên	3.40	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_2
602	1421010313	Lê Đức	Thiện	20/10/1996	Nam	Nam Hà	2.76	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_2
603	1421010345	Nguyễn Thị Huyền	Trang	25/04/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.71	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_2
604	1221040163	Hoàng Quốc	Mạnh	09/05/1993	Nam	Thanh Hóa	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK57B
605	1321010197	Nguyễn Văn	Khôi	12/09/1993	Nam	Hà Nam	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK58_2

606	1321011076	Lê Xuân	Mong	25/04/1990	Nam	Đak Lak	2.72	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK58VT
607	1321011089	Trần Đình	Quốc	03/05/1995	Nam	Quảng Nam	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK58VT
608	1421020006	Lê Tuấn	Anh	18/03/1996	Nam	Thái Bình	2.55	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
609	1421010014	Nguyễn Tuấn	Anh	01/01/1996	Nam	Ninh Bình	2.90	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
610	1421010030	Nguyễn Thanh	Bình	12/12/1996	Nam	Thái Bình	2.79	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
611	1421010048	Trần Quốc	Cường	21/05/1996	Nam	Đăk Lăk	2.56	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
612	1421010044	Nguyễn Văn	Cường	16/10/1996	Nam	Thái Bình	2.95	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
613	1421010081	Nguyễn Bùi	Đăng	16/02/1996	Nam	Quảng Trị	2.91	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
614	1421010056	Nguyễn Trọng	Dũng	21/04/1996	Nam	Thái Bình	3.06	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
615	1421010052	Hoàng Anh	Dũng	01/11/1996	Nam	Thanh Hóa	3.19	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
616	1421030059	Phương Quang	Hải	09/12/1996	Nam	Hà Nội	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
617	1421010136	Hoàng Văn	Huân	03/06/1996	Nam	Thái Bình	2.84	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
618	1421010142	Nguyễn Việt	Hùng	02/10/1996	Nam	Nam Hà	2.76	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
619	1421010139	Lâm Viết	Hùng	13/08/1996	Nam	Thái Bình	2.95	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
620	1421010152	Trần Trọng	Hưng	11/03/1996	Nam	Thái Bình	3.15	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
621	1421030381	Lê Thành	Huy	14/02/1996	Nam	Quảng Ninh	2.84	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1

622	1421010164	Lưu Quốc	Khánh	14/01/1996	Nam	Thái Bình	2.83	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
623	1421020081	Lê Huyền	Khánh	19/09/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.99	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
624	1421010172	Nguyễn Sơn	Lâm	07/01/1996	Nam	Thanh Hóa	2.70	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
625	1421010182	Trương Xuân	Linh	15/03/1996	Nam	Thanh Hóa	2.58	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
626	1421010204	Nguyễn Văn	Minh	22/08/1996	Nam	Thái Nguyên	2.97	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
627	1421010203	Nguyễn Đức	Minh	16/07/1996	Nam	Hà Tây	3.10	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
628	1421010208	Bùi Văn	Nam	23/03/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.74	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
629	1421010239	Đỗ Văn	Phong	11/04/1996	Nam	Thái Bình	3.01	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
630	1421010241	Trần Xuân	Phong	30/12/1995	Nam	Thái Bình	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
631	1421010263	Đào Tiến	Quân	14/09/1996	Nam	Nam Định	3.09	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
632	1421010261	Voòng Duy	Quang	11/11/1996	Nam	Quảng Ninh	2.98	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
633	1421011287	Ngô Quang	Quý	08/02/1996	Nam	Hà Nội	2.64	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
634	1421010284	Đoàn Hồng	Sơn	10/11/1996	Nam	Thái Bình	2.68	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
635	1421010308	Nguyễn Đình	Thăng	10/01/1996	Nam	Phú Thọ	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
636	1421010296	Nguyễn Tài	Thành	26/02/1995	Nam	Nghệ An	2.95	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
637	1421010316	Nguyễn Huy	Thiết	04/04/1996	Nam	Nghệ An	2.90	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1

638	1421010330	Nguyễn Hữu	Thường	05/10/1996	Nam	Nghệ An	2.57	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
639	1421011350	Lê Quang	Tiến	04/02/1995	Nam	Hà Nội	2.61	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
640	1421020164	Lê Đức	Tín	14/01/1995	Nam	Hải Hưng	2.60	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
641	1421010335	Trần Đức	Tín	05/05/1996	Nam	Nghệ An	2.81	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
642	1421010336	Lê Thiên	Tình	22/01/1996	Nam	Hà Tây	3.08	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
643	1421010340	Đinh Đức	Toàn	02/05/1996	Nam	Hà Tây	2.77	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
644	1421010348	Phạm Đức	Trọng	01/02/1996	Nam	Nam Định	2.82	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
645	1421010351	Nguyễn Văn	Trúc	04/06/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.81	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
646	1421010354	Nguyễn Khánh	Trung	21/08/1996	Nam	Nghệ An	2.92	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
647	1421030217	Phương Anh	Tú	27/11/1996	Nam	Hà Nội	2.91	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
648	1421010376	Nguyễn Thanh	Tùng	18/05/1995	Nam	Hải Phòng	2.92	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
649	1421010374	Mạc Trần	Tùng	11/09/1995	Nam	Hải Hưng	3.14	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
650	1421010383	Phạm Viết	Việt	07/10/1996	Nam	Thái Bình	2.85	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
651	1421010384	Trần Đình	Việt	09/05/1996	Nam	Thái Bình	2.94	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
652	1421010387	Nguyễn Cảnh	Vinh	07/01/1996	Nam	Nghệ An	3.02	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_1
653	1421010010	Lê Minh	Anh	13/09/1996	Nam	Hà Nội	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2

654	1421010017	Nguyễn Ngọc	Ánh	15/04/1996	Nữ	Hòa Bình	3.21	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
655	1421010026	Ngô Xuân	Bằng	23/06/1996	Nam	Ninh Bình	3.08	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
656	1421010021	Bàn Văn	Bảo	21/11/1996	Nam	Thanh Hóa	2.67	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
657	1421010025	Vũ Văn	Bảo	08/09/1994	Nam	Nam Định	2.84	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
658	1421010023	Nguyễn Kim	Bảo	29/08/1995	Nam	Nghệ An	3.18	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
659	1421010033	Nguyễn Ngọc	Chiến	01/02/1996	Nam	Nam Định	2.69	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
660	1421010034	Lê Thành	Chinh	08/06/1996	Nam	Thanh Hóa	2.65	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
661	1421010078	Đỗ Thành	Đạt	21/01/1994	Nam	Hưng Yên	2.83	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
662	1421010082	Cù Văn	Điệp	01/04/1996	Nam	Hải Phòng	3.01	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
663	1421040080	Hoàng Anh	Đức	13/09/1996	Nam	Hà Nội	2.59	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
664	1421010085	Lê Xuân	Đức	03/10/1996	Nam	Nghệ An	2.67	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
665	1421010089	Phạm Văn	Đức	30/03/1996	Nam	Nghệ An	2.86	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
666	1421010053	Nguyễn Anh	Dũng	19/05/1996	Nam	Thanh Hóa	2.80	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
667	1421010069	Hoàng Đại	Dương	01/11/1995	Nam	Hưng Yên	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
668	1421010064	Phạm Công	Duy	20/04/1996	Nam	Thái Bình	2.52	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
669	1421010060	Đặng	Duy	02/02/1996	Nam	Thái Bình	2.53	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2

670	1421011114	Nguyễn Hữu	Hạnh	27/08/1994	Nam	Nghệ An	3.84	Xuất sắc	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
671	1421010105	Nguyễn Văn	Hậu	28/11/1996	Nam	Hưng Yên	3.31	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
672	1421040416	Nguyễn Quang	Hòa	01/11/1996	Nam	Thái Bình	2.85	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
673	1421010123	Nguyễn Xuân	Hòa	28/02/1996	Nam	Hải Hưng	3.02	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
674	1421011138	Nguyễn Huy	Hoàng	21/12/1996	Nam	TP Hồ Chí Minh	2.58	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
675	1421010140	Nguyễn Trương Việt	Hùng	22/12/1996	Nam	Nghệ An	2.75	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
676	1421010148	Cảnh Chi	Hưng	18/04/1996	Nam	Hà Tây	2.52	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
677	1421010173	Nguyễn Văn	Lâm	07/07/1996	Nam	Hải Dương	2.69	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
678	1421020433	Lê Quang	Linh	15/12/1996	Nam	Đà Nẵng	3.00	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
679	1421010183	Vũ Văn	Linh	12/01/1996	Nam	Thái Bình	3.04	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
680	1421010186	Nguyễn Hữu	Long	30/09/1996	Nam	Nam Hà	2.67	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
681	1421010191	Phạm Văn	Lực	02/11/1996	Nam	Nam Định	3.00	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
682	1421010404	Vũ Thị	Mừng	04/10/1996	Nữ	Nam Hà	3.23	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
683	1421010244	Trần Minh	Phúc	19/11/1996	Nam	Nam Hà	2.89	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
684	1421010262	Dương Đình	Quân	06/09/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.63	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
685	1421030155	Hoàng Tài	Quang	15/08/1996	Nam	Hưng Yên	2.70	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2

686	1421010283	Trần Quang	Sang	29/06/1996	Nam	Hà Tây	3.08	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
687	1421010287	Phạm Văn	Sơn	09/01/1996	Nam	Nam Định	2.59	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
688	1421020578	Nguyễn Quyết	Thắng	19/04/1996	Nam	Kon Tum	3.04	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
689	1421010337	Đặng Văn	Tĩnh	18/03/1996	Nam	Nam Hà	2.88	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
690	1421010349	Trần Đình	Trọng	13/09/1996	Nam	Hưng Yên	2.94	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
691	1421010352	Dương Văn	Trung	21/09/1996	Nam	Ninh Bình	2.93	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
692	1421030226	Phạm Văn	Tuấn	01/04/1996	Nam	Nam Định	2.72	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59_2
693	1421011001	Huỳnh Nhật	An	13/07/1996	Nam	Quảng Ngãi	2.84	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
694	1421011005	Hoàng Quang	Anh	15/02/1996	Nam	Nghệ An	2.66	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
695	1421011006	Lê Quang Tuấn	Anh	15/10/1994	Nam	Hà Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
696	1421011015	Phạm Việt	Anh	01/08/1996	Nam	Hà Nội	2.68	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
697	1421011011	Nguyễn Kim	Anh	04/02/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.90	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
698	1421011016	Phan Thị Lan	Anh	01/03/1996	Nữ	Quảng Bình	3.07	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
699	1421011053	Võ Tá	Cường	10/08/1995	Nam	Đăk Lăk	2.89	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
700	1421011056	Trần Văn	Duẩn	20/12/1996	Nam	Nghệ An	3.23	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
701	1421011085	Lê Quang	Đức	10/08/1996	Nam	Vũng Tàu	2.54	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT

702	1421011094	Trần Đình	Đức	02/12/1996	Nam	Quảng Ninh	2.81	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
703	1421011066	Trần Văn	Dũng	06/07/1996	Nam	Quảng Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
704	1421011104	Hoàng Văn	Hài	27/08/1996	Nam	Lâm Đồng	2.62	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
705	1421011139	Lê Văn	Hòe	25/01/1995	Nam	Thanh Hóa	2.84	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
706	1421011144	Nguyễn Duy	Hùng	20/12/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.54	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
707	1421011164	Kiều Mạnh	Hưng	11/10/1996	Nam	Nghệ An	2.95	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
708	1421011172	Trần Mạnh	Hữu	08/12/1996	Nam	Thanh Hóa	3.00	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
709	1421011215	Võ Quang	Lộc	09/10/1996	Nam	Quảng Ngãi	2.89	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
710	1421011211	Nguyễn Quốc Phước	Long	19/05/1996	Nam	Nghệ An	2.78	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
711	1421011252	Hà Như	Nguyên	20/11/1996	Nam	Thanh Hóa	2.90	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
712	1421011260	Nguyễn Đình	Nhu	04/04/1995	Nam	Thái Nguyên	2.60	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
713	1421011270	Nguyễn Hữu	Phố	29/10/1996	Nam	Thái Bình	2.71	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
714	1421011276	Trương Minh	Phúc	06/06/1995	Nam	Nghệ An	2.76	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
715	1421011275	Trần Minh	Phúc	27/10/1995	Nam	Bà Rịa Vũng Tàu	2.88	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
716	1421011286	Mai Anh	Quốc	22/12/1996	Nam	Kiên Giang	3.32	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
717	1421011292	Trần Văn	Song	15/07/1996	Nam	Hải Dương	2.57	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT

718	1421011325	Nguyễn Văn	Thắng	26/03/1996	Nam	Nghệ An	2.69	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
719	1421011332	Huỳnh Thanh	Thọ	10/04/1996	Nam	Bến Tre	2.51	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
720	1421011386	Đinh Quang	Trường	19/10/1996	Nam	Thái Bình	2.70	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
721	1421011389	Phạm Duy	Trường	20/06/1996	Nam	Bà Rịa Vũng Tàu	3.06	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
722	1421011401	Nguyễn Minh	Tuấn	19/10/1996	Nam	Bà Rịa Vũng Tàu	2.75	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác	DCDKKK59VT
723	1021010292	Lê Hoàng	Sơn	13/12/1992	Nam	Thanh Hóa	2.08	Trung Bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD55B
724	1321060284	Lê Xuân	Thắng	20/06/1995	Nam	Thanh Hóa	2.39	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
725	1421010006	Đặng Hồ Vân	Anh	07/11/1996	Nữ	Lâm Đồng	2.65	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_1
726	1421010084	Lê Văn	Đông	12/08/1996	Nam	Thanh Hóa	2.56	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_1
727	1421020032	Nguyễn Đức	Duyệt	29/10/1996	Nam	Thái Bình	2.58	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_1
728	1421010096	Nguyễn Thanh	Hải	03/11/1996	Nam	Thái Bình	3.09	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_1
729	1421010107	Bùi Thị	Hiền	02/10/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.96	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_1
730	1421030075	Trần Quang	Hoan	04/11/1995	Nam	Nghệ An	2.34	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_1
731	1421010395D	Quách Thị	Hương	15/06/1994	Nữ	Thanh Hóa	2.74	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_1
732	1421011189	Dương Ngọc	Lam	09/06/1994	Nam	Hà Tĩnh	3.30	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_1
733	1421010184	Nguyễn Phượng	Loan	11/07/1996	Nữ	Hà Tây	3.50	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_1

734	1421010200	Đặng Công	Minh	15/10/1996	Nam	Thái Bình	2.80	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_1
735	1421010251	Trịnh Thị	Phương	05/02/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.42	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_1
736	1421010270	Thiều Minh	Quân	17/09/1996	Nam	Thanh Hóa	2.25	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_1
737	1421060217	Trần Đoàn Anh	Quân	16/07/1996	Nam	Thanh Hóa	2.55	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_1
738	1421010281	Trần Thị	Quỳnh	12/03/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.02	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_1
739	1421010332	Lường Hữu	Tiến	05/09/1996	Nam	Thanh Hóa	2.88	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_1
740	1421010400D	Nguyễn Văn	Tiệp	02/01/1994	Nam	Thanh Hóa	2.24	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_1
741	1421010350	Trần Ngọc	Trọng	09/02/1996	Nam	Quảng Ngãi	2.99	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_1
742	1421010364	Đồng Văn	Tuấn	01/09/1996	Nam	Thanh Hóa	2.92	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_1
743	1421010371	Trần Văn	Tuấn	20/06/1995	Nam	Thanh Hóa	2.95	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_1
744	1421010373	Trịnh Huy	Tuấn	03/02/1996	Nam	Thanh Hóa	3.35	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_1
745	1421010391	Lê Thị	Yến	26/07/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.77	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_1
746	1421050005	Hà Tiến	Anh	24/10/1996	Nam	Nam Định	2.47	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
747	1421010005	Bùi Tuấn	Anh	22/06/1995	Nam	Hải Phòng	2.61	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
748	1421010012	Lê Tuấn	Anh	20/01/1996	Nam	Hải Phòng	3.38	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
749	1421010018	Nguyễn Thị	Ánh	01/11/1996	Nữ	Thái Bình	3.05	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2

750	1421010024	Võ Quốc	Bảo	14/09/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.48	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
751	1421010028	Vi Thị	Bích	02/06/1996	Nữ	Bắc Giang	2.67	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
752	1421010101	Đinh Thị	Hảo	28/06/1996	Nữ	Nam Định	3.00	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
753	1421010108	Cao Thị Thu	Hiền	23/04/1996	Nữ	Nam Định	2.63	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
754	1421010109	Lê Thị	Hiền	26/01/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.86	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
755	1421010120	Đinh Mỹ	Hoa	16/02/1996	Nữ	Thái Bình	2.43	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
756	1421010127	Vũ Thị	Hoài	10/12/1996	Nữ	Nam Định	2.93	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
757	1421010137	Đào Thị	Huệ	20/08/1996	Nữ	Thái Bình	3.44	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
758	1421010150	Nguyễn Thành	Hưng	31/10/1996	Nam	Hà Nội	2.51	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
759	1421010149	Lê Văn	Hưng	15/10/1996	Nam	Thanh Hóa	2.70	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
760	1421010143	Đinh Quang	Huy	15/11/1996	Nam	Quảng Ninh	2.62	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
761	1421010162	Lê Văn	Khanh	22/11/1996	Nam	Nam Định	2.52	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
762	1421010166	Trần Bá	Khánh	28/02/1996	Nam	Nghệ An	2.55	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
763	1421010174	Hồ Thị	Lê	06/01/1996	Nữ	Nghệ An	2.90	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
764	1421010194	Phạm Thị	Mai	01/11/1996	Nữ	Hải Dương	3.23	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
765	1421010215	Nguyễn Văn	Nam	04/09/1996	Nam	Thái Bình	2.34	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2

766	1421010209	Đỗ Quang	Nam	06/10/1996	Nam	Hưng Yên	2.56	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
767	1421010216	Dương Thị Thúy	Nga	13/10/1996	Nữ	Thái Bình	3.79	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
768	1421010224	Phạm Thị Bích	Ngọc	06/09/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.87	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
769	1421010222	Nguyễn Văn	Ngọc	10/08/1996	Nam	Thanh Hóa	3.08	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
770	1421010229	Bùi Thị	Nhài	14/03/1996	Nữ	Thái Bình	3.09	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
771	1421010232	Đặng Hoàng	Nhật	21/04/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.53	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
772	1421010236	Trần Văn	Ninh	12/11/1996	Nam	Nam Định	2.75	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
773	1421010246	Dương Hà	Phương	19/08/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.13	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
774	1421010265	Lê Duy	Quân	25/06/1996	Nam	Thanh Hóa	2.20	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
775	1421010257	Nguyễn Văn	Quang	16/09/1996	Nam	Tuyên Quang	3.06	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
776	1421010279	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	26/06/1996	Nữ	Thái Nguyên	2.82	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
777	1421010278	Đặng Thị Xuân	Quỳnh	03/12/1996	Nữ	Phú Thọ	2.87	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
778	1421010292	Đỗ Phương	Thanh	30/11/1996	Nữ	Lào Cai	2.66	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
779	1421080354	Nguyễn Tiến	Thành	19/07/1996	Nam	Hà Nội	2.61	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
780	1421010294	Lê Hữu	Thành	20/07/1996	Nam	Thanh Hóa	3.01	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
781	1421010301	Lê Thị Phương	Thảo	25/02/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.05	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2

782	1421010306	Phạm Đình	Thảo	07/08/1996	Nam	Nghệ An	3.73	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
783	1421010319	Lê Đức	Thọ	07/09/1996	Nam	Hải Dương	3.21	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
784	1421010327	Nguyễn Thị	Thúy	31/07/1996	Nữ	Thái Bình	2.90	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
785	1421010342	Nguyễn Huyền	Trang	05/01/1996	Nữ	Thái Bình	2.95	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
786	1421010341	Dương Thị Huyền	Trang	03/11/1996	Nữ	Hải Phòng	3.29	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
787	1421010347	Phạm Đức	Trọng	16/10/1996	Nam	Hải Phòng	3.63	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
788	1421010361	Nguyễn Ngọc	Tú	01/12/1996	Nam	Hưng Yên	2.62	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
789	1421010367	Nguyễn Anh	Tuấn	07/06/1996	Nam	Thanh Hóa	3.12	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
790	1421010389	Ngô Thị	Xuân	07/01/1995	Nữ	Bắc Giang	2.97	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
791	1421011003	Bùi Tuấn	Anh	08/07/1996	Nam	Thái Bình	2.56	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
792	1421011018	Đặng Công	Bảo	20/10/1996	Nam	Nghệ An	2.65	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
793	1421011031	Phan	Chánh	20/01/1996	Nam	Bình Định	2.77	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
794	1421011032	Đỗ Kim	Chi	18/04/1996	Nữ	Hải Phòng	2.90	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
795	1421011044	Lương Hùng	Cường	17/07/1994	Nam	Gia Lai	2.58	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
796	1421011078	Phạm Minh	Đạt	13/12/1995	Nam	Bình Định	2.59	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
797	1421011076	Lê Thành	Đạt	01/12/1996	Nam	Phú Yên	2.83	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT

798	1421011080	Nguyễn Lê Lý	Điện	31/01/1996	Nam	An Giang	2.72	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
799	1421011086	Lê Tấn	Đức	25/09/1996	Nam	Quảng Ngãi	2.74	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
800	1421011105	Hồ Nam	Hải	21/08/1995	Nam	Thanh Hóa	2.21	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
801	1421011107	Nguyễn Long	Hải	18/02/1996	Nam	Bình Định	2.34	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
802	1421011110	Nguyễn Văn	Hải	20/11/1996	Nam	Phú Yên	2.84	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
803	1421011117	Đặng Hữu	Hiền	23/08/1996	Nam	Bình Định	2.64	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
804	1421011120	Huỳnh Quang	Hiền	01/01/1996	Nam	Bình Định	2.39	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
805	1421011128	Vũ Đình	Hiếu	18/11/1996	Nam	Bà Rịa Vũng Tàu	2.44	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
806	1421011121	Nguyễn Duy	Hiếu	24/05/1995	Nam	Thanh Hóa	2.72	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
807	1421011134	Bùi Thị	Hoan	17/07/1996	Nữ	Nam Định	2.95	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
808	1421011141	Nguyễn Đình	Hợi	29/04/1995	Nam	Thanh Hóa	2.51	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
809	1421011145	Nguyễn Mạnh	Hùng	15/03/1996	Nam	Hải Phòng	3.05	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
810	1421011171	Nguyễn Thị	Hường	03/03/1996	Nữ	Hà Nam	2.82	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
811	1421011152	Mai Sỹ	Huy	03/05/1996	Nam	Thanh Hóa	2.53	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
812	1421011153	Nguyễn Đăng Vũ	Huy	21/05/1996	Nam	Bình Phước	3.24	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
813	1421011181	Phạm Vinh	Khoa	15/08/1996	Nam	Quảng Ngãi	3.33	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT

814	1421011188	Huỳnh Văn	Ky	20/10/1996	Nam	Phú Yên	2.75	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
815	1421011190	Nguyễn Đak	Lay	29/05/1996	Nam	Phú Yên	2.66	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
816	1421011201	Lê Thị Kim	Linh	09/10/1996	Nữ	Phú Yên	3.13	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
817	1421011235	Đào Dung Sỹ	My	05/08/1996	Nữ	Gia Lai	2.67	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
818	1421011243	Đậu Thị	Nga	15/05/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.16	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
819	1421011265	Vũ Đình	Ninh	20/12/1996	Nam	Gia Lai	2.55	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
820	1421011279	Nguyễn Thị	Phương	12/07/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.67	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
821	1421011297	Trần Ngọc	Sơn	15/12/1996	Nam	Quảng Nam	2.34	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
822	1421011300	Bùi Thanh	Tài	28/07/1995	Nam	Bình Định	2.57	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
823	1421011306	Trần Quang	Tấn	21/05/1996	Nam	Kiên Giang	2.62	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
824	1421011320	Đinh Thị	Thắm	08/10/1996	Nữ	Quảng Bình	2.88	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
825	1421011324	Nguyễn Đức	Thắng	22/09/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.58	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
826	1421011315	Vũ Văn	Thành	11/09/1995	Nam	Hải Phòng	3.24	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
827	1421011319	Trịnh Thị Phương	Thảo	10/09/1996	Nữ	Đăk Lăk	2.86	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
828	1421011331	Trần Văn	Thịnh	22/07/1996	Nam	Phú Yên	2.59	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
829	1421011336	Nguyễn Võ	Thuận	06/06/1995	Nam	Bình Định	2.72	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT

830	1421011348	Nguyễn Cao	Tí	15/08/1996	Nam	Phú Yên	2.79	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
831	1421011436	Nguyễn Văn	Tiến	17/10/1995	Nam	Thanh Hóa	2.59	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
832	1421011352	Nguyễn Nhật	Tiến	14/04/1996	Nam	Bình Định	3.31	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
833	1421011374	Bùi Văn	Triệu	23/02/1996	Nam	Nam Định	2.41	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
834	1421011375	Bùi Thị Kiều	Trinh	20/03/1996	Nữ	Bình Định	2.78	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
835	1421011379	Nguyễn Hoàng	Trọng	03/09/1994	Nam	Phú Yên	2.51	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
836	1421011394	Nguyễn Thị Thanh	Tú	18/07/1996	Nữ	Bình Định	3.32	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
837	1421011418	Đồng Đình	Văn	05/06/1992	Nam	Thanh Hóa	2.59	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
838	1421011430	Phan Thị Hồng	Vy	15/06/1996	Nữ	Phú Yên	3.32	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
839	1221010075	Vũ Đức	Dương	12/08/1994	Nam	Ninh Bình	2.04	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB57
840	1221011105	Nguyễn Tiến	Hùng	13/07/1994	Nam	Hà Tĩnh	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB57VT
841	1421010003	Trần Văn	An	02/09/1996	Nam	Thái Bình	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
842	1421010001	Nguyễn Duy	An	11/03/1996	Nam	Thanh Hóa	2.85	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
843	1421010041	Cù Quốc	Cường	07/11/1996	Nam	Ninh Bình	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
844	1421010075	Nguyễn Minh	Đại	02/12/1996	Nam	Hà Nội	3.23	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
845	1421010050	Nguyễn Xuân	Diệu	16/01/1996	Nam	Hải Phòng	2.96	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2

846	1421010088	Phạm Văn	Đức	29/07/1996	Nam	Nam Định	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
847	1421010068	Đỗ Đức	Dương	09/05/1996	Nam	Ninh Bình	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
848	1421010071	Nguyễn Quang	Dương	24/06/1996	Nam	Vĩnh Phúc	2.63	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
849	1421010067	Đặng Thị Thùy	Dương	22/12/1996	Nữ	Bắc Kạn	2.66	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
850	1421010106	Phạm Ngọc	Hậu	24/03/1996	Nam	Yên Bái	2.72	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
851	1421010171	Phạm Văn	Lăng	02/11/1996	Nam	Nam Định	3.04	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
852	1421010185	Hà Minh	Long	12/11/1996	Nam	Nam Định	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
853	1421010190	Lê Văn	Lực	09/05/1996	Nam	Thanh Hóa	2.77	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
854	1421010189	Vũ Đức	Luyện	10/05/1996	Nam	Nam Định	2.54	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
855	1421010197	Nguyễn Xuân	Mạnh	27/02/1996	Nam	Quảng Ninh	3.53	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
856	1421010226	Cấn Văn	Nguyên	21/03/1996	Nam	Hà Nội	3.09	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
857	1421010231	Đinh Văn	Nhân	27/09/1996	Nam	Nam Định	2.75	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
858	1421010267	Lê Văn Hải	Quân	06/02/1996	Nam	Thanh Hóa	2.74	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
859	1421010291	Bùi Thị	Tâm	28/12/1995	Nữ	Thanh Hóa	3.33	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
860	1421010302	Lê Thu	Thảo	16/05/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.07	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
861	1421010312	Đỗ Văn	Thiêm	20/04/1995	Nam	Nam Định	2.76	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2

862	1421010329	Đoàn Thị Ánh	Thương	26/08/1996	Nữ	Thái Bình	3.46	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
863	1421010402D	Hứa Văn	Trung	25/10/1995	Nam	Dăk Lăk	2.91	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
864	1421010388	Đào Việt	Vương	15/04/1996	Nam	Thái Bình	2.81	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
865	1421010390	Trần Hương	Xuân	20/09/1996	Nữ	Hà Nam	3.09	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
866	1521010221	Trần Văn	Duy	16/07/1994	Nam	Hà Nam	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB60_2
867	1324010050	Lê Quốc	Dũng	30/03/1995	Nam	Hà Nội	2.40	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58A
868	1324010737	Trần Huyền	Trang	19/07/1995	Nữ	Thái Bình	2.55	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58A
869	1421030290	Đoàn Thành	Công	23/06/1996	Nam	Nam Định	2.30	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
870	1424010616	Nguyễn Sơn	Tùng	24/06/1996	Nam	Hà Nội	2.56	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
871	1524010036	Hoàng Phúc	Anh	15/02/1997	Nam	Thái Bình	2.49	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
872	1524010355	Trần Thị Kim	Anh	31/10/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.52	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
873	1524010369	Vũ Thị Vân	Anh	17/09/1997	Nữ	Nam Định	3.44	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
874	1524010378	Nguyễn Văn	Đăng	14/01/1997	Nam	Vĩnh Phú	2.68	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
875	1524010385	Trần Thị Quỳnh	Dung	30/11/1997	Nữ	Nam Định	2.68	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
876	1524010043	Trần Thị Mỹ	Duyên	10/10/1996	Nữ	Quảng Trị	2.77	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
877	1524010002	Nguyễn Thị	Duyên	30/11/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.91	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3

878	1524010399	Trần Thị	Giang	18/05/1995	Nữ	Hà Nam	3.18	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
879	1524010401	Nguyễn Thị Thu	Hà	28/06/1997	Nữ	Hà Nội	3.39	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
880	1524010085	Nguyễn Thị Thu	Hằng	12/08/1997	Nữ	Thái Bình	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
881	1524010410	Tạ Thị	Hằng	26/08/1997	Nữ	Bắc Ninh	2.87	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
882	1524010413	Đoàn Thị Mỹ	Hạnh	02/11/1997	Nữ	Hà Nội	3.23	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
883	1524010411	Đỗ Thị	Hạnh	28/09/1997	Nữ	Hải Phòng	3.40	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
884	1524010414	Trần Thị	Hậu	10/08/1997	Nữ	Tây Ninh	3.08	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kĩnh doanh	DCKTKD60_3
885	1524010415	Nguyễn Thị	Hiên	22/11/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	2.51	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
886	1524010011	Phạm Thị Thu	Hiền	24/09/1997	Nữ	Ninh Bình	2.21	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
887	1524010421	Ninh Thị	Hoa	12/01/1997	Nữ	Ninh Bình	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
888	1521041004	Hoàng Thị	Hồng	03/12/1997	Nữ	Nam Định	2.39	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
889	1524010432	Đỗ Thị	Huệ	27/04/1997	Nữ	Hải Phòng	2.49	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
890	1524010433	Phạm Thị	Huệ	24/07/1997	Nữ	Quảng Ninh	3.01	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
891	1524010575	Lê Thị Mai	Hương	16/04/1997	Nữ	Hà Nội	2.62	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
892	1524010608	Vũ Thị Thanh	Hương	07/09/1997	Nữ	Thái Bình	2.65	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
893	1524010448	Bùi Thu	Huyền	18/09/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.64	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3

894	1524010449	Nguyễn Thị	Huyền	05/03/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	2.71	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
895	1524010450	Nguyễn Thị	Huyền	13/08/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	3.09	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
896	1524010076	Ngô Ngọc	Lan	16/12/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.77	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
897	1524010039	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	22/08/1997	Nữ	Hưng Yên	2.54	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
898	1524010465	Phạm Thị	Linh	03/10/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.55	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
899	1524010052	Trần Thị	Linh	01/06/1997	Nữ	Bắc Ninh	2.96	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
900	1524010614	Phạm Thị	Loan	28/04/1997	Nữ	Nam Định	2.74	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
901	1524010102	Nguyễn Thị	Mai	03/10/1997	Nữ	Bắc Giang	3.00	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
902	1524010047	Phạm Hải	Nam	02/09/1997	Nam	Quảng Ninh	2.86	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
903	1524010476	Trần Thị Hằng	Nga	19/02/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	2.44	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
904	1524010474	Nguyễn Thị	Nga	24/01/1997	Nữ	Hà Nội	2.66	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
905	1524010480	Hoàng Thị Ánh	Ngọc	01/02/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.65	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
906	1524010486	Phạm Thị Hồng	Nhung	19/05/1996	Nữ	Hải Phòng	3.42	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
907	1524010619	Phí Thị Kiều	Oanh	20/01/1997	Nữ	Thái Bình	3.16	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
908	1524010491	Lưu Minh	Phương	26/03/1997	Nữ	Hà Nội	2.51	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
909	1524010497	Phạm Thị Tú	Quyên	10/05/1997	Nữ	Hà Tĩnh	2.95	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3

910	1524010040	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	19/06/1997	Nữ	Hà Nội	2.17	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
911	1524010584	Hoàng Thúy	Quỳnh	24/12/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.95	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
912	1524010003	Nguyễn Công	Sơn	13/09/1997	Nam	Lạng Sơn	2.52	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
913	1524010072	Nguyễn Đức	Tấn	20/04/1997	Nam	Hà Nội	2.44	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
914	1524010514	Hoàng Hà	Thu	14/01/1995	Nữ	Hà Tây	3.01	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh.	DCKTKD60_3
915	1524010629	Nguyễn Thị Minh	Thùy	19/11/1997	Nữ	Nam Định	2.97	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
916	1524010523	Đỗ Thị	Thùy	20/01/1997	Nữ	Thái Bình	3.29	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
917	1524010525	Nguyễn Thị	Thụy	21/09/1997	Nữ	Hà Nội	2.67	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
918	1524010529	Nguyễn Minh	Tiến	02/02/1996	Nam	Hà Nội	2.73	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
919	1524010057	Nguyễn Thị	Trang	07/08/1997	Nữ	Nam Định	2.52	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
920	1524010536	Nguyễn Quỳnh	Trang	18/05/1997	Nữ	Hưng Yên	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
921	1524010633	Đinh Thị Thu	Trang	04/11/1997	Nữ	Hà Nam	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
922	1524010534	Lê Thị	Trang	13/02/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.83	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
923	1421040557	Nguyễn Anh	Tuấn	03/11/1994	Nam	Hải Dương	2.94	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
924	1524010556	Nguyễn Minh	Tuyến	07/01/1997	Nam	Vĩnh Phúc	2.96	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
925	1524010559	Đặng Thị ánh	Tuyết	17/03/1997	Nữ	Hà Nội	3.34	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3

926	1524010560	Vũ Thị Tố	Uyên	25/08/1997	Nữ	Nam Định	2.58	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
927	1524010025	Lương Xuân	Vĩnh	10/01/1997	Nam	Hải Phòng	2.52	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
928	1524010565	Trần Ngọc Tháo	Vy	27/06/1997	Nữ	Lâm Đồng	2.59	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
929	1524010356	Hoàng Tuệ	An	20/11/1997	Nữ	Quảng Ninh	3.25	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDD60_2
930	1524010376	Lê Quang	Cường	22/12/1997	Nam	Cà Mau	2.94	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDD60_2
931	1524010599	Nguyễn Trung	Đức	24/05/1996	Nam	Bắc Giang	2.62	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDD60_2
932	1524010097	Nguyễn Thanh	Háo	21/12/1997	Nữ	Hà Nội	3.05	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDD60_2
933	1524010042	Nguyễn Đức	Huy	16/10/1997	Nam	Thái Bình	2.42	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDD60_2
934	1524010612	Nguyễn Phương	Linh	16/03/1997	Nữ	Hà Nội	2.66	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDD60_2
935	1524010615	Phạm Thị Bảo	Ngọc	24/07/1997	Nữ	Thái Bình	2.64	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDD60_2
936	1524010065	Nguyễn Thị Lan	Phương	27/08/1996	Nữ	Dăk Lăk	3.20	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDD60_2
937	1524010035	Nguyễn Thị Phương	Thùy	23/11/1997	Nữ	Thái Bình	2.42	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDD60_2
938	1524010029	Phạm Thị	Yến	21/06/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.80	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDD60_2
939	1524010044	Trần Thị Lan	Anh	31/12/1997	Nữ	Hà Tây	3.21	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDM60_1
940	1524010112	Đinh Thị Hương	Giang	15/11/1997	Nữ	Hà Tây	2.92	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDM60_1
941	1524010022	Nguyễn Thu	Hà	21/02/1997	Nữ	Hải Phòng	2.57	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDM60_1

942	1524010114	Vũ Quý	Hoàn	09/03/1997	Nam	Quảng Ninh	2.59	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDM60_1
943	1524010059	Đoàn Văn	Hùng	12/04/1996	Nam	Quảng Ninh	2.94	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDM60_1
944	1524010440	Nguyễn Thị	Hương	17/03/1997	Nữ	Hải Dương	3.25	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDM60_1
945	1524010006	Nguyễn Phú	Lợi	20/10/1997	Nam	Hải Dương	2.45	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDM60_1
946	1524010023	Nguyễn Thị	Ngân	24/05/1996	Nữ	Hà Tây	2.56	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDM60_1
947	1524010098	Nguyễn Xuân	Phúc	15/12/1997	Nam	Bắc Giang	2.51	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDM60_1
948	1524010080	Nguyễn Thu	Trang	07/09/1997	Nữ	Hà Nội	2.63	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDM60_1
949	1524010050	Lê Thị	Trang	21/11/1995	Nữ	Hải Dương	2.73	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDM60_1
950	1524010087	Lê Thị	Trang	02/10/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.94	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDM60_1
951	1524010013	Ngô Việt	Trung	03/02/1996	Nam	Thái Bình	2.59	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKDM60_1
952	1321030760	Nguyễn Thị Hà	Nhi	11/04/1995	Nữ	Hải Dương	3.31	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58_1
953	1424010040	Đỗ Thị Thu	Hằng	22/11/1996	Nữ	Nam Định	2.84	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_59_1
954	1424010585	Lê Thị Thu	Trang	19/08/1996	Nữ	Hà Nội	2.33	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_59_1
955	1424010598	Trần Thị	Trang	16/03/1996	Nữ	Hải Phòng	2.57	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_59_2
956	1524010179	Nguyễn Thị Vân	Anh	25/05/1997	Nữ	Phú Thọ	2.50	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
957	1524010147	Trần Thị Vân	Anh	25/04/1996	Nữ	Lào Cai	2.71	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1

958	1524010320	Đinh Thị Kiều	Anh	05/05/1997	Nữ	Hà Nam	3.05	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
959	1524010126	Đỗ Văn	Bằng	23/06/1996	Nam	Hà Nội	2.47	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
960	1524010178	Vũ Thị	Dung	06/06/1997	Nữ	Lai Châu	2.65	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
961	1524010393	Nguyễn Thùy	Dương	09/01/1997	Nữ	Quảng Ninh	3.20	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
962	1524010153	Phan Thị	Giang	29/12/1997	Nữ	Thái Bình	3.31	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
963	1524010171	Phạm Thị Thu	Hà	10/07/1996	Nữ	Nam Định	2.40	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
964	1524010323	Bùi Phương	Hà	10/10/1997	Nữ	Hà Nội	2.57	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
965	1524010332	Hồ Cẩm	Hà	13/11/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.63	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
966	1524010165	Phạm Thị Minh	Hằng	05/02/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.72	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
967	1524010347	Bùi Thị	Hằng	26/09/1997	Nữ	Thái Bình	2.82	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
968	1524010131	Trịnh Hồng	Hạnh	06/04/1997	Nữ	Hưng Yên	2.77	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
969	1524010221	Tạ Thị Hồng	Huệ	16/02/1996	Nữ	Hà Nội	2.81	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
970	1524010262	Bùi Thị Mai	Hương	12/10/1997	Nữ	Hải Dương	3.39	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
971	1524010312	Trần Thị Thu	Hường	03/04/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.50	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
972	1524010124	Nguyễn Thị	Huyền	03/10/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.66	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
973	1524010167	Cấn Thị	Huyền	25/10/1997	Nữ	Hà Tây	3.21	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1

974	1524010174	Phạm Thị	Huyền	24/01/1997	Nữ	Hải Dương	3.25	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
975	1524010248	Trần Thị	Lan	21/05/1997	Nữ	Nam Định	2.43	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
976	1524010141	Nguyễn Thị	Lan	26/12/1997	Nữ	Hưng Yên	2.59	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
977	1524010319	Trần Thị	Lanh	05/12/1996	Nữ	Thái Bình	2.62	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
978	1524010327	Trần Thị	Linh	09/03/1997	Nữ	Thái Bình	2.99	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
979	1524010246	Trịnh Thị	Lộc	12/09/1997	Nữ	Hà Nam	3.25	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
980	1524010212	Vũ Việt	Long	07/07/1997	Nam	Uông Bí	2.60	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
981	1524010205	Nguyễn Thu	Nga	23/11/1997	Nữ	Hà Nội	3.19	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
982	1524010287	Nguyễn Thị	Nguyên	13/07/1996	Nữ	Nghệ An	2.68	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
983	1524010198	Đặng Tuyết	Nhung	29/05/1997	Nữ	Thái Bình	2.60	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
984	1524010202	Nguyễn Thị	Nhung	16/02/1997	Nữ	Ninh Bình	2.95	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
985	1524010264	Vũ Thị	Nhung	05/03/1997	Nữ	Nam Định	3.15	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
986	1524010263	Trần Thu	Phong	07/10/1997	Nữ	Nam Định	2.81	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
987	1524010272	Nguyễn Thị	Phương	06/03/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.66	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
988	1524010326	Nguyễn Thị	Phượng	24/04/1997	Nữ	Thái Bình	3.12	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
989	1524010119	Trần Thị	Quyên	02/03/1997	Nữ	Nam Định	2.81	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1

990	1524010144	Dương Ngọc	Quyết	17/08/1997	Nam	Vĩnh Phúc	2.71	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
991	1524010183	Phạm Thị	Quỳnh	20/07/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.90	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
992	1524010175	Bùi Thị Phương	Thảo	25/10/1997	Nữ	Hải Phòng	2.46	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
993	1524010297	Nguyễn Thị Huyền	Trang	01/01/1997	Nữ	Hà Tây	2.80	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
994	1524010334	Nguyễn Thị Thu	Trang	26/04/1997	Nữ	Quảng Ninh	3.01	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
995	1524010222	Nguyễn Thu	Trang	17/11/1997	Nữ	Quảng Ninh	3.25	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
996	1524010166	Lê Hà	Trang	07/06/1997	Nữ	Hải Phòng	3.44	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
997	1524010228	Bùi Thị	Tươi	01/01/1997	Nữ	Nam Định	2.78	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
998	1524010134	Hoàng Thị Ngọc	Tuyết	03/08/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.36	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
999	1524010285	Đỗ Thị Thủy	Vân	05/05/1996	Nữ	Quảng Ninh	2.45	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
1000	1524010169	Lê Thị Minh	Anh	16/10/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.58	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1001	1524010158	Trần Hoàng Ngọc	Anh	07/11/1997	Nữ	Hà Nội	2.77	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1002	1524010311	Lê Thục	Anh	09/10/1997	Nữ	Thái Nguyên	2.92	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1003	1524010135	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	25/04/1997	Nữ	Thái Bình	2.54	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1004	1524010243	Hà Thị	Ánh	12/09/1997	Nữ	Thái Bình	2.71	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1005	1524010293	Đinh Thị Huyền	Chang	13/06/1997	Nữ	Ninh Bình	2.92	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2

1006	1524010235	Nguyễn Thị	Dung	23/09/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.44	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1007	1524010203	Phùng Thị	Dung	13/01/1997	Nữ	Hà Tây	2.59	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1008	1521020037	Trương Thị	Dung	19/06/1994	Nữ	Thanh Hóa	2.72	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1009	1524010231	Nguyễn Thị Thùy	Dung	25/10/1997	Nữ	Thái Bình	2.88	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1010	1524010163	Hoàng Thị	Dương	20/07/1997	Nữ	Nghệ An	2.56	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1011	1524010233	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/1997	Nữ	Lào Cai	2.72	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1012	1524010322	Trần Thị	Hà	28/04/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.83	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1013	1524010247	Hoàng Thu	Hà	05/08/1997	Nữ	Hưng Yên	3.29	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1014	1524010159	Phí Thị	Hải	01/05/1997	Nữ	Hà Tây	2.89	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1015	1524010269	Vũ Ngọc	Hân	05/01/1996	Nữ	Quảng Ninh	2.92	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1016	1524010331	Vũ Minh	Hằng	03/07/1997	Nữ	Thái Nguyên	2.62	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1017	1524010273	Đinh Thúy	Hằng	10/09/1997	Nữ	Thái Bình	3.22	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1018	1524010348	Trần Thúy	Hằng	05/09/1997	Nữ	Thái Bình	3.24	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1019	1524010232	Đặng Thị Phương	Hảo	18/10/1997	Nữ	Nam Định	2.78	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1020	1524010241	Nguyễn Thu	Hiền	08/06/1997	Nữ	Nam Định	2.72	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1021	1524010352	Nguyễn Thị	Hiền	08/10/1997	Nữ	Bắc Giang	2.95	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2

1022	1524010033	Nguyễn Trung	Hiếu	09/08/1997	Nam	Quảng Ninh	2.69	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1023	1524010190	Lê Thị Phương	Hoa	09/05/1997	Nữ	Hà Nội	2.71	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1024	1524010185	Bùi Thị	Hồng	20/01/1997	Nữ	Thái Bình	2.74	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1025	1524010172	Lê Thị	Hương	16/06/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.52	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1026	1524010118	Phạm Thu	Hương	04/11/1997	Nữ	Nam Định	2.71	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1027	1524010229	Thân Mai	Hương	07/04/1997	Nữ	Hà Nội	2.81	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1028	1524010345	Vũ Lan	Hương	05/02/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.86	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1029	1524010316	Nguyễn Thị Thu	Hương	06/11/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	2.87	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1030	1524010207	Dương Thu	Hương	06/08/1997	Nữ	Hà Nội	3.32	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1031	1524010279	Bùi Thị	Linh	05/04/1997	Nữ	Hải Dương	2.80	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1032	1524010191	Lê Thị Thanh	Mỹ	05/09/1996	Nữ	Thái Bình	2.59	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1033	1524010161	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	05/11/1997	Nữ	Hà Tây	2.50	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1034	1524010259	Vũ Thị	Ngọc	24/10/1997	Nữ	Trung Quốc	2.62	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1035	1524010209	Đinh Thị Bích	Ngọc	12/05/1997	Nữ	Quảng Ninh	3.16	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1036	1524010152	Đậu Thu	Nhàn	03/08/1997	Nữ	Quảng Bình	3.22	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1037	1524010333	Lê Thị Hồng	Nhung	28/08/1997	Nữ	Ninh Bình	2.60	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2

1038	1524010206	Nguyễn Thị Ngọc	Ninh	31/12/1996	Nữ	Hải Dương	2.59	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1039	1524010294	Đỗ Thị Phương	Oanh	05/04/1997	Nữ	Hà Nội	3.26	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1040	1524010296	Nguyễn Thị Út	Phương	24/09/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	2.58	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1041	1524010127	Đào Thị Bích	Phương	27/03/1997	Nữ	Hưng Yên	2.93	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1042	1524010155	Trần Thị	Quỳnh	08/07/1997	Nữ	Hải Dương	2.59	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1043	1524010325	Trần Thị	Quỳnh	15/02/1996	Nữ	Nam Định	2.72	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1044	1521020005	Nguyễn Mai	Quỳnh	02/07/1997	Nữ	Thái Bình	2.93	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1045	1524010249	Nguyễn Thị	Tân	28/01/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	2.63	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1046	1524010129	Mai Thị	Thảo	06/01/1997	Nữ	Nghệ An	2.70	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1047	1524010270	Nguyễn Thị	Thảo	15/01/1997	Nữ	Nghệ An	2.97	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1048	1524010307	Lê Thị	Thảo	07/02/1997	Nữ	Thanh Hóa	3.10	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1049	1524010303	Lương Thu	Thảo	07/10/1997	Nữ	Hà Nội	3.24	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1050	1524010341	Vũ Như	Thọ	17/01/1997	Nữ	Hà Nội	2.76	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1051	1524010275	Phạm Thị	Thơm	17/01/1997	Nữ	Thái Bình	2.84	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1052	1524010337	Đỗ Xuân	Thu	10/06/1997	Nữ	Hà Nội	2.80	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1053	1524010282	Vũ Thị Minh	Thu	17/03/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.84	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2

1054	1524010116	Phùng Thị	Thu	19/01/1997	Nữ	Quảng Ninh	3.11	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1055	1524010173	Trần Minh	Thư	25/02/1997	Nữ	Nam Định	2.59	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1056	1524010340	Nguyễn Thị Thanh	Thư	19/11/1997	Nữ	Hà Nội	3.08	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1057	1524010245	Nguyễn Thị Thanh	Thư	11/07/1997	Nữ	Hà Nội	3.11	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1058	1524010200	Cao Thương	Thương	17/03/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.83	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1059	1524010146	Đào Thị	Thủy	26/04/1997	Nữ	Hà Nội	3.37	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1060	1524010234	Phan Thu	Trang	01/09/1997	Nữ	Phú Thọ	2.56	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1061	1524010349	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	22/12/1997	Nữ	Ninh Bình	2.80	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1062	1524010299	Nguyễn Thị Hà	Trang	12/11/1997	Nữ	Ninh Bình	3.45	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1063	1524010244	Nguyễn Hoàng	Trung	17/01/1997	Nam	Bắc Giang	2.22	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1064	1524010168	Phùng Thị	Tuyến	07/01/1997	Nữ	Hà Nội	2.77	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1065	1524010343	Nguyễn Thu	Uyên	17/05/1997	Nữ	Hà Tây	2.61	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1066	1524010239	Đỗ Thị	Vân	02/04/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.73	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1067	1524010305	Hoàng Thảo	Vi	10/10/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.60	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1068	1424010074	Trần Thị Ngọc	Huyền	24/09/1996	Nữ	Nghệ An	2.66	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1069	1424010141	Đoàn Thị	Nhiễu	17/09/1996	Nữ	Phú Thọ	2.63	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2

1070	1524010225	Quách Thùy	Dương	09/07/1997	Nữ	Hà Nội	2.48	Trung bình	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC60_2
1071	1524010402	Phạm Thị	Hà	20/10/1997	Nữ	Nam Định	3.13	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC60_2
1072	1524010271	Lê Hồng	Hạnh	04/11/1997	Nữ	Thái Bình	3.13	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC60_2
1073	1524010254	Bùi Thanh	Hiền	16/03/1997	Nữ	Hưng Yên	2.79	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC60_2
1074	1524010140	Đỗ Thị	Huế	18/10/1997	Nữ	Hải Dương	2.68	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC60_2
1075	1524010151	Nguyễn Thị	Hương	13/04/1996	Nữ	Hưng Yên	2.69	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC60_2
1076	1524010160	Phạm Thị Thu	Huyền	16/11/1997	Nữ	Nam Định	2.63	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC60_2
1077	1524010143	Nguyễn Thị Thu	Huyền	19/11/1997	Nữ	Lạng Sơn	2.74	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC60_2
1078	1524010292	Lê Thị	Loan	23/06/1997	Nữ	Hà Nam	2.96	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC60_2
1079	1524010295	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	13/03/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	2.78	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC60_2
1080	1524010125	Trần Thị Ánh	Nguyệt	23/01/1997	Nữ	Hà Nội	2.72	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC60_2
1081	1524010278	Lương Thị Nhâm	Oanh	26/09/1997	Nữ	Hải Dương	2.55	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC60_2
1082	1524010210	Tào Thị	Tân	20/11/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.70	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC60_2
1083	1524010266	Trần Thị	Thơ	28/10/1997	Nữ	Thái Bình	2.61	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC60_2
1084	1524010257	Ngô Thị	Thương	14/08/1997	Nữ	Hà Nam	2.55	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC60_2
1085	1524010301	Bùi Thị Thu	Trang	09/05/1997	Nữ	Nam Định	2.83	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC60_2

1086	1524010217	Đặng Thị	Trang	05/09/1997	Nữ	Bắc Ninh	2.85	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC60_2
1087	1121040335	Trịnh Quang	Anh	29/08/1993	Nam	Lào Cai	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT56C
1088	1221040073	Nguyễn Văn	Giang	20/02/1994	Nam	Hưng Yên	2.57	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57H
1089	1321040410	Nguyễn Tuấn	Anh	06/10/1995	Nam	Thái Bình	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1090	1321040251	Nguyễn Tùng	Thanh	12/08/1994	Nam	Thái Bình	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1091	1421040354	Lê Minh	An	19/07/1996	Nam	Thanh Hóa	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1092	1421040006	Nguyễn Trúc	Anh	04/09/1996	Nữ	Hà Nội	3.84	Xuất sắc	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1093	1421040021	Nguyễn Thanh	Cao	06/01/1996	Nam	Thái Bình	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1094	1421040065	Nguyễn Tiến	Đạt	10/12/1996	Nam	Phú Thọ	2.95	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1095	1421040041	Nguyễn Văn	Duân	31/07/1996	Nam	Nam Định	3.34	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1096	1421040049	Nguyễn Văn	Dũng	13/11/1996	Nam	Hà Giang	2.57	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1097	1421040054	Vũ Tiến	Dũng	07/04/1996	Nam	Hà Nội	2.65	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1098	1421040053	Trịnh Quang	Dũng	08/12/1996	Nam	Đà Nẵng	2.80	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1099	1421040060	Lê Huy	Dương	01/11/1996	Nam	Nam Hà	2.65	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1100	1421040056	Nguyễn Mạnh	Duy	17/02/1996	Nam	Thái Bình	3.02	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1101	1421040090	Lê Đăng	Hải	26/10/1996	Nam	Thái Bình	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1

1102	1421040111	Trịnh Thành	Hiếu	11/06/1996	Nam	Lào Cai	2.72	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1103	1421040114	Lê Văn	Hoan	01/10/1996	Nam	Lào Cai	2.64	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1104	1421040135	Hoàng Văn	Hưng	20/06/1996	Nam	Hải Dương	2.97	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1105	1421040148	Nguyễn Bá	Hữu	24/09/1996	Nam	Bắc Ninh	2.66	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1106	1421040434	Mai Khắc	Khải	20/02/1996	Nam	Thanh Hóa	2.96	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1107	1421040151	Nguyễn Đình	Khánh	14/02/1996	Nam	Tuyên Quang	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1108	1421040800	Nguyễn Ngọc	Lĩnh	12/03/1996	Nam	Hà Nam	2.74	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1109	1421020707	Phan Công	Nam	13/06/1996	Nam	Nghệ An	2.85	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1110	1421040201	Lê Hữu	Ngọc	27/10/1996	Nam	Hải Dương	2.52	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1111	1421040203	Trần Viết	Nhất	26/02/1996	Nam	Thanh Hóa	2.62	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1112	1421040206	Đỗ Xuân	Như	15/01/1996	Nam	Ninh Bình	3.32	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1113	1421040209	Phạm Ngọc	Phồn	30/07/1996	Nam	Nghệ An	2.68	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1114	1421040470	Nguyễn Quang	Phong	19/08/1996	Nam	Thái Nguyên	2.53	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1115	1421040490	Phạm Hồng	Quân	01/12/1995	Nam	Nam Hà	2.64	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1116	1421040486	Phạm Văn	Quang	18/01/1996	Nam	Nghệ An	2.89	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1117	1421040485	Phạm Minh	Quang	29/07/1996	Nam	Thái Bình	2.98	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1

1118	1421040230	Lê Thị	Sanh	30/08/1995	Nữ	Thái Bình	3.23	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1119	1421040234	Nguyễn Văn	Sỹ	21/01/1995	Nam	Nghệ An	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1120	1421040505	Mai Xuân	Tài	22/05/1996	Nam	Quảng Bình	3.30	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1121	1421040241	Lương Trọng	Tấn	24/03/1996	Nam	Ninh Bình	2.69	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1122	1421040265	Hoàng Mạnh	Thắng	08/07/1996	Nam	Hà Nội	2.93	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1123	1421040252	Ngô Đức	Thành	03/03/1996	Nam	Nam Định	2.90	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1124	1421040283	Linh Sỹ	Thượng	17/04/1996	Nam	Thái Nguyên	2.58	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1125	1421040285	Nguyễn Đại	Tiến	28/11/1996	Nam	Nam Định	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1126	1421040287	Trịnh Mạnh	Tiến	06/03/1996	Nam	Nam Định	2.85	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1127	1421040532	Lê Hữu	Tình	30/08/1996	Nam	Nghệ An	2.50	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1128	1421040290	Trần Văn	Tịnh	01/10/1996	Nam	Nam Định	2.90	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1129	1421040577	Phạm Xuân	Toàn	03/06/1996	Nam	Hà Nam	2.89	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1130	1421040295	Trần Duy	Toàn	08/12/1996	Nam	Hải Hưng	3.12	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1131	1421040303	Phạm Văn	Tráng	25/03/1996	Nam	Hưng Yên	2.82	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1132	1421040304	Đỗ Văn	Triều	15/09/1996	Nam	Nam Định	3.15	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1133	1421040547	Nguyễn Văn	Trường	14/07/1996	Nam	Thanh Hóa	2.83	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1

1134	1421040312	Nguyễn Ngọc	Tú	17/10/1996	Nam	Thái Bình	2.72	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1135	1421040317	Lê Văn	Tuấn	08/07/1996	Nam	Nghệ An	2.58	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1136	1421040325	Nguyễn Văn	Tuấn	26/01/1996	Nam	Hải Dương	2.69	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1137	1421040326	Nguyễn Việt	Tuấn	14/11/1994	Nam	Hà Nội	3.08	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1138	1421040345	Bùi Tiến	Việt	19/02/1996	Nam	Quảng Ninh	2.94	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1139	1421040355	Nguyễn Trường	An	04/03/1996	Nam	Đà Nẵng	2.63	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1140	1421040016	Phạm Văn	Bằng	08/03/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.68	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1141	1421040020	Phạm Văn	Bình	14/09/1996	Nam	Thái Bình	3.58	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1142	1421040379	Bế Ngọc	Chiến	04/09/1996	Nam	Tuyên Quang	3.42	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1143	1421040028	Vũ Công	Chính	22/08/1996	Nam	Ninh Bình	3.34	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1144	1421040030	Đinh Tiến	Công	02/02/1996	Nam	Thái Bình	2.55	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1145	1421040034	Vũ Công	Cương	10/04/1996	Nam	Quảng Ninh	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1146	1421040038	Phạm Quốc	Cường	03/11/1995	Nam	Nam Định	2.61	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1147	1421040398	Chu Phương	Đăng	13/12/1996	Nam	Cao Bằng	2.56	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1148	1421040061	Đỗ Quốc	Đạt	03/02/1995	Nam	Ninh Bình	2.71	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1149	1421040385	Phạm Công	Doanh	18/02/1996	Nam	Thái Bình	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2

1150	1421040403	Nguyễn Văn	Đức	07/03/1996	Nam	Hải Dương	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1151	1421040083	Nguyễn Văn	Đức	25/05/1996	Nam	Vĩnh Phúc	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1152	1421040048	Nguyễn Tiến	Dũng	28/04/1996	Nam	Vĩnh Phúc	2.79	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1153	1421040086	Vũ Thế	Giang	17/10/1996	Nam	Nam Định	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1154	1421040098	Lê Hải	Hảo	10/12/1994	Nam	Thanh Hóa	2.94	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1155	1421040103	Đỗ Văn	Hiến	11/07/1995	Nam	Ninh Bình	2.74	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1156	1421040113	Ngô Quang	Hòa	17/06/1996	Nam	Thái Bình	2.81	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1157	1421040119	Quách Duy	Hoàng	18/09/1996	Nam	Lào Cai	2.61	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1158	1421040120	Hoàng Văn	Hội	04/08/1996	Nam	Thái Bình	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1159	1421040137	Lý Văn	Hưng	28/02/1996	Nam	Thái Bình	2.52	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1160	1421040138	Mai Văn	Hưng	09/08/1996	Nam	Hải Phòng	3.63	Xuất sắc	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1161	1421040128	Hoàng Quốc	Huy	27/08/1996	Nam	Quảng Ninh	2.56	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1162	1421040132	Nguyễn Quốc	Huy	29/07/1996	Nam	Thái Bình	2.68	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1163	1421040130	Nguyễn Quang	Huy	19/08/1996	Nam	Quảng Ninh	2.73	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1164	1421040127	Hà Quang	Huy	07/12/1996	Nam	Quảng Ninh	3.66	Xuất sắc	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1165	1421040149	Đặng Thế	Khang	31/12/1996	Nam	Thái Bình	2.55	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2

1166	1421040150	Nguyễn Duy	Khánh	25/08/1996	Nam	Hải Dương	2.56	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1167	1421040440	Trần Văn	Lê	11/11/1996	Nam	Nam Định	2.69	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1168	1421020441	Vũ Văn	Linh	02/04/1996	Nam	Quảng Ninh	2.58	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1169	1421040168	Nguyễn Hoàng	Long	11/10/1996	Nam	Quảng Ninh	2.81	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1170	1421040175	Lương Cao	Luận	20/08/1996	Nam	Hải Phòng	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1171	1421040456	Phạm Duy	Mạnh	24/03/1995	Nam	Hải Hưng	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1172	1421040184	Võ Hồng	Mạnh	28/10/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.56	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1173	1421040181	Nguyễn Đức	Mạnh	20/11/1996	Nam	Quảng Ninh	2.80	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1174	1421040186	Lê Ngọc	Minh	11/04/1996	Nam	Thái Bình	2.50	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1175	1421040187	Mai Ngọc	Minh	02/08/1995	Nam	Nam Hà	2.80	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1176	1421040199	Bùi Kim	Ngọc	18/09/1996	Nam	Vĩnh Phú	2.83	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1177	1421040215	Mã Đức	Phương	01/04/1996	Nam	Bắc Kạn	2.75	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1178	1421040225	Nguyễn Văn	Quân	01/09/1995	Nam	Nam Định	2.56	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1179	1421040224	Nguyễn Đức	Quân	08/10/1995	Nam	Quảng Ninh	2.73	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1180	1421040223	Nguyễn Đình	Quân	12/08/1996	Nam	Hải Dương	2.78	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1181	1421040219	Hoàng Văn	Quang	04/07/1996	Nam	Bắc Giang	2.60	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2

1182	1421040221	Phạm Đình	Quảng	18/11/1996	Nam	Nam Định	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1183	1421040226	Nguyễn Ngọc	Quyền	11/12/1996	Nam	Nam Định	2.63	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1184	1421040228	Phạm Văn	Quyết	09/10/1996	Nam	Nam Định	2.66	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1185	1421040242	Nguyễn Duy	Thái	12/06/1996	Nam	Quảng Ninh	3.64	Xuất sắc	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1186	1421040250	Đoàn Tiến	Thành	07/01/1996	Nam	Nam Hà	2.64	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1187	1421040254	Nguyễn Minh	Thành	03/07/1996	Nam	Hải Hưng	2.74	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1188	1421040251	Mai Hiển	Thành	19/04/1996	Nam	Quảng Ninh	2.80	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1189	1421040353	Nguyễn Hữu	Thảo	10/11/1996	Nam	Hà Nội	3.00	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1190	1421040272	Chu Văn	Thì	18/04/1996	Nam	Bắc Giang	2.57	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1191	1421050193	Hoàng Trọng	Thiện	15/03/1996	Nam	Nghệ An	2.52	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1192	1421040528	Nguyễn Xuân	Tiến	21/07/1996	Nam	Nam Hà	2.77	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1193	1421040530	Nguyễn Trung	Tín	05/09/1995	Nam	Thái Bình	2.60	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1194	1421040291	Hoàng Văn	Toan	25/04/1995	Nam	Thái Nguyên	2.59	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1195	1421040292	Bùi Văn	Toàn	28/06/1996	Nam	Nam Định	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1196	1421040293	Đào Xuân	Toàn	13/11/1996	Nam	Thái Bình	2.75	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1197	1421040542	Nguyễn Lê	Trung	23/10/1996	Nam	Quảng Ninh	2.64	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2

1198	1421011382	Dương Đức	Trung	23/05/1996	Nam	Quảng Ninh	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1199	1421040309	Lê Đức	Trường	28/12/1996	Nam	Hải Dương	2.57	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1200	1421040315	Lê Anh	Tuấn	04/10/1996	Nam	Hưng Yên	2.59	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1201	1421040323	Nguyễn Quý	Tuấn	30/07/1996	Nam	Thái Bình	2.65	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1202	1421040320	Nguyễn Đình	Tuấn	08/07/1996	Nam	Thanh Hóa	2.85	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1203	1421040321	Nguyễn Mạnh	Tuấn	01/10/1996	Nam	Quảng Ninh	3.07	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1204	1421040333	Nguyễn Phan Sơn	Tùng	05/10/1996	Nam	Quảng Ninh	2.57	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1205	1421040337	Trần Anh	Tùng	01/11/1996	Nam	Quảng Ninh	2.57	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1206	1421040559	Bùi Duy	Tùng	26/09/1994	Nam	Hải Phòng	2.65	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1207	1421040338	Vũ Thanh	Tùng	04/02/1996	Nam	Quảng Ninh	2.84	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1208	1421040334	Nguyễn Quang	Tùng	15/05/1996	Nam	Quảng Ninh	2.91	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1209	1421040332	Nguyễn Chí	Tùng	19/01/1994	Nam	Thanh Hóa	2.92	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1210	1421040339	Hoàng Văn	Tuyên	24/03/1996	Nam	Hải Dương	2.68	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1211	1421040564	Trần Minh	Tuyên	15/11/1996	Nam	Thái Bình	3.32	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1212	1421040568	Đặng Đình	Văn	11/03/1996	Nam	Quảng Ninh	2.74	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
1213	1421040349	Phạm Khắc	Vững	07/05/1996	Nam	Hải Dương	2.62	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2

1214	1421011036	Lê Văn	Chiến	06/10/1995	Nam	Thanh Hóa	2.62	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59VT
1215	1421011075	Hoàng Tiến	Đạt	03/03/1996	Nam	Đồng Nai	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59VT
1216	1421011061	Lê Văn	Dũng	19/05/1995	Nam	Thanh Hóa	2.84	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59VT
1217	1421011169	Vũ Thị	Hương	24/03/1996	Nữ	Hà Tây	2.94	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59VT
1218	1421011222	Đỗ Thị Hoa	Lựu	16/09/1996	Nữ	Nam Định	2.84	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59VT
1219	1421011238	Đặng Hoài	Nam	02/03/1996	Nam	Phú Yên	2.91	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59VT
1220	1421011264	Lê Công	Nhực	04/03/1995	Nam	Phú Yên	2.93	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59VT
1221	1421011291	Huỳnh Thị	Sang	15/05/1996	Nữ	Phú Yên	3.14	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59VT
1222	1421011329	Trịnh Xuân	Thiện	20/10/1996	Nam	Thanh Hóa	2.68	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59VT
1223	1421011368	Lê Thị	Trang	10/05/1995	Nữ	Thanh Hóa	2.97	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59VT
1224	1421011369	Lê Thị Huyền	Trang	09/07/1996	Nữ	Đăk Lăk	3.47	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59VT
1225	1421011404	Phan Minh	Tuấn	11/02/1996	Nam	Bình Định	2.98	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59VT
1226	1421040002	Vũ Thanh	An	07/07/1996	Nữ	Điện Biên	2.78	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1227	1421040014	Lâm Xuân	Bắc	02/08/1996	Nam	Lào Cai	2.68	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1228	1421040368	Uông Văn	Bắc	03/06/1996	Nam	Lào Cai	3.31	Giỏi	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1229	1421045001	Nguyễn Văn	Bảo	02/02/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.76	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1

1230	1421040019	Lê Thị Ngọc	Bích	26/06/1996	Nữ	Lào Cai	2.82	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1231	1421045002	Trần Hoàng	Cương	26/04/1995	Nam	Hà Tĩnh	2.51	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1232	1421040040	Đỗ Trọng	Dân	17/12/1996	Nam	Nam Định	2.75	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1233	1421040070	Đào Vũ	Đăng	26/03/1996	Nam	Lào Cai	2.16	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1234	1421040063	Lê Tiến	Đạt	04/10/1995	Nam	Hà Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1235	1421040071	Đoàn Quang	Định	18/11/1996	Nam	Thanh Hóa	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1236	1421060047	Hoàng Văn Tiến	Dũng	20/09/1996	Nam	Lào Cai	2.63	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1237	1421040091	Nguyễn Thanh	Hải	18/04/1996	Nữ	Lào Cai	2.54	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1238	1421040095	Nông Văn	Hàn	06/01/1996	Nam	Lào Cai	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1239	1421045003	Từ Thị	Hằng	25/01/1996	Nữ	Hà Tĩnh	3.13	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1240	1421045004	Đặng Thị	Hiền	04/01/1996	Nữ	Hà Tĩnh	2.61	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1241	1421040102	Vũ Thị	Hiền	20/01/1996	Nữ	Lào Cai	2.87	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1242	1421045005	Vương Tuấn	Lãm	20/10/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.62	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1243	1421040439	Cao Ngọc	Lê	16/08/1996	Nữ	Thái Bình	2.82	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1244	1421045006	Hoàng Thị	Liên	15/08/1996	Nữ	Hà Tĩnh	2.67	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1245	1421040451	Bùi Thị	Lý	12/10/1996	Nữ	Thái Bình	2.59	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1

1246	1421040457	Trần Văn	Mạnh	10/01/1993	Nam	Bắc Ninh	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1247	1421045007	Phan Thị Thảo	Nga	24/04/1996	Nữ	Hà Tĩnh	2.56	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1248	1421040198	Mai Thị	Ngân	23/12/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.90	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1249	1421040200	Hoàng Thị Bảo	Ngọc	28/09/1996	Nữ	Hà Tĩnh	2.89	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1250	1421040202	Đào Minh	Nguyên	01/02/1996	Nam	Lào Cai	2.97	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1251	1421040483	Hoàng Thị Minh	Phượng	09/11/1996	Nữ	Nam Hà	2.71	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1252	1421040247	Nguyễn Tài	Thanh	30/05/1996	Nam	Lào Cai	2.73	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1253	1421040259	Đoàn Văn	Thảo	09/11/1995	Nam	Nam Định	2.50	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1254	1421040296	Hà Thu	Trang	28/04/1996	Nữ	Thái Bình	2.83	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1255	1421040301	Vũ Thị	Trang	13/09/1996	Nữ	Lào Cai	2.91	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1256	1421045010	Nguyễn Doãn	Trường	10/01/1996	Nam	Nghệ An	2.15	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1257	1421040551	Lương Thị Cẩm	Tú	01/07/1995	Nữ	Hà Tĩnh	2.93	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1258	1421040314	Đỗ Mạnh	Tuấn	31/05/1996	Nam	Lào Cai	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1259	1421040324	Nguyễn Văn	Tuấn	04/04/1996	Nam	Thanh Hóa	2.76	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1260	1421040563	Phạm Thanh	Tùng	19/12/1996	Nam	Thái Bình	2.74	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
1261	1421040573	Trần Hoàng	Vũ	21/06/1996	Nam	Nam Định	2.52	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1

1262	1421040011	Vũ Hoàng	Anh	28/02/1996	Nữ	Quảng Ninh	2.76	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1263	1421040004	Đỗ Thị Trung	Anh	22/06/1996	Nữ	Quảng Ninh	3.04	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1264	1421040372	Ngô Văn	Bính	22/03/1996	Nam	Hải Hưng	2.58	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1265	1421040052	Trần Văn	Dũng	09/07/1996	Nam	Hải Dương	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1266	1421040044	Lê Chí	Dũng	25/07/1996	Nam	Quảng Ninh	2.95	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1267	1421040406	Dương Thu	Giang	11/08/1996	Nữ	Quảng Ninh	2.79	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1268	1421040087	Đỗ Thị Thu	Hà	17/12/1996	Nữ	Quảng Ninh	2.83	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1269	1421040417	Đào Quang	Hoàng	13/09/1996	Nam	Thái Bình	2.56	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1270	1421040118	Phạm Huy	Hoàng	08/02/1996	Nam	Quảng Ninh	2.80	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1271	1421040122	Nguyễn Thị	Huế	09/11/1996	Nữ	Thái Bình	3.66	Xuất sắc	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1272	1421040143	Nguyễn Mai	Hương	31/12/1996	Nữ	Thái Bình	2.51	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1273	1421040133	Đào Thị	Huyền	16/11/1996	Nữ	Thái Bình	2.85	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1274	1421040163	Đinh Thị Bảo	Linh	24/04/1996	Nữ	Quảng Ninh	2.69	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1275	1421040442	Đoàn Ngọc	Linh	06/11/1996	Nữ	Quảng Ninh	3.67	Xuất sắc	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1276	1421040469	Nguyễn Hoàng	Oanh	24/05/1996	Nữ	Hải Phòng	3.42	Giỏi	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1277	1421040481	Nguyễn Mạnh	Phương	22/07/1996	Nam	Quảng Ninh	2.97	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2

1278	1421040220	Trịnh Minh	Quang	08/08/1996	Nam	Quảng Ninh	2.52	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1279	1421040268	Nguyễn Văn	Thắng	06/03/1996	Nam	Quảng Ninh	2.72	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1280	1421040248	Nguyễn Thị	Thanh	23/08/1996	Nữ	Thái Bình	2.97	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1281	1421040260	Lưu Phương	Thảo	10/01/1996	Nữ	Quảng Ninh	2.75	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1282	1421040529	Đoàn Mạnh	Tiệp	27/09/1996	Nam	Nam Định	2.57	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1283	1421040298	Nguyễn Thị	Trang	27/05/1996	Nữ	Hải Dương	2.91	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1284	1421040310	Phạm Xuân	Trường	16/12/1996	Nam	Quảng Ninh	2.63	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1285	1421040567	Nguyễn Thị Thu	Uyên	18/10/1996	Nữ	Quảng Ninh	3.02	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1286	1421040346	Hoàng Bảo	Việt	04/11/1996	Nam	Thái Bình	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1287	1421040352	Trịnh Thị	Yến	08/04/1996	Nữ	Quảng Ninh	2.59	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
1288	1421040035	Hà Văn	Cường	26/02/1996	Nam	Lào Cai	2.80	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_1
1289	1421040045	Lý Văn	Dũng	01/02/1995	Nam	Lào Cai	2.69	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_1
1290	1421040050	Phó Đức	Dũng	25/12/1996	Nam	Lào Cai	3.06	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_1
1291	1421040408	Phạm Thị Thu	Hà	02/09/1996	Nữ	Lào Cai	3.09	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_1
1292	1421040106	Lê Văn	Hiệp	20/02/1994	Nam	Thái Bình	3.20	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_1
1293	1421040123	Hoàng Huy	Hùng	12/09/1996	Nam	Hải Phòng	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_1

1294	1421040441	Nguyễn Thị Kim	Liên	20/01/1996	Nữ	Nam Định	2.66	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_1
1295	1421040166	Nguyễn Thị	Linh	29/03/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.77	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_1
1296	1421040229	Nguyễn Quang	Sang	29/03/1996	Nam	Hải Dương	2.50	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_1
1297	1421040263	Phạm Thị Thanh	Thảo	05/04/1996	Nữ	Thái Bình	2.66	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_1
1298	1421040274	Nguyễn Minh	Thiện	23/11/1996	Nam	Hà Nội	3.06	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_1
1299	1421040280	Lê Thu	Thủy	27/02/1996	Nữ	Hà Nội	2.50	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_1
1300	1421040340	Vũ Thị	Tươi	14/10/1993	Nữ	Hải Dương	3.01	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_1
1301	1421040094	Phạm Xuân	Hải	26/09/1996	Nam	Lào Cai	2.68	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_2
1302	1421040105	Hoàng Văn	Hiệp	30/10/1996	Nam	Lào Cai	2.65	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_2
1303	1421040141	Đặng Thùy	Hương	04/03/1996	Nữ	Quảng Ninh	3.37	Giỏi	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_2
1304	1421040233	Đỗ Hoàng	Sơn	12/05/1996	Nam	Lào Cai	2.64	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_2
1305	1421040235	Trần Ngọc	Tài	19/11/1996	Nam	Lào Cai	2.64	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_2
1306	1421040258	Tráng A	Thào	17/03/1995	Nam	Lào Cai	2.88	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_2
1307	1421040294	Lưu Ngọc	Toàn	07/11/1996	Nam	Lào Cai	2.62	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_2
1308	1421040571	Phùng Đức	Vinh	22/03/1995	Nam	Phú Thọ	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_2
1309	1421040347	Hoàng Tuấn	Vũ	07/10/1996	Nam	Lào Cai	2.64	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_2

1310	1421040350	Lê Thị Kim	Yến	24/07/1996	Nữ	Quảng Ninh	2.94	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển-Luyện quặng kim loại	DCMOTL59_2
1311	1121070057	Đinh Chí	Cường	03/02/1993	Nam	Thái Bình	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCMOXN56
1312	1221080163	Bùi Thị	Vân	08/05/1994	Nữ	Nam Định	2.81	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1313	1321080474	Phạm Công	Long	21/12/1995	Nam	Quảng Ninh	2.51	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS58_1
1314	1421080008	Hoàng Hoàng Thanh	Bình	05/12/1996	Nam	Quảng Ninh	2.66	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
1315	1421080159	Nguyễn Mạnh	Cương	20/09/1996	Nam	Lai Châu	3.04	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
1316	1421080172	Phạm Tiến	Dũng	16/01/1996	Nam	Hòa Bình	2.54	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
1317	1421080184	Nguyễn Thùy	Dương	20/06/1996	Nữ	Hà Nội	2.76	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
1318	1421080177	Trịnh Việt	Duy	07/10/1995	Nam	Thanh Hóa	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
1319	1421080204	Mai Thanh	Hải	20/06/1995	Nữ	Nam Định	3.18	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
1320	1421080233	Lê Xuân	Hùng	18/08/1996	Nam	Thanh Hóa	2.67	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
1321	1421080254	Nguyễn Văn	Kỳ	20/09/1995	Nam	Vĩnh Phúc	2.59	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
1322	1421080261	Ngô Mỹ	Linh	02/07/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.39	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
1323	1421080262	Nguyễn Diệu	Linh	06/01/1996	Nữ	Hà Nội	3.48	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
1324	1421080064	Nguyễn Văn	Long	02/05/1996	Nam	Thái Bình	2.75	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
1325	1421080090	Trần Hoàng	Phúc	16/10/1995	Nam	Hà Nội	3.01	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1

1326	1421080092	Nguyễn Nam	Phương	06/07/1996	Nam	Hà Tây	2.72	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
1327	1421080362	Nguyễn Thị	Thảo	18/12/1996	Nữ	Hà Nam	3.18	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
1328	1421080120	Trần Trung	Tuấn	02/05/1996	Nam	Quảng Ninh	2.64	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
1329	1421080124	Dương Thế	Vương	10/02/1996	Nam	Bắc Giang	2.71	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
1330	1421080431	Nguyễn Thị	Yến	14/02/1996	Nữ	Hà Nội	2.84	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
1331	1421080126	Quang Thị	Yến	04/12/1996	Nữ	Hưng Yên	2.93	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
1332	1421080001	Nguyễn Thị Thúy	An	25/10/1996	Nữ	Lạng Sơn	2.72	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
1333	1421080155	Nguyễn Thảo	Chinh	24/09/1996	Nữ	Yên Bái	2.81	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
1334	1421080156	Bùi Đức	Chính	31/10/1996	Nam	Hà Tây	2.58	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
1335	1421080173	Phan Tiến	Dũng	14/11/1996	Nam	Hà Tây	2.83	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
1336	1421080211	Đinh Mỹ	Hằng	30/04/1996	Nữ	Ninh Bình	2.83	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
1337	1421020062	Nguyễn Đình	Hiếu	26/05/1996	Nam	Hà Nội	2.64	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
1338	1421030076	Bùi Minh	Hoàn	22/04/1996	Nam	Quảng Ninh	2.67	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
1339	1421080047	Đào Thị	Hương	10/10/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.10	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
1340	1421080268	Phương Diệu	Linh	27/12/1996	Nữ	Hà Nội	2.55	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
1341	1421080270	Trần Tú	Linh	03/06/1996	Nữ	Hà Nội	2.85	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2

1342	1421080067	Bùi Thị	Luyến	20/04/1996	Nữ	Quảng Ninh	2.99	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
1343	1421080068	Nguyễn Thị Khánh	Ly	07/12/1996	Nữ	Nam Định	2.73	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
1344	1421030497	Nguyễn Thị Mai	Phương	23/10/1996	Nữ	Thái Bình	2.61	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
1345	1421080098	Bùi Sỹ	Quang	07/03/1996	Nam	Thái Bình	2.61	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
1346	1421080100	Nghiêm Minh	Sang	28/11/1996	Nam	Thái Bình	2.56	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
1347	1421080361	Lương Thiên	Thảo	17/10/1996	Nữ	Hòa Bình	2.73	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
1348	1421080402	Phạm Huy	Trịnh	16/02/1995	Nam	Hải Phòng	2.88	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
1349	1421080405	Nguyễn Xuân	Trung	16/01/1996	Nam	Hà Nội	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
1350	1421080420	Khuất Việt	Tùng	03/09/1995	Nam	Sơn La	3.06	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
1351	1421080122	Nguyễn Thị Kiều	Vân	24/06/1996	Nữ	Nghệ An	2.73	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
1352	1521080027	Nguyễn Đình	Bắc	25/12/1997	Nam	Nam Định	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1353	1221080048	Quang Thị Hồng	Ngọc	21/11/1994	Nữ	Hà Nội	2.73	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1354	1321080405	Lý Ngọc	Anh	12/08/1995	Nữ	Lạng Sơn	2.99	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1355	1321040621	Tạ Phương	Loan	08/10/1995	Nữ	Hà Nội	2.95	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1356	1421020010	Nguyễn Việt Tuấn	Anh	12/10/1993	Nam	Quảng Ninh	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
1357	1421080003	Lê Tuấn	Anh	08/01/1995	Nam	Hà Nội	2.60	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1

1358	1421080187	Phùng Văn	Đô	24/11/1996	Nam	Hải Dương	2.65	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
1359	1421080024	Phạm Minh	Đức	11/07/1996	Nam	Quảng Ninh	2.67	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
1360	1421080014	Đỗ Thành	Dũng	23/07/1996	Nam	Quảng Ninh	2.73	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
1361	1421080171	Lê Gia	Dũng	18/10/1996	Nam	Quảng Ninh	2.75	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
1362	1421080214	Lương Đức	Hậu	29/02/1996	Nam	Nam Định	2.78	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
1363	1421080038	Hoàng Thị Thu	Hòa	26/02/1996	Nữ	Ninh Bình	3.02	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
1364	1421080224	Nguyễn Minh	Hoàng	03/11/1996	Nam	LB Nga	2.64	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
1365	1421080238	Nguyễn Quang	Huy	06/12/1996	Nam	Bắc Giang	2.68	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
1366	1421080248	Cấn Quang	Khánh	18/12/1996	Nam	Hà Nội	2.58	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
1367	1421080065	Nguyễn Thị	Lộc	23/09/1996	Nữ	Hà Tây	2.74	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
1368	1421080066	Tống Thị	Lợi	14/08/1996	Nữ	Quảng Ninh	3.31	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
1369	1421080294	Nguyễn Mạnh	Nam	05/06/1996	Nam	Hà Nội	2.79	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
1370	1421080102	Đoàn Minh	Tài	02/08/1995	Nam	Nam Định	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
1371	1421080108	Đặng Thị Hương	Thảo	07/02/1996	Nữ	Quảng Ninh	2.98	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
1372	1421080378	Tào Thị	Thu	24/05/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.66	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
1373	1421080379	Trần Thị	Thu	17/04/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.78	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1

1374	1421020163	Tống Minh	Tiến	07/12/1995	Nam	Quảng Ninh	2.59	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
1375	1421080394	Bùi Minh	Trang	22/07/1996	Nữ	Quảng Ninh	3.01	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
1376	1421080119	Nguyễn Như	Tuấn	07/05/1996	Nam	Hà Nội	2.60	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
1377	1421080411	Ngô Minh	Tuấn	10/09/1996	Nam	Bắc Giang	2.88	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
1378	1421080005	Nguyễn Ngọc	Anh	13/06/1996	Nữ	Hà Nội	2.72	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1379	1421080163	Hoàng Thị	Dịu	30/11/1996	Nữ	Hưng Yên	3.03	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1380	1421080015	Nguyễn Đức	Dũng	24/09/1996	Nam	Thanh Hóa	3.14	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1381	1421080033	Cao Thị	Hậu	16/10/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.80	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1382	1421080221	Trần Thị Quỳnh	Hoa	24/01/1995	Nữ	Nam Định	2.77	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1383	1421080041	Lê Thị	Hồng	10/05/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1384	1421080046	Nguyễn Hữu	Hưng	13/08/1996	Nam	Hà Nội	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1385	1421080235	Lê Quốc	Huy	26/04/1996	Nam	Sơn La	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1386	1421080257	Phạm Thu	Liên	27/07/1995	Nữ	Hà Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1387	1421080058	Nguyễn Thị	Linh	02/03/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.64	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1388	1421080277	Đinh Phi	Long	26/09/1996	Nam	Vĩnh Phúc	2.76	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1389	1421080281	Nguyễn Hương	Ly	12/10/1996	Nữ	Hà Nội	2.68	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2

1390	1421080292	Tống Hà	My	15/10/1996	Nữ	Nam Định	2.74	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1391	1421080074	Lê Hữu	Nam	20/07/1995	Nam	Thanh Hóa	3.18	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1392	1421080077	Nguyễn Thị Thu	Nga	08/02/1996	Nữ	Quảng Ninh	2.69	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1393	1421080304	Trần Minh	Ngọc	18/08/1996	Nam	Hà Nam	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1394	1421080086	Lường Thị	Nhung	14/09/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.01	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1395	1421080340	Nguyễn Thị	Quỳnh	08/10/1995	Nữ	Thanh Hóa	2.77	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1396	1421080101	Hoàng Thái	Sơn	29/10/1996	Nam	Thanh Hóa	2.63	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1397	1421080345	Trần Ngọc	Sơn	26/12/1996	Nam	Quảng Ninh	2.68	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1398	1421080372	Nguyễn Quang	Thịnh	04/12/1995	Nam	Hải Phòng	2.66	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1399	1421080371	Nguyễn Hữu	Thịnh	09/04/1996	Nam	Hưng Yên	2.67	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1400	1421080392	Nguyễn Vũ Yến	Thy	24/07/1996	Nữ	Thái Bình	2.79	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1401	1421080401	Trần Thị Linh	Trang	13/06/1996	Nữ	Hải Dương	2.78	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1402	1421080398	Nguyễn Huyền	Trang	05/08/1996	Nữ	Hà Nội	2.80	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1403	1421080409	Đinh Xuân	Tuấn	30/09/1996	Nam	Ninh Bình	2.63	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1404	1421080121	Phạm Ánh	Tuyết	30/01/1996	Nữ	Lào Cai	2.88	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
1405	1421030283	Đặng Kim	Chi	10/03/1996	Nữ	Thái Bình	3.00	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAV59_2

1406	1421030017	Nguyễn Văn	Chinh	03/10/1996	Nam	Hải Dương	2.83	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAV59_2
1407	1421030049	Bùi Đình	Đức	18/01/1996	Nam	Hải Phòng	3.20	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAV59_2
1408	1421030084	Đinh Viết	Hùng	10/09/1996	Nam	Thanh Hóa	2.63	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAV59_2
1409	1421030127	Hoàng Thị Hải	Ly	04/04/1996	Nữ	Thái Bình	3.03	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAV59_2
1410	1421030133	Nguyễn Văn	Mong	14/03/1995	Nam	Bắc Ninh	2.94	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAV59_2
1411	1421030138	Nguyễn Phương	Nam	09/09/1996	Nam	Hà Nội	2.65	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAV59_2
1412	1421030466	Nguyễn Đức	Nam	09/05/1996	Nam	Hải Dương	2.71	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAV59_2
1413	1421030195	Nguyễn Thị Hà	Thu	07/08/1996	Nữ	Hải Phòng	3.37	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAV59_2
1414	1421030590	Trần Ngọc	Trung	01/04/1996	Nam	Quảng Bình	2.70	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAV59_2
1415	1321030126	Hoàng Kim	Long	07/12/1994	Nam	Hà Tây	2.54	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1416	1421030263	Tạ Thị Hà	Anh	09/12/1995	Nữ	Thái Bình	3.42	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
1417	1421030002	Đỗ Thị Lan	Anh	10/07/1996	Nữ	Hà Tây	3.78	Xuất sắc	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
1418	1421030013	Nguyễn	Chiến	02/05/1995	Nam	Hà Tây	2.86	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
1419	1421030313	Vũ Hữu	Đạt	28/01/1995	Nam	Thái Bình	2.75	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
1420	1421030062	Nguyễn Thị Thu	Hằng	10/05/1996	Nữ	Bắc Thái	3.00	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
1421	1421030337	Nguyễn Thị	Hạnh	05/12/1994	Nữ	Hà Nội	2.91	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2

1422	1421030373	Lê Thanh	Hùng	05/10/1996	Nam	Hà Nội	3.21	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
1423	1421030417	Phạm Trung	Kiên	05/07/1996	Nam	Thái Bình	2.72	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
1424	1421030122	Nguyễn Thị	Loan	29/07/1996	Nữ	Hưng Yên	3.42	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
1425	1421030124	Phạm Văn	Long	22/11/1995	Nam	Thái Bình	2.55	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
1426	1421030123	Nguyễn Thành	Long	15/01/1996	Nam	Nam Định	2.89	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
1427	1421030447	Hoàng Thị Hải	Lý	19/05/1996	Nữ	Thái Bình	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
1428	1421030149	Trần Thị	Nhung	24/08/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.95	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
1429	1421030490	Trọng Hồng	Phong	14/07/1996	Nam	Bắc Ninh	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
1430	1421030152	Nguyễn Xuân	Phú	25/11/1996	Nam	Hà Nam	3.54	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
1431	1421030527	Nguyễn Hoàng	Sơn	11/06/1996	Nam	Thái Bình	2.77	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
1432	1421030182	Đoàn Thị	Thảo	15/04/1996	Nữ	Yên Bái	2.75	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
1433	1421030584	Phan Thị Huyền	Trang	24/11/1996	Nữ	Hà Nam	2.95	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
1434	1421030589	Phạm Quang	Trung	14/11/1996	Nam	Hải Phòng	2.89	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
1435	1421030214	Ninh Văn	Trường	09/04/1996	Nam	Ninh Bình	2.60	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
1436	1421030614	Vũ Anh	Tuấn	09/10/1996	Nam	Hà Tây	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
1437	1421030231	Ngô Khánh	Việt	11/10/1996	Nam	Hà Nội	2.81	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2

1438	1421030640	Nguyễn Duy	Vịnh	10/08/1996	Nam	Thái Bình	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
1439	1021020275	Nguyễn Thùy	Trang	08/10/1992	Nữ	Hà Nội	2.85	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC55
1440	1321030013	Trần Tuấn	Anh	29/07/1995	Nam	Hải Dương	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1441	1321030031	Nguyễn Việt	Dũng	15/08/1995	Nam	Hà Tây	2.63	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1442	1321030647	Nguyễn Thế	Khang	22/02/1995	Nam	Bắc Ninh	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1443	1421030003	Lưu Ngọc	Anh	22/12/1996	Nam	Thanh Hóa	2.89	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1
1444	1421030004	Nguyễn Duy	Anh	26/03/1996	Nam	Vĩnh Phúc	3.46	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1
1445	1421030028	Trần Mạnh	Cường	13/12/1996	Nam	Hà Nội	2.98	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1
1446	1421030308	Phan Thùy	Dương	24/11/1995	Nữ	Nghệ An	3.19	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1
1447	1421030053	Lê Thị	Giang	01/08/1996	Nữ	Ninh Bình	3.06	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1
1448	1421030349	Nguyễn Hoàng	Hiệp	05/12/1996	Nam	Hà Nội	2.66	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1
1449	1421030068	Đặng Xuân	Hiếu	03/02/1996	Nam	Nam Hà	3.01	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1
1450	1421030072	Vũ Quang	Hiếu	27/06/1995	Nam	Hải Dương	3.35	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1
1451	1421030082	Nguyễn Hữu	Huân	05/04/1993	Nam	Hà Nội	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1
1452	1421030095	Phùng Thị Minh	Huyền	26/08/1996	Nữ	Hải Phòng	3.50	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1
1453	1421030415	Mai Trung	Kiên	28/11/1996	Nam	Thanh Hóa	2.67	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1

1454	1421030446	Nguyễn Như	Lượng	22/07/1996	Nam	Nam Hà	2.61	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1
1455	1421030128	Chu Văn	Mạnh	08/09/1996	Nam	Hà Nội	2.82	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1
1456	1421030456	Nguyễn Văn	Mến	20/09/1996	Nam	Hà Nội	3.16	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1
1457	1421030131	Nguyễn Thị	Minh	04/08/1996	Nữ	Hà Nội	3.13	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1
1458	1421030512	Nguyễn Thị	Quế	22/05/1996	Nữ	Nam Định	2.92	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1
1459	1421030531	Nguyễn Văn	Sơn	08/10/1996	Nam	Thái Bình	2.81	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1
1460	1421030188	Mai Quý	Thắng	18/08/1996	Nam	Quảng Ninh	3.43	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1
1461	1421030193	Bùi Đức	Thịnh	05/06/1996	Nam	Quảng Ninh	2.66	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1
1462	1421030237	Nguyễn Văn	Tú	30/12/1996	Nam	Hà Tây	2.62	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1
1463	1421020180	Vũ Duy	Tú	04/03/1996	Nam	Nam Định	2.73	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1
1464	1421030249	Nguyễn Huy	Anh	29/10/1995	Nam	Nam Định	2.67	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1465	1421030242	Đặng Tuấn	Anh	23/07/1995	Nam	Hà Tây	2.74	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1466	1421030260	Nguyễn Vũ Việt	Anh	01/06/1995	Nam	Hà Nam	2.83	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1467	1421030024	Nguyễn Hùng	Cường	05/09/1996	Nam	Hải Phòng	2.77	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1468	1421030041	Kiều Văn	Đạt	22/04/1996	Nam	Hà Tây	2.82	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1469	1421030030	Nguyễn Thùy	Dung	21/05/1996	Nữ	Hà Nội	2.83	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2

1470	1421030300	Trần Chí	Dũng	07/10/1996	Nam	Phú Thọ	3.04	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1471	1421030236	Vũ Thùy	Dương	06/09/1996	Nữ	Hà Nội	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1472	1421030038	Nguyễn Đình	Dưỡng	13/05/1995	Nam	Thanh Hóa	3.35	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1473	1421030060	Lý Thị Thu	Hằng	16/11/1995	Nữ	Bắc Giang	3.12	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1474	1421030066	Phạm Duy	Hiệp	19/06/1996	Nam	Ninh Bình	2.71	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1475	1421030071	Nguyễn Trung	Hiếu	05/10/1996	Nam	Nam Định	2.98	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1476	1421030083	Lê Hữu	Huệ	13/09/1996	Nam	Hà Nội	2.89	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1477	1421030104	Phạm Thị	Hương	22/11/1996	Nữ	Nam Hà	3.11	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1478	1421030390	Lê Thị	Huyền	09/02/1995	Nữ	Thái Bình	3.47	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1479	1421030429	Lương Thị Hương	Linh	19/11/1996	Nữ	Hà Nội	2.98	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1480	1421030431	Phạm Thị Thùy	Linh	21/11/1996	Nữ	Nam Định	3.35	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1481	1421030467	Nguyễn Sơn	Nam	02/11/1995	Nam	Hà Nội	2.65	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1482	1421020116	Nguyễn Thị	Ngoan	27/12/1996	Nữ	Hải Dương	2.90	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1483	1421030498	Nguyễn Thị Mai	Phương	10/11/1996	Nữ	Hà Nội	2.69	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1484	1421030537	Nguyễn Thị	Tâm	14/03/1996	Nữ	Hà Nội	2.92	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1485	1421030186	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	15/11/1996	Nữ	Hà Nội	2.82	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2

1486	1421030559	Nguyễn Duy	Thắng	02/09/1996	Nam	Thái Bình	3.00	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1487	1421030560	Phạm Văn	Thắng	06/07/1996	Nam	Hải Dương	3.09	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1488	1421030180	Đặng Phương	Thảo	28/03/1996	Nữ	Hà Giang	2.71	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1489	1421040299	Nguyễn Thị Linh	Trang	24/12/1996	Nữ	Hà Tây	2.67	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1490	1421030581	Ngô Thị Hà	Trang	17/06/1996	Nữ	Bắc Giang	2.80	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1491	1421030215	Nguyễn Sỹ	Tú	24/05/1996	Nam	Đồng Nai	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1492	1421030221	Nguyễn Danh	Tuấn	25/06/1996	Nam	Hà Nội	2.75	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1493	1421030608	Hoàng Minh	Tuấn	03/02/1996	Nam	Thanh Hóa	2.88	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1494	1421030230	Trần Thị Cẩm	Vân	14/01/1996	Nữ	Nam Định	3.05	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
1495	1521030117	Nguyễn Mai Trường	An	16/06/1997	Nam	Quảng Bình	2.61	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
1496	1521030142	Trần Thị Huyền	Anh	30/06/1997	Nữ	Thái Bình	3.08	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
1497	1521030103	Lô Văn	Hằng	20/03/1997	Nam	Nghệ An	2.72	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
1498	1521030382	Vi Thị	Hiền	23/09/1997	Nữ	Bắc Giang	2.79	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
1499	1521030387	Phạm Hoàng	Linh	06/02/1997	Nữ	Nam Định	2.84	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
1500	1521030366	Vũ Thị Mỹ	Linh	21/02/1997	Nữ	Hải Phòng	3.34	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
1501	1521030422	Đào Thị Mỹ	Loan	06/11/1997	Nữ	Quảng Ninh	3.04	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60

1502	1521030125	Nguyễn Trọng	Nghĩa	02/08/1997	Nam	Hà Nội	2.91	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
1503	1521030448	Vũ Phương	Thảo	02/01/1997	Nữ	Hà Nội	2.80	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
1504	1521030150	Trần Thị Phương	Thảo	09/11/1996	Nữ	Hà Nội	3.19	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
1505	1521030148	Nguyễn Kiều	Trang	30/10/1997	Nữ	Hải Phòng	3.09	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
1506	1621030223	Đoàn Mỹ	Linh	24/09/1998	Nữ	Bắc Ninh	3.48	Giỏi	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD61
1507	1321030418	Trần Đức	Anh	24/08/1995	Nam	Hà Nội	2.99	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1508	1321030446	Nguyễn Văn	Chí	02/02/1995	Nam	Bắc Giang	2.64	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_2
1509	1321031002	Đàm Văn	Tính	12/06/1995	Nam	Hà Nội	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_2
1510	1321030895	Nguyễn Ngọc Thanh	Toàn	24/11/1993	Nam	Hải Phòng	2.53	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_2
1511	1321031005	Trương Minh	Thắng	18/09/1994	Nam	Hà Nội	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1512	1321030215	Nguyễn Viết	Thảo	30/01/1993	Nam	Nghệ An	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1513	1421050030	Nguyễn Văn	Cường	25/10/1996	Nam	Thái Bình	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_1
1514	1421030255	Nguyễn Thị Phương	Anh	28/11/1996	Nữ	Hà Nam	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_2
1515	1421030018	Tống Văn	Chung	10/11/1996	Nam	Thanh Hóa	2.70	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_2
1516	1421030043	Phạm Quang	Đạt	21/11/1995	Nam	Hà Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_2
1517	1421030065	Trịnh Thanh	Hiện	25/09/1996	Nam	Thái Bình	2.75	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_2

1518	1421030351	Đàm Minh	Hiếu	25/12/1996	Nam	Lạng Sơn	2.76	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_2
1519	1421030102	Hoàng Mỹ	Hương	03/06/1995	Nữ	Hà Nội	3.07	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_2
1520	1421030125	Lâm Đình	Lộc	28/10/1996	Nam	Nam Định	2.85	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_2
1521	1421030486	Kiều Đức	Phong	19/11/1996	Nam	Quảng Ninh	2.85	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_2
1522	1421030158	Phạm Minh	Quân	09/03/1996	Nam	Tuyên Quang	2.53	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_2
1523	1421030173	Dương Chí	Thanh	18/11/1996	Nam	Hà Nội	2.60	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_2
1524	1421030197	Nguyễn Đức	Thuận	02/04/1996	Nam	Nam Định	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_2
1525	1421030204	Phạm Văn	Tiến	21/09/1996	Nam	Bắc Ninh	2.66	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_2
1526	1421030223	Nguyễn Mạnh	Tuấn	01/11/1996	Nam	Hà Nội	2.89	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_2
1527	1421030241	Vũ Sơn	An	16/06/1996	Nam	Nam Hà	2.86	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1528	1421030010	Đoàn Văn	Bảo	23/07/1996	Nam	Nam Định	2.67	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1529	1421030272	Tạ Văn	Bảo	07/10/1994	Nam	Hà Tây	3.09	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1530	1421030021	Văn	Công	10/12/1996	Nam	Bình Định	2.88	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1531	1421030023	Vũ Kim	Cương	06/02/1995	Nam	Ninh Bình	2.98	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1532	1421030040	Bùi Xuân	Đạt	15/07/1996	Nam	Thái Bình	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1533	1421030316	Nguyễn Văn	Đoàn	25/12/1996	Nam	Hà Nội	2.95	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3

1534	1421030295	Đỗ Đức	Doanh	07/10/1996	Nam	Nam Định	2.71	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1535	1421030048	Lê Văn	Đồng	19/09/1996	Nam	Thanh Hóa	3.38	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1536	1421030051	Nguyễn Viết	Đức	05/12/1996	Nam	Thái Bình	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1537	1421030306	Phạm Công	Duy	28/09/1996	Nam	Thái Bình	2.77	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1538	1421030327	Đặng Thanh	Giang	05/09/1996	Nam	Bắc Ninh	2.66	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1539	1421030057	Đặng Quý	Hải	09/10/1996	Nam	Thái Bình	2.88	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1540	1421030069	Lê Văn	Hiếu	18/08/1996	Nam	Nam Định	2.79	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1541	1421030353	Đoàn Văn	Hiếu	25/01/1996	Nam	Nam Định	2.93	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1542	1421030363	Nguyễn Hữu	Hoàng	24/03/1996	Nam	Thanh Hóa	2.64	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1543	1421030367	Vũ Việt	Hoàng	14/09/1996	Nam	Thanh Hóa	2.78	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1544	1421030374	Nguyễn Hữu	Hùng	08/02/1995	Nam	Hải Dương	2.90	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1545	1421030090	Nguyễn Văn	Hùng	06/12/1996	Nam	Hưng Yên	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1546	1421030383	Nguyễn Ngọc	Huy	30/01/1996	Nam	Quảng Ninh	3.01	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1547	1421030096	Trịnh Thế	Huynh	08/11/1996	Nam	Nam Định	3.18	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1548	1421030105	Đào Đình	Khang	15/03/1995	Nam	Hải Dương	2.79	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1549	1421030113	Vũ Văn	Kiên	05/03/1996	Nam	Nam Định	2.62	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3

1550	1421030416	Nguyễn Hữu	Kiên	16/12/1994	Nam	Hà Tây	3.04	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1551	1421030433	Vũ	Linh	18/07/1995	Nam	Belarus	2.85	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1552	1421020101	Nguyễn Võ	Mai	04/11/1996	Nam	Nghệ An	2.60	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1553	1421030457	Đới Công	Minh	10/08/1996	Nam	Nam Định	2.84	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1554	1421030140	Nguyễn Văn	Nghĩa	12/01/1996	Nam	Quảng Bình	3.59	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1555	1421030483	Đào Tiến	Phong	13/05/1995	Nam	Hà Nội	2.92	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1556	1421030488	Phạm Hải	Phong	21/10/1996	Nam	Hải Phòng	2.99	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1557	1421030151	Lê Minh	Phong	30/10/1996	Nam	Hải Dương	3.08	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1558	1421030500	Vũ Minh	Phương	01/10/1996	Nam	Hà Nam	2.72	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1559	1421030507	Lê Văn	Quân	17/04/1996	Nam	Hà Nội	2.75	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1560	1421030508	Lương Văn	Quân	22/04/1996	Nam	Hải Phòng	2.86	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1561	1421030506	Bùi Văn	Quảng	13/12/1996	Nam	Nam Hà	2.76	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1562	1421030170	Đoàn Anh	Tài	10/10/1995	Nam	Quảng Bình	2.93	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1563	1421030171	Thái Văn	Tài	18/11/1996	Nam	Nghệ An	2.94	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1564	1421030541	Phương	Thái	04/02/1996	Nam	Thái Nguyên	2.62	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1565	1421030179	Trần Văn	Thành	28/03/1996	Nam	Hà Tây	2.77	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3

1566	1421030568	Phạm Văn	Thuận	01/01/1995	Nam	Thanh Hóa	2.76	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1567	1421030198	Nguyễn Văn	Thung	05/09/1996	Nam	Nghệ An	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1568	1421030577	Trần Văn	Tiệp	04/11/1995	Nam	Nghệ An	3.15	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1569	1421030206	Nguyễn Xuân	Tình	25/01/1996	Nam	Hải Dương	2.70	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1570	1421030216	Nguyễn Tuấn	Tú	26/05/1996	Nam	Hà Tây	2.63	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1571	1421030604	Nguyễn Văn	Tuân	02/11/1996	Nam	Bắc Ninh	3.13	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1572	1421030220	Hồ Anh	Tuấn	14/08/1995	Nam	Thái Bình	2.75	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1573	1421030619	Nguyễn Mạnh	Tùng	27/04/1996	Nam	Thanh Hóa	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1574	1421030627	Lê Thiện	Tươi	19/05/1995	Nam	Thanh Hóa	3.13	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1575	1421030639	Trương Thế	Vinh	19/01/1995	Nam	Nam Hà	2.56	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
1576	1521030077	Ngô Đình	Kông	30/10/1997	Nam	Hà Nội	2.98	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_60_3
1577	1221030106	Dương Công	Minh	13/11/1993	Nam	Vĩnh Phúc	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57A
1578	1121030205	Nguyễn Xuân	Tự	10/04/1992	Nam	Thanh Hoá	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ và công trình	DCTDTM56
1579	1321030724	Trần Công	Minh	11/12/1995	Nam	Hải Dương	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ và công trình	DCTDTM58_2
1580	1321030254	Nguyễn Thế	Tuấn	07/09/1993	Nam	Thanh Hóa	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ và công trình	DCTDTM58_2
1581	1421030318	Hoàng Trọng	Đức	26/02/1996	Nam	Thanh Hóa	2.72	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ và công trình	DCTDTM59_1

1582	1421030320	Nguyễn Anh	Đức	12/02/1996	Nam	Quảng Ninh	2.81	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ và công trình	DCTDTM59_1
1583	1421030073	Vũ Quang	Hiếu	16/08/1996	Nam	Thái Bình	2.75	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ và công trình	DCTDTM59_1
1584	1421030375	Nguyễn Phi	Hùng	23/09/1996	Nam	Hải Dương	2.79	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ và công trình	DCTDTM59_1
1585	1421030203	Phạm Hữu	Thường	11/08/1995	Nam	Hải Dương	2.87	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ và công trình	DCTDTM59_1
1586	1421030605	Phạm Văn	Tuân	14/05/1995	Nam	Thanh Hóa	2.63	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ và công trình	DCTDTM59_1
1587	1421030624	Tô Bá	Tuyển	23/10/1996	Nam	Thái Bình	2.81	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ và công trình	DCTDTM59_1
1588	1421030044	Phạm Tiến	Đạt	14/01/1996	Nam	Quảng Ninh	2.83	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ và công trình	DCTDTM59_2
1589	1421030087	Lưu Doãn	Hùng	18/08/1996	Nam	Thanh Hóa	2.94	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ và công trình	DCTDTM59_2
1590	1421030097	Nguyễn Văn	Huỳnh	02/11/1996	Nam	Bắc Ninh	2.94	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ và công trình	DCTDTM59_2
1591	1421030118	Đoàn Văn	Linh	28/10/1996	Nam	Bắc Ninh	2.96	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ và công trình	DCTDTM59_2
1592	1421030132	Nguyễn Tuấn	Minh	01/12/1996	Nam	Lạng Sơn	2.73	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ và công trình	DCTDTM59_2
1593	1421030145	Đoàn Đắc	Nhất	30/12/1996	Nam	Bắc Ninh	3.20	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ và công trình	DCTDTM59_2
1594	1421030538	Nguyễn Thị	Tâm	12/10/1996	Nữ	Thái Bình	3.44	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ và công trình	DCTDTM59_2
1595	1221070285	Phạm Văn	Tiệp	29/05/1993	Nam	Thái Bình	2.05	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1596	1321070438	Nguyễn Văn	Cường	18/10/1995	Nam	Nghệ An	2.63	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC58_2
1597	1321070450	Đặng Văn	Dương	10/11/1992	Nam	Nam Hà	2.56	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC58_2

1598	1321070689	Nguyễn Văn	Trung	01/08/1995	Nam	Hải Dương	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC58_2
1599	1421070023	Trần Bá	Cường	16/08/1996	Nam	Hà Tĩnh	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_1
1600	1421070292	Hoàng Công	Hoan	18/12/1996	Nam	Nam Định	2.54	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_1
1601	1421070055	Nguyễn Quang	Huy	30/11/1996	Nam	Nam Định	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_1
1602	1421070317	Nguyễn Khắc	Huy	18/01/1995	Nam	Nam Định	2.60	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_1
1603	1421070087	Nguyễn Văn	Minh	04/11/1996	Nam	Nghệ An	2.67	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_1
1604	1421070411	Ngô Thị	Nụ	18/12/1996	Nữ	Ninh Bình	2.98	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_1
1605	1421070418	Nguyễn Văn	Phú	04/09/1995	Nam	Hà Nội	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_1
1606	1421070105	Bùi Văn	Sơn	15/05/1996	Nam	Hà Tây	2.88	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_1
1607	1421070127	Nguyễn Thị	Toàn	13/07/1996	Nữ	Nghệ An	3.43	Giỏi	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_1
1608	1421070492	Đỗ Văn	Tranh	06/01/1996	Nam	Quảng Bình	2.97	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_1
1609	1421070500	Lê Minh	Trung	10/06/1996	Nam	Thanh Hóa	2.66	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_1
1610	1421070518	Trần Ngọc	Tuân	04/10/1996	Nam	Nam Định	2.68	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_1
1611	1421070134	Lê Anh	Tuấn	07/09/1996	Nam	Lào Cai	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_1
1612	1421070544	Hoàng Quốc	Việt	07/06/1995	Nam	Nam Định	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_1
1613	1421070001	Nguyễn Tiến	An	16/03/1996	Nam	Thái Bình	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2

1614	1421070002	Hồ Công	Anh	16/07/1996	Nam	Hà Nội	2.60	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1615	1421070006	Dương Việt	Bách	17/03/1996	Nam	Hà Nội	3.11	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1616	1421070009	Nguyễn Ninh	Bình	25/12/1996	Nam	Quảng Ninh	2.57	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1617	1421070018	Phan Hữu	Công	02/02/1996	Nam	Hưng Yên	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1618	1421070189	Nguyễn Hữu	Công	14/11/1996	Nam	Hà Nội	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1619	1421070187	Lê Sỹ	Công	30/10/1995	Nam	Thanh Hóa	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1620	1421070191	Đỗ Mạnh	Cường	01/01/1996	Nam	Nam Định	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1621	1421070194	Lưu Xuân	Cường	05/03/1992	Nam	Thanh Hóa	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1622	1421070020	Đào Quốc	Cường	12/05/1996	Nam	Hà Nội	2.64	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1623	1421070235	Phạm Thành	Đạt	26/09/1996	Nam	Hà Nội	2.53	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1624	1421070254	Trịnh Quang	Đức	28/10/1996	Nam	Thanh Hóa	2.53	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1625	1421070249	Nguyễn Anh	Đức	10/08/1996	Nam	Hà Tây	2.73	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1626	1421070248	Lê Trung	Đức	05/07/1995	Nam	Hải Phòng	2.78	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1627	1421070204	Đỗ Văn	Dũng	03/12/1996	Nam	Thanh Hóa	2.70	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1628	1421070302	Quang	Hoàng	29/10/1996	Nam	Hà Tây	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1629	1421070050	Đinh Văn	Hoàng	08/01/1996	Nam	Hưng Yên	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2

1630	1421070300	Phạm Huy	Hoàng	20/01/1996	Nam	Quảng Bình	2.54	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1631	1421070307	Nguyễn Mạnh	Hùng	05/09/1996	Nam	Hải Dương	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1632	1421070312	Phan Văn	Hùng	17/09/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1633	1421020073	Nguyễn Mạnh	Hùng	17/03/1996	Nam	Hà Nội	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1634	1421070325	Lê Văn	Hưng	15/01/1995	Nam	Hà Tĩnh	2.53	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1635	1421070054	Đỗ Quang	Huy	22/11/1996	Nam	Nam Định	2.64	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1636	1421070063	Vũ Trọng	Khang	27/07/1996	Nam	Hà Bắc	2.67	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1637	1421070081	Nguyễn Thế	Mạnh	09/01/1996	Nam	Nam Định	2.10	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1638	1421020106	Vũ Đức	Mạnh	05/02/1996	Nam	Thái Bình	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1639	1421070100	Phí Hồng	Quân	23/11/1996	Nam	Thái Bình	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1640	1421070431	Phạm Văn	Quân	24/04/1996	Nam	Hải Phòng	2.53	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1641	1421070098	Phạm Văn	Quang	26/12/1996	Nam	Thái Bình	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1642	1421070457	Vũ Đình	Thái	27/05/1996	Nam	Nam Hà	2.56	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1643	1421070463	Nguyễn Văn	Thành	15/02/1996	Nam	Thái Bình	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1644	1421070126	Nguyễn Hữu	Thủy	15/08/1995	Nam	Yên Bái	2.84	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1645	1421070488	Nguyễn Thanh	Toàn	02/01/1996	Nam	Ninh Bình	2.55	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2

1646	1421070496	Lê Đức	Trọng	21/09/1996	Nam	Nam Hà	2.65	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1647	1421070497	Nguyễn Đăng	Trọng	21/10/1996	Nam	Thanh Hóa	2.80	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1648	1421070512	Nguyễn Hữu	Tú	10/01/1996	Nam	Quảng Ninh	2.18	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1649	1421070511	Lê Công	Tú	06/10/1996	Nam	Thanh Hóa	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1650	1421070133	Hoàng Mạnh	Tuấn	19/06/1995	Nam	Quảng Ninh	2.57	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1651	1421070533	Phạm Thanh	Tùng	28/05/1996	Nam	Nam Hà	2.57	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1652	1421070140	Nguyễn Mạnh	Tùng	30/09/1996	Nam	Vĩnh Phúc	2.63	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1653	1421070532	Ngô Thanh	Tùng	19/05/1994	Nam	Nam Định	2.64	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1654	1421070143	Nguyễn Văn	Vượng	27/03/1996	Nam	Vĩnh Phúc	2.58	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1655	1421070550	Hoàng Đức	Xanh	10/03/1996	Nam	Lào Cai	2.53	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
1656	1421070014	Nguyễn Đức	Chính	05/02/1996	Nam	Nam Định	2.62	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
1657	1421070017	Nguyễn Văn	Chương	24/02/1996	Nam	Hải Dương	2.57	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
1658	1421070030	Nguyễn Thành	Đạt	02/04/1996	Nam	Hải Phòng	2.56	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
1659	1421070034	Nguyễn Văn	Đoàn	06/09/1996	Nam	Hưng Yên	2.76	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
1660	1421070241	Ninh Duy	Đồng	13/10/1995	Nam	Nam Định	2.53	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
1661	1421070220	Nguyễn Ngọc	Dự	26/12/1996	Nam	Hà Nội	2.55	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2

1662	1421070246	Hoàng Trung	Đức	15/07/1996	Nam	Hà Nội	2.56	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
1663	1421070025	Nguyễn Thị Thùy	Dung	28/02/1996	Nữ	Thái Nguyên	3.33	Giỏi	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
1664	1421070027	Phạm Văn	Dương	16/10/1996	Nam	Nam Định	3.07	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
1665	1421070043	Trịnh Văn	Hải	26/02/1995	Nam	Nam Định	2.71	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
1666	1421070047	Nguyễn Minh	Hiếu	03/12/1996	Nam	Hà Nội	2.63	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
1667	1421070344	Nguyễn Khắc	Kim	15/10/1995	Nam	Nam Định	2.59	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
1668	1421070353	Phạm Văn	Lâm	05/07/1996	Nam	Ninh Bình	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
1669	1421070346	Văn Huy	Lãm	28/04/1996	Nam	Nghệ An	2.68	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
1670	1421070088	Nguyễn Văn	Minh	16/10/1996	Nam	Nam Định	2.60	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
1671	1421070395	Tạ Đình	Nam	13/11/1996	Nam	Hà Nội	2.54	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
1672	1421070389	Dương Phương	Nam	29/09/1996	Nam	Hưng Yên	2.69	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
1673	1421070093	Nguyễn Thị	Ngoan	19/12/1996	Nữ	Hải Dương	3.50	Giỏi	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
1674	1421070416	Ngô Văn	Phóng	24/07/1995	Nam	Hà Nam	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
1675	1421070104	Trần Đình	Sông	10/04/1996	Nam	Hải Dương	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
1676	1421070452	Nguyễn Minh	Tân	15/01/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.90	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
1677	1421070110	Đặng Quốc	Thạch	27/01/1996	Nam	Phú Thọ	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2

1678	1421070464	Phạm Xuân	Thành	18/09/1996	Nam	Thái Bình	2.60	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
1679	1421070485	Trương Đình	Tiệp	10/09/1996	Nam	Hà Nội	2.96	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
1680	1221030211	Lê Trường Sơn	Đông	10/07/1994	Nam	Quảng Ninh	2.59	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM57
1681	1221070163	Ma Anh	Tú	02/12/1994	Nam	Tuyên Quang	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM57
1682	1421070148	Trịnh Huy	An	15/12/1996	Nam	Thanh Hóa	2.64	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM59_1
1683	1421070004	Lê Tiến	Anh	07/01/1996	Nam	Hà Tây	2.57	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM59_1
1684	1421060019	Nguyễn Quốc	Bảo	11/11/1996	Nam	Nam Định	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM59_1
1685	1421070182	Giáp Văn	Chinh	25/07/1996	Nam	Bắc Giang	2.57	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM59_1
1686	1421070229	Đỗ Quang	Đài	09/04/1996	Nam	Thái Bình	2.83	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM59_1
1687	1421070029	Nguyễn Huy	Đạt	02/02/1996	Nam	Hà Bắc	2.81	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM59_1
1688	1421070038	Trần Anh	Đức	04/11/1996	Nam	Hải Hưng	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM59_1
1689	1421070262	Cam Văn	Hà	25/04/1996	Nam	Bắc Giang	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM59_1
1690	1421070327	Nguyễn Văn	Hưng	06/11/1994	Nam	Phú Thọ	3.06	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM59_1
1691	1421070319	Phạm Quang	Huy	16/10/1996	Nam	Hưng Yên	2.75	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM59_1
1692	1421070056	Phạm Quốc	Huy	12/11/1996	Nam	Thái Bình	2.78	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM59_1
1693	1421070336	Phạm Văn	Khánh	01/01/1993	Nam	Vĩnh Phúc	2.70	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM59_1

1694	1421070090	Vũ Văn	Nam	10/10/1996	Nam	Nghệ An	2.16	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM59_1
1695	1421070394	Nguyễn Văn	Nam	05/07/1996	Nam	Thái Bình	2.50	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM59_1
1696	1421070089	Đỗ Văn	Nam	01/09/1996	Nam	Vĩnh Phúc	2.65	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM59_1
1697	1421070102	Cháo Láo	San	28/10/1995	Nam	Lào Cai	2.52	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM59_1
1698	1421070107	Nguyễn Duy	Sơn	13/06/1996	Nam	Thanh Hóa	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM59_1
1699	1421070471	Phạm Văn	Thiển	17/09/1996	Nam	Hải Phòng	2.82	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM59_1
1700	1421070476	Nguyễn Đức	Thuận	11/12/1995	Nam	Quảng Ninh	2.51	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM59_1
1701	1421070136	Nguyễn Anh	Tuấn	23/04/1996	Nam	Thái Bình	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM59_1
1702	1421070540	Vũ Văn	Ước	02/03/1996	Nam	Hải Hưng	2.64	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM59_1
1703	1421070541	Vũ Duy	Vạn	28/02/1995	Nam	Hải Dương	2.89	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM59_1
1704	1321070147	Bùi Ngọc	Phương	04/09/1995	Nam	Thanh Hóa	2.13	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_1
1705	1321070172	Bùi Tiến	Thành	07/09/1995	Nam	Nam Định	2.12	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_1
1706	1321070038	Nguyễn Sỹ	Dương	19/01/1995	Nam	Sơn La	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
1707	1421070149	Bùi Đức	Anh	12/02/1996	Nam	Nam Định	2.85	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
1708	1421070008	Lê Khắc	Bình	20/03/1996	Nam	Vĩnh Phúc	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
1709	1421070010	Trần Thanh	Bình	02/05/1996	Nam	Vĩnh Phú	2.58	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2

1710	1421070011	Dương Bá	Cảnh	18/03/1996	Nam	Hải Dương	2.64	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
1711	1421070028	Nguyễn Văn	Đàn	09/03/1996	Nam	Nam Định	2.89	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
1712	1421070024	Phạm Văn	Diện	17/06/1996	Nam	Nam Định	2.84	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
1713	1421070035	Đinh Công	Đức	19/04/1994	Nam	Ninh Bình	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
1714	1421070042	Phùng Vũ	Hải	15/03/1996	Nam	Hà Nội	2.73	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
1715	1421070045	Phạm Văn	Hào	05/02/1994	Nam	Nam Hà	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
1716	1421070046	Hoàng Trọng	Hiệp	23/07/1996	Nam	Thái Bình	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
1717	1421070048	Vũ Thanh	Hiếu	11/10/1996	Nam	Hà Nội	2.62	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
1718	1421070303	Trần Thị	Hồng	23/10/1996	Nữ	Nam Định	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
1719	1421070306	Nguyễn Mạnh	Hùng	21/09/1996	Nam	Bắc Giang	2.69	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
1720	1421030088	Nguyễn Tiến	Hùng	12/09/1995	Nam	Hà Nội	2.82	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
1721	1421070059	Nguyễn Duy	Hưng	27/09/1996	Nam	Thái Bình	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
1722	1421070067	Nguyễn Duy	Khương	06/12/1996	Nam	Hải Dương	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
1723	1421070068	Nông Hoàng	Lâm	26/08/1996	Nam	Lâm Đồng	2.63	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
1724	1421070397	Vũ Văn	Nam	10/08/1996	Nam	Hải Phòng	2.52	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
1725	1421070420	Nguyễn Bá	Phúc	17/02/1996	Nam	Nam Định	2.69	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2

1726	1421070096	Nguyễn Anh	Phương	20/10/1995	Nam	Vĩnh Phú	2.68	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
1727	1421070118	Phùng Quang	Thắng	01/12/1996	Nam	Vĩnh Phú	2.74	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
1728	1421070499	Hoàng Văn	Trung	23/09/1996	Nam	Bắc Giang	2.71	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
1729	1531020402	Đỗ Tuấn	Anh	20/11/1994	Nam	Tuyên Quang	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
1730	1631020069	Trần Đình	Hải	06/11/1994	Nam	Hà Nam	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC61_1
1731	1434010028	Đinh	Minh	09/10/1992	Nam	Hòa Bình	2.09	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT59
1732	1734010081	Nguyễn Thảo	Ly	16/11/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.04	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62
1733	1734010082	Lê Thị Quỳnh	Ngọc	10/05/1996	Nữ	Hà Tĩnh	2.74	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62
1734	1734010085	Đỗ Thị Thu	Phương	16/10/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.81	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62
1735	1734010084	Hoàng Thị	Phương	10/11/1996	Nữ	Cao Bằng	3.00	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62
1736	1734010086	Vũ Thu	Uyên	22/08/1996	Nữ	Hà Tây	2.80	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62
1737	1734010077	Phạm Ngọc	Anh	01/05/1996	Nữ	Lào Cai	2.95	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_1
1738	1734010002	Phạm Minh	Chín	16/10/1976	Nam	Quảng Ngãi	2.85	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6
1739	1734010044	Hồ Thị	Dương	15/08/1987	Nữ	Quảng Ngãi	2.50	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6
1740	1734010046	Nguyễn Văn	Hải	03/02/1981	Nam	Quảng Ngãi	2.86	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6
1741	1734010009	Trần Thị Kim	Hải	10/05/1983	Nữ	Quảng Ngãi	2.96	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6

1742	1734010016	Trần Thị Mỹ	Linh	14/10/1989	Nữ	Quảng Ngãi	2.70	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6
1743	1734010056	Trần Thị Bích	Nghĩa	09/02/1988	Nữ	Quảng Nam	3.08	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6
1744	1734010022	Nguyễn Thị	Ngọc	14/09/1983	Nữ	Quảng Ngãi	3.05	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6
1745	1734010059	Bùi Diệu	Quang	25/01/1986	Nam	Quảng Ngãi	2.82	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6
1746	1734010076	Võ Thị Thu	Quyên	26/06/1986	Nữ	Quảng Ngãi	3.04	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6
1747	1734010030	Nguyễn Thị Thu	Thúy	19/02/1985	Nữ	Quảng Ngãi	2.79	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6
1748	1734010064	Trần Thị Bích	Thủy	12/12/1978	Nữ	Quảng Ngãi	3.13	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6
1749	1734010034	Nguyễn Thị ái	Trâm	07/05/1992	Nữ	Quảng Ngãi	2.75	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6
1750	1734010040	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	05/10/1980	Nữ	Quảng Ngãi	3.05	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6
1751	1734010071	Dương Quang	Vinh	12/05/1981	Nam	Quảng Ngãi	2.76	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6
1752	1834010034	Võ Minh	Cường	22/08/1986	Nam	Quảng Ngãi	2.73	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1753	1834010003	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	15/01/1987	Nữ	Quảng Ngãi	2.76	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1754	1834010004	Nguyễn Hữu	Dũng	14/03/1981	Nam	Quảng Ngãi	2.71	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1755	1834010038	Hà Thị Mỹ	Hạnh	17/08/1981	Nữ	Quảng Ngãi	2.80	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1756	1834010008	Đinh Văn	Hoa	09/05/1991	Nam	Quảng Ngãi	2.48	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1757	1834010011	Bùi Dạ	Hợp	19/08/1991	Nữ	Quảng Ngãi	2.79	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6

1758	1834010012	Nguyễn Thị Hải	Huyền	10/01/1994	Nữ	Quảng Ngãi	2.76	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1759	1834010014	Nguyễn Thị Diệp	Linh	11/07/1986	Nữ	Quảng Ngãi	3.11	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1760	1834010042	Mai Thị Thúy	Luyện	04/10/1987	Nữ	Quảng Ngãi	2.72	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1761	1834010015	Đinh Thị	Nga	06/06/1989	Nữ	Quảng Ngãi	2.95	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1762	1834010044	Nguyễn Thị	Nở	21/08/1988	Nữ	Quảng Ngãi	2.88	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1763	1834010017	Nguyễn Thị	Oanh	28/04/1990	Nữ	Quảng Ngãi	2.82	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1764	1834010022	Nguyễn Thị	Thảo	17/09/1989	Nữ	Quảng Ngãi	3.07	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1765	1834010053	Trần Niên	Triều	01/10/1987	Nữ	Quảng Ngãi	2.78	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1766	1834010031	Hà Thị Thu	Vân	01/01/1980	Nữ	Quảng Ngãi	2.93	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1767	1834010055	Nguyễn Thanh	Vân	19/08/1980	Nam	Quảng Ngãi	3.01	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1768	1834010056	Hồ Văn	Việt	04/05/1988	Nam	Quảng Ngãi	2.72	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1769	1531040029	Phạm Văn	Thành	02/08/1993	Nam	Nam Định	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOMO60
1770	1731040001	Bùi Quý	Đông	10/09/1995	Nam	Hưng Yên	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOMO62
1771	1731040002	Phạm Quốc	Hưng	18/06/1996	Nam	Lào Cai	3.00	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOMO62
1772	1731040031	Nguyễn Như	Phúc	25/07/1994	Nam	Thái Bình	2.99	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOMO62
1773	1731040003	Phạm Thanh	Tân	15/06/1996	Nam	Quảng Ninh	2.85	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOMO62

1774	1731040004	Lương Đức	Thành	08/08/1996	Nam	Thái Bình	3.44	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOMO62
1775	1731040006	Trần Văn	Thùy	14/02/1995	Nam	Tuyên Quang	3.17	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOMO62
1776	1331030302	Nguyễn Ngọc	Công	28/01/1991	Nam	Nghệ An	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC58
1777	1631030030	Hán Mạnh	Trường	10/04/1993	Nam	Phú Thọ	2.88	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC61_2
1778	1631030009	Nguyễn Văn	Đức	12/07/1994	Nam	Hải Dương	3.13	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61_1
1779	1731030002	Nguyễn Sỹ	Bình	30/12/1991	Nam	Nghệ An	3.33	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62
1780	1731030003	Đỗ Tiến	Đạt	21/05/1995	Nam	Nam Định	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62
1781	1731030004	Hoàng Ngọc	Hải	09/09/1995	Nam	Hà Nội	2.95	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62
1782	1731030007	Nguyễn Văn	Kiên	04/04/1990	Nam	Hà Nam	2.93	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62
1783	1731030008	Nguyễn Bảo	Long	27/07/1996	Nam	Quảng Ninh	3.09	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62
1784	1731030009	Bùi Minh	Phúc	20/07/1995	Nam	Thái Bình	2.85	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62
1785	1731030010	Đinh Văn	Quang	01/10/1994	Nam	Nghệ An	3.11	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62
1786	1731030012	Lưu Đức	Thắng	05/01/1985	Nam	Hải Hưng	3.10	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62
1787	1731030013	Vũ Văn	Thế	22/06/1996	Nam	Hưng Yên	2.81	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62
1788	1731030014	Nguyễn Đại	Thịnh	04/12/1996	Nam	Nam Định	2.67	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62
1789	1731030017	Vũ Thành	Tín	23/08/1995	Nam	Hà Nội	2.76	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62

1790	1731030019	Trương Hoàng	Tùng	03/12/1994	Nam	Hải Dương	2.88	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62
1791	1531070014	Vũ Xuân	Dương	27/07/1992	Nam	Nam Định	2.06	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC60_2
1792	1631070015	Nguyễn Hữu	Nam	12/04/1993	Nam	Quảng Ninh	2.65	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC61_6
1793	1731070031	Nguyễn Thành	Đạt	17/05/1993	Nam	Nam Định	2.56	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDXD62
1794	1731070030	Lê Anh	Tuấn	19/05/1996	Nam	Nam Định	2.80	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDXD62
1795	CTTT13210115	Lê Trương Anh	Dũng	10/12/1995	Nam	Thanh Hóa	3.09	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K4
1796	CTTT13210144	Phạm Thị Hồng	Nhung	23/11/1995	Nữ	Hải Phòng	3.18	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K4
1797	CTTT13210163	Nguyễn Minh	Vũ	26/11/1995	Nam	Hà Nội	2.53	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K4
1798	CTTT14210141	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	13/11/1996	Nữ	Hưng Yên	3.37	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K5
1799	CTTT14210103	Nguyễn Thành	Công	11/05/1996	Nam	Thanh Hóa	2.76	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K5
1800	CTTT14210130	Nguyễn Bá	Cường	05/11/1996	Nam	Hải Dương	2.28	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K5
1801	CTTT14210104	Lê Cung	Đinh	04/03/1996	Nam	Thanh Hóa	2.85	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K5
1802	CTTT14210131	Nguyễn Tiến	Dũng	28/10/1996	Nam	Hưng Yên	2.86	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K5
1803	CTTT14210146	Phạm Trường	Giang	04/03/1996	Nam	Hải Phòng	3.08	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K5
1804	CTTT14210147	Lương Ngọc	Hân	17/10/1996	Nam	Thái Bình	3.36	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K5
1805	CTTT14210105	Võ Thị Thu	Hiền	03/09/1996	Nữ	Bình Thuận	2.46	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K5

1806	CTTT14210166	Ngô Văn	Hiếu	05/07/1989	Nam	Hà Nội	3.49	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K5
1807	CTTT14210132	Phạm Minh	Hoàng	26/01/1996	Nam	Thanh Hóa	2.26	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K5
1808	CTTT14210150	Lê Bá Tiến	Hoàng	15/01/1996	Nam	Nghệ An	2.68	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K5
1809	CTTT14210110	Trần Nhật	Linh	13/12/1996	Nam	Hải Dương	2.60	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K5
1810	CTTT14210157	Vương Sỹ	Ngọc	04/03/1995	Nam	Hà Tây	2.68	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K5
1811	CTTT14210115	Nguyễn Thu	Nguyệt	14/07/1996	Nữ	Nam Định	2.79	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K5
1812	CTTT14210161	Nguyễn Ngọc	Quyền	08/04/1996	Nam	Bắc Giang	2.93	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K5
1813	CTTT14210124	Nguyễn Công	Thành	09/08/1996	Nam	Hà Nội	2.40	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K5
1814	CTTT14210129	Đoàn Thị Thu	Vân	03/12/1995	Nữ	Hưng Yên	3.24	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K5
1815	1421030181	Đậu Xuân	Thảo	07/6/1995	Nam	Nghệ An	3.26	Khá	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDTD60
1816	1511030013	Nguyễn Đức	Việt	10/7/1997	Nam	Thái Bình	2.75	Khá	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDTD60
1817	1321050202	Hà Văn	Tiến	20/03/1995	Nam	Thái Bình	2.22	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
1818	1421011159	Vũ Thị Thu	Huyền	26/9/1996	Nữ	Quảng Ninh	2.62	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
1819	1424010012	Vũ Thị Lan	Anh	10/05/1996	Nữ	Hưng Yên	3.08	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_59_1
1820	1424010046	Lê Thị Thu	Hiền	18/10/1996	Nữ	Vĩnh Phúc	3.01	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_59_2
1821	1531050011	Đặng Mạnh	Tường	13/10/1993	Nam	Thái Bình	2.53	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	LCCTCT60

1822	1421011156	Nguyễn Thành	Huy	10/4/1993	Nam	Hà Tĩnh	2.60	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
1823	1734010067	Nguyễn Thị Thùy	Trang	02/2/1980	Nữ	Quảng Ngãi	3.04	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6
1824	1424010221	Trần Tuấn	Thành	18/9/1996	Nam	Hà Nội	3.25	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_59_2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 257 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế "Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Biên bản họp ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên lớp đại học - khóa 59 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học cho 01 sinh viên - khóa 59 hệ chính quy ngành đào tạo: Kỹ thuật Môi trường; Chuyên ngành: Kỹ thuật Môi trường;

Nguyễn Anh Đức, sinh ngày 13/01/1996; Nơi sinh: Ninh Bình;

Mã sinh viên: 1421080190; Điểm TBTN: 3,10; Xếp loại TN: Khá

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(04).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 133 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế "Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Biên bản họp ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên lớp đại học - khóa 58 , khóa 59 và Liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 61 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học cho 05 sinh viên đại học - khóa 58 , khóa 59 và Liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 61 hệ chính quy ngành đào tạo: Kỹ thuật Địa chất; Kỹ thuật Môi trường; Kỹ thuật Mỏ (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(04).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 133 /QĐ-MĐC ngày 28 tháng 01 năm 2019)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Mã lớp, khóa
1	1421080004	Nguyễn Mai	Anh	04/09/1996	Nữ	3.69	Xuất sắc	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
2	1631020007	Vũ Minh	Toàn	19/06/1991	Nam	2.38	Trung binh	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC61_1
3	1321040548	Phạm Hồng	Phong	01/11/1995	Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT58_2
4	1421080055	Phạm Hồng	Linh	29/07/1996	Nữ	2.51	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
5	1421080002	Đỗ Lan	Anh	3/8/1995	Nữ	3.21	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 354 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế "Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Biên bản họp ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên lớp cao đẳng - khóa 57, khóa 59 và đại học - khóa 58 , khóa 59 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng, Đại học cho 05 sinh viên cao đẳng - khóa 57, khóa 59 và đại học - khóa 58, khóa 59 hệ chính quy ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật địa chất; Kỹ thuật Dầu khí; Kỹ thuật Môi trường; Công nghệ kỹ thuật hóa học (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(01).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 354 /QĐ-MĐC ngày 04 tháng 4 năm 2019)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Mã lớp, khóa
1	1211020231	Trần Chung	Tuyến	25/10/1993	Nam	5.47	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCDC57B
2	1411020041	Bùi Quang	Trung	15/06/1995	Nam	2.25	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCDC59
3	1321010078	Vũ Duy	Dũng	2/9/1995	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác DK	DCDKKK58_1
4	1421080073	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	13/06/1996	Nữ	3.26	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
5	1021010141	Lê Hữu	Hoàng	11/10/1992	Nam	2.06	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD55B

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 448 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế "Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Biên bản họp ngày 15 tháng 04 năm 2019 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 62 - Văn bằng 2 và liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 62 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học cho 79 sinh viên đại học - khóa 62 - Văn bằng 2 và liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 62 hệ chính quy ngành đào tạo: Kế toán và Quản trị kinh doanh (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trá ch nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(04)

KT. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Bùi Xuân Nam

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2019 (ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số 448 /MĐC-ĐTĐH ngày 15 tháng 04 năm 2019)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Mã lớp, khóa học
1	1734010065	Lâm	Thưởng	15/11/1990	Nam	2.67	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6
2	1734010015	Ao Thị Mỹ	Lê	21/04/1993	Nữ	3.09	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6
3	1734010075	Nguyễn Thị	Ý	19/02/1992	Nữ	2.94	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6
4	1754010089	Nguyễn Thị	Bích	20/06/1986	Nữ	2.90	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
5	1754010090	Lê Công	Bình	13/07/1981	Nam	3.15	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
6	1754010093	Trần Minh	Cảnh	19/05/1980	Nam	2.60	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
7	1754010091	Đoàn Tấn	Cảnh	10/10/1984	Nam	3.01	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
8	1754010092	Trương Thị Minh	Cảnh	25/01/1979	Nữ	2.94	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
9	1754010094	Lê Anh	Chiến	30/07/1981	Nam	2.97	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
10	1754010097	Lê Minh	Đức	09/01/1984	Nam	2.87	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
11	1754010096	Hà Quốc	Dương	28/11/1984	Nam	2.93	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
12	1754010098	Võ Thị Song	Hạnh	29/08/1984	Nữ	2.84	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
13	1754010099	Trương Công	Hòa	09/09/1976	Nam	3.36	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
14	1754010100	Lê Tấn	Huệ	17/04/1982	Nam	3.04	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
15	1754010101	Phạm Thị Xuân	Hương	20/09/1985	Nữ	3.10	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
16	1754010102	Trương Duy	Hy	07/07/1983	Nam	2.85	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
17	1754010103	Huỳnh Văn	Kiên	13/10/1981	Nam	2.96	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
18	1754010104	Phan Trương Quỳnh	Lâm	30/03/1982	Nam	3.15	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
19	1754010105	Phạm Thị Bích	Lệ	07/09/1973	Nữ	2.94	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6

20	1754010106	Lê Thị Kim	Loan	02/10/1982	Nữ	3.07	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
21	1754010108	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	02/09/1978	Nữ	3.10	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
22	1754010109	Võ Gia	Nguyễn	18/11/1993	Nam	2.91	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
23	1754010110	Lê Công	Nhân	20/02/1976	Nam	2.95	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
24	1754010111	Võ Văn	Phú	10/03/1981	Nam	2.87	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
25	1754010112	Võ Thị Hồng	Phước	23/08/1983	Nữ	3.03	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
26	1754010113	Trần Thị Linh	Thanh	23/07/1984	Nữ	3.09	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
27	1754010114	Phạm Thị Hồng	Thanh	01/03/1984	Nữ	3.27	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
28	1754010115	Vi Thị Nguyên	Thảo	24/05/1985	Nữ	2.98	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
29	1754010116	Võ Trí	Thời	01/01/1986	Nam	2.99	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
30	1754010117	Hạ Huy	Tiến	11/12/1977	Nam	2.94	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
31	1754010118	La Việt	Toàn	10/11/1979	Nam	2.97	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
32	1754010122	Đinh Song	Trà	18/05/1988	Nam	2.69	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
33	1754010119	Lê Thị Cẩm	Vân	25/05/1978	Nữ	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
34	1754010120	Phạm Quốc	Vương	02/04/1981	Nam	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
35	1754010121	Nguyễn Minh	Vương	24/03/1986	Nam	2.71	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
36	1754010175	Nguyễn Văn	Ân	03/09/1972	Nam	2.94	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
37	1754010174	Trần Thị	Chiều	01/08/1978	Nữ	3.15	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
38	1754010133	Lê Thị ánh	Điểm	27/11/1989	Nữ	2.99	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
39	1754010176	Dương Thành	Đức	27/02/1985	Nam	2.85	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
40	1754010135	Võ Thị Hải	Hà	23/02/1989	Nữ	3.32	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
41	1754010167	Trương Quang	Hà	17/12/1980	Nam	2.81	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
42	1754010136	Lương Ngọc	Hải	16/07/1978	Nam	2.98	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6

43	1754010177	Ngô Thanh	Hải	08/01/1983	Nam	2.84	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
44	1754010137	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	06/11/1984	Nữ	2.99	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
45	1754010138	Trần Thị Minh	Hiền	01/10/1979	Nữ	2.85	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
46	1754010139	Lê Văn	Hồng	25/01/1982	Nam	2.52	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
47	1754010184	Phan Công	Huân	02/02/1984	Nam	2.87	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
48	1754010140	Nguyễn Văn	Huy	07/05/1980	Nam	2.81	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
49	1754010142	Phạm Xuân	Khánh	19/08/1975	Nam	2.54	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
50	1754010144	Đặng Thị Kiều	Linh	13/02/1984	Nữ	3.00	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
51	1754010143	Phan Duy	Linh	22/12/1979	Nam	2.63	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
52	1754010171	Trương Ngọc	Long	12/08/1981	Nam	2.80	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
53	1754010173	Trương Thị Kim	Luyến	21/04/1985	Nữ	2.99	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
54	1754010172	Huỳnh Thị Hà	Mi	24/05/1985	Nữ	2.96	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
55	1754010146	Lê Thị Thanh	Nga	30/04/1982	Nữ	2.74	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
56	1754010145	Võ Thị Thiên	Nga	13/10/1980	Nữ	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
57	1754010147	Lê Trung	Nghĩa	10/10/1981	Nam	2.88	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
58	1754010148	Bùi Tấn	Nguyên	07/10/1980	Nam	2.74	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
59	1754010182	Nguyễn Hồng	Nhân	18/09/1981	Nam	2.69	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
60	1754010149	Phan Hàng ý	Như	30/05/1988	Nữ	3.05	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
61	1754010169	Đinh Văn	Núi	10/07/1987	Nam	2.38	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
62	1754010150	Trần Thị Kim	Oanh	22/04/1980	Nữ	3.18	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
63	1754010151	Đinh Thị Hồng	Phi	28/04/1979	Nữ	2.90	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
64	1754010152	Phạm Đình	Phong	20/11/1975	Nam	2.44	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
65	1754010153	Nguyễn Chí Duy Minh	Phụng	02/11/1984	Nam	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6

66	1754010168	Hồ Thanh	Phương	10/10/1981	Nam	2.76	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
67	1754010155	Trần Nhật	Sinh	02/04/1982	Nam	2.34	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
68	1754010156	Cao Ngọc	Thanh	01/05/1984	Nam	2.67	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
69	1754010157	Nguyễn Xuân	Thọ	20/10/1977	Nam	2.70	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
70	1754010158	Bùi Thị	Trang	06/02/1990	Nữ	2.81	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
71	1754010159	Trương Minh	Trí	27/04/1988	Nam	2.94	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
72	1754010160	Nguyễn Công	Trung	28/12/1981	Nam	3.06	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
73	1754010170	Hoàng Minh	Tuấn	18/03/1977	Nam	2.81	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
74	1754010161	Lữ Đình	Tùng	10/10/1977	Nam	2.74	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
75	1754010162	Trương Đình	Tửu	30/12/1976	Nam	2.52	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
76	1754010163	Trần Thị Hà	Vi	08/10/1981	Nữ	2.71	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
77	1754010181	Trương Văn	Vinh	12/10/1984	Nam	3.06	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
78	1754010164	Bùi Thanh	Vinh	22/08/1978	Nam	2.83	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
79	1754010165	Võ Thành	Vĩnh	19/10/1977	Nam	2.95	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 494 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế "Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Biên bản họp ngày 15 tháng 04 năm 2019 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 62 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học cho 05 sinh viên liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 62 hệ chính quy ngành đào tạo: Kế toán (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trá ch nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(04)

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - HỆ CHÍNH QUY (ĐỢT 1 - NĂM 2019)

(Kèm theo Quyết định số 494 /MĐC-ĐTĐH ngày 15 tháng 4 năm 2019)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Mã lớp, khóa học
1	1734010017	Nguyễn	Mân	25/08/1990	Nam	2.78	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6
2	1734010045	Đoàn Việt	Đức	09/10/1990	Nam	2.84	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6
3	1734010072	Trần Thanh	Vũ	20/05/1993	Nam	2.67	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6
4	1734010049	Trương Thị Lệ	Huyền	12/05/1992	Nữ	2.81	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6
5	1734010029	Nguyễn Thị	Thuyền	30/12/1990	Nữ	2.87	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT62_6

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 637 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế "Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Biên bản họp ngày 15 tháng 04 năm 2019 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên cao đẳng - khóa 58, khóa 59, khóa 60; đại học - khóa 55, khóa 56, khóa 57, khóa 58, khóa 59, khóa 60; Chương trình tiên tiến - khóa 4 và liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 58, khóa 59, khóa 60, khóa 61, khóa 62 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng, Đại học cho 313 sinh viên cao đẳng - khóa 58, khóa 59, khóa 60; đại học - khóa 55, khóa 56, khóa 57, khóa 58, khóa 59, khóa 60; Chương trình tiên tiến - khóa 4 và liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 58, khóa 59, khóa 60, khóa 61, khóa 62 hệ chính quy ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật địa chất, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật Điện, Kỹ thuật Cơ khí, Quản lý đất đai, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Địa vật lý, Kỹ thuật Dầu khí, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kỹ thuật Mỏ, Kỹ thuật Xây dựng, Kỹ thuật Tuyển khoáng, Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trá ch nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(04)

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - HỆ CHÍNH QUY (ĐỢT 1 - NĂM 2019)

(Kèm theo Quyết định số 637 /QĐ-MĐC ngày 16 tháng 4 năm 2019)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày Sinh	Giới tính	Nơi Sinh	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Mã lớp, khóa học
1	1411060118	Vũ Triệu	Minh	01/04/1996	Nam	Thanh Hóa	2.05	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	CCCDTD59
2	1311020050	Nguyễn Văn	Ninh	29/10/1994	Nam	Nghệ An	2.57	Khá	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCDC58
3	1221060334	Phạm Đăng	Linh	10/04/1994	Nam	Bắc Ninh	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK57
4	1321060139	Phạm Văn	Hùng	23/04/1995	Nam	Thái Bình	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT58_1
5	1321060529	Vũ Duy	Khánh	16/11/1995	Nam	Quảng Ninh	2.11	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT58_1
6	1321060193	Lưu Hoàng	Nam	12/09/1995	Nam	Hà Tây	2.11	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT58_1
7	1321060647	Đặng Văn	Trung	30/12/1995	Nam	Hải Dương	3.03	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT58_1
8	1321060155	Nguyễn Viết	Khang	06/12/1994	Nam	Hà Nội	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT58_1
9	1321060233	Đoàn Ngọc	Quyền	04/01/1994	Nam	Hải Dương	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT58_1
10	1321060587	Lê Vinh	Quyền	16/06/1995	Nam	Thanh Hóa	2.56	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT58_1
11	1321060234	Đặng Đình	Quyết	25/05/1994	Nam	Thanh Hóa	2.59	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT58_1
12	1321060593	Trần Đức	Sinh	06/04/1995	Nam	Hải Dương	2.71	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT58_1
13	1321060249	Hoàng Văn	Tá	04/04/1995	Nam	Hải Dương	2.67	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT58_1
14	1321050018	Lê Nguyễn Thanh	Bình	19/03/1994	Nam	Nghệ An	2.08	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT58B
15	1221060120	Mã Văn	Thành	20/08/1994	Nam	Thanh Hóa	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT57
16	1121060266	Nguyễn Đăng	Quang	26/07/1993	Nam	Hà Nội	2.08	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD56A
17	1321060499	Hồ Văn	Hoàng	08/03/1995	Nam	Nghệ An	2.05	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD58_1
18	1321060504	Nguyễn Văn	Hợp	12/11/1995	Nam	Bắc Ninh	2.73	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD58_1
19	1321060518	Hà Đức	Hưng	13/08/1995	Nam	Quảng Ninh	2.60	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD58_1

20	1321060526	Nguyễn Mạnh	Hưởng	09/10/1995	Nam	Bắc Ninh	2.51	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD58_1
21	1321050008	Nguyễn Việt	Anh	13/08/1995	Nam	Hà Nội	2.36	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT58_1
22	1321050688	Phạm Văn	Sử	03/02/1994	Nam	Yên Bái	2.56	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT58_1
23	1321050207	Nguyễn Thu	Trang	01/03/1995	Nữ	Hà Nội	2.88	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT58_1
24	1321050404	Chu Hoàng	Anh	31/03/1994	Nam	Ninh Bình	2.39	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
25	1321050563	Trần Quang	Hồng	31/08/1993	Nam	Nam Định	2.82	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
26	1321050612	Đàm Cảnh	Linh	10/09/1995	Nam	Thanh Hóa	2.68	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
27	1321050670	Vũ Mạnh	Quang	24/01/1995	Nam	Hải Phòng	2.44	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
28	1321050765	Lê Xuân	Trường	22/04/1994	Nam	Hà Tĩnh	2.68	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
29	1221050082	Phan Trung	Phú	15/09/1994	Nam	Nghệ An	2.69	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD57
30	1321050476	Nguyễn Thái	Đại	12/09/1995	Nam	Lạng Sơn	2.63	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD58_1
31	1321050051	Vũ Bảo	Dương	15/09/1995	Nam	Nam Định	2.39	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD58_1
32	1121020005	Nguyễn Tuấn	Anh	02/08/1993	Nam	Hà Nam	2.07	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa kỹ thuật	DCDCCT56A
33	1221020050	Vũ Minh	Đức	20/09/1994	Nam	Thái Nguyên	2.18	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa kỹ thuật	DCDCCT57B
34	1321020021	Trần Hoàng	Bình	16/01/1995	Nam	Phú Thọ	2.54	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa kỹ thuật	DCDCCT58_1
35	1321020106	Đinh Ngọc	Hoàn	13/10/1995	Nam	Nghệ An	2.00	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa kỹ thuật	DCDCCT58_1
36	1321020126	Hồ Đăng	Khang	10/10/1995	Nam	Nghệ An	2.08	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa kỹ thuật	DCDCCT58_1
37	1321020735	Trương Thị	Thu	19/01/1995	Nữ	Thanh Hóa	2.56	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa kỹ thuật	DCDCCT58_1
38	1321020252	Nguyễn Lương	Viên	09/12/1995	Nam	Hải Dương	2.08	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa kỹ thuật	DCDCCT58_1
39	1321020069	Ngô Hải	Đoàn	12/10/1995	Nam	Quảng Bình	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
40	1321020429	Nguyễn Văn	Biên	20/05/1992	Nam	Thanh Hóa	2.56	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_2
41	1321020149	Phạm Nguyên	Minh	25/06/1995	Nam	Hà Nội	2.81	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_2
42	1221020084	Phạm Trung	Kiên	24/04/1994	Nam	Hải Phòng	2.59	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK57

43	1221020536	Nguyễn Ngọc	Tuất	28/02/1994	Nam	Nam Định	2.18	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK57
44	1321020209	Trương Thị Tuyết	Thu	02/11/1994	Nữ	Hà Giang	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2
45	1221010074	Trần Tuấn	Dương	15/01/1994	Nam	Ninh Bình	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV57
46	1321010110	Nguyễn Văn	Đông	10/05/1995	Nam	Hải Dương	3.14	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
47	1321010301	Phạm Văn	Tài	12/04/1995	Nam	Ninh Bình	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
48	1321070707	Nguyễn Thanh	Tùng	09/07/1995	Nam	Thanh Hoá	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
49	1321010099	Nguyễn Sỹ	Đạt	13/03/1990	Nam	Thanh Hóa	2.53	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
50	1121010079	Phạm Đức	Đạt	02/01/1992	Nam	Vĩnh Phú	2.04	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK56A
51	1221020132	Nguyễn Anh	Tài	25/07/1994	Nam	Thanh Hóa	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57B
52	1221011168	Nguyễn Vương	Đô	10/10/1994	Nam	Nghệ An	2.68	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57VT
53	1321010109	Đặng Tiến	Đông	06/11/1994	Nam	Thái Bình	2.97	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
54	1321010329	Hoàng Văn	Thắng	21/03/1995	Nam	Hải Dương	2.74	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
55	1321010128	Nguyễn Hoàng	Hà	04/03/1995	Nam	Hải Phòng	2.78	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
56	1221010009	Đinh Viết	Anh	13/03/1993	Nam	Nam Định	2.62	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát dầu khí	DCDKKT57
57	1321010042	Nguyễn Thành	Chung	27/09/1995	Nam	Nam Định	2.55	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát dầu khí	DCDKKT58_2
58	0921010178	Nguyễn Hữu	Tùng	19/12/1991	Nam	Thanh Hóa	2.15	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	DCDKLD55A
59	1064040050	Phạm Văn	Tư	30/01/1992	Nam	Thanh Hóa	2.17	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	DCDKLD55TH
60	1221040467	Hoàng Phúc	Toàn	13/07/1994	Nam	Quảng Ninh	2.04	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	DCDKLD57A
61	1221010148	Nguyễn Văn	Hợp	07/09/1994	Nam	Ninh Bình	2.50	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB57
62	1221010344	Hoàng Văn	Thuyết	13/05/1994	Nam	Thanh Hóa	2.56	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB57
63	1321010304	Phạm Hữu	Tâm	09/02/1995	Nam	Thái Bình	2.52	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
64	1321010386	Ngô Văn	Tú	11/12/1995	Nam	Nam Định	2.62	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
65	1324010747	Phạm Thanh	Tùng	28/09/1993	Nam	Hải Phòng	2.31	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58B

66	1424010634	Nguyễn Thị	Xuân	12/01/1996	Nữ	Thái Bình	3.44	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_2
67	1424010191	Cao Thị	Thúy	21/11/1996	Nữ	Hà Nội	2.43	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
68	1424010572	Hoàng Trọng	Tình	02/10/1996	Nam	Nghệ An	2.53	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
69	1324010168	Lưu Thị Như	Loan	05/04/1995	Nữ	Thanh Hóa	2.56	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58_2
70	1424010122	Trần Thị Tuyết	Mai	10/03/1993	Nữ	Nam Định	2.33	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_59_1
71	1424010643	Phạm Thị Phương	Hoàn	01/12/1996	Nữ	Lạng Sơn	2.48	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_59_2
72	1424010137	Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	23/05/1995	Nữ	Hà Nội	2.40	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_59_2
73	1421040279	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	25/07/1996	Nữ	Lào Cai	2.57	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_59_2
74	1424010139	Bùi Thị	Nhâm	22/02/1996	Nữ	Hòa Bình	2.58	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
75	1221040228	Hoàng Hữu	Thanh	21/04/1993	Nam	Hải Dương	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57B
76	1221040251	Hoàng Đức	Thịnh	01/01/1994	Nam	Hải Phòng	2.54	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57B
77	1221040468	Trần Văn	Toàn	17/02/1994	Nam	Nam Định	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57B
78	1221040274	Nguyễn Văn	Tới	24/01/1993	Nam	Thanh Hóa	2.66	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57B
79	1221040206	Nguyễn Đình	Sáng	10/04/1994	Nam	Thái Bình	2.62	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57C
80	1221040052	Lương Văn	Đạt	22/06/1994	Nam	Thái Bình	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57G
81	1221040354	Vũ Chí	Công	04/01/1994	Nam	Thái Bình	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57H
82	1221040291	Nguyễn Bá	Tuân	18/11/1994	Nam	Thái Bình	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57H
83	1321040216	Bùi Tất	Quang	26/03/1995	Nam	Nam Định	2.53	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
84	1321040270	Hoàng Văn	Thiện	06/08/1995	Nam	Thái Bình	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
85	1321040088	Bùi Đức	Hanh	06/08/1995	Nam	Thái Bình	2.57	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
86	1321040258	Nguyễn Văn	Thảo	18/02/1991	Nam	Ninh Bình	2.56	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
87	1121060317	Trịnh Duy	Tuyên	25/09/1993	Nam	Nam Định	2.13	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCMONM56
88	1221050014	Lại Quang	Bằng	08/08/1994	Nam	Bắc Cạn	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A

89	1221040219	Lương Ngọc	Tâm	12/04/1994	Nam	Bắc Giang	2.06	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
90	1121070066	Nguyễn Duy	Điền	06/12/1993	Nam	Thái Bình	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm	DCMOXN56
91	1421080010	Đỗ Đức	Cương	07/09/1996	Nam	Hà Tây	2.65	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
92	1421080062	Nguyễn Thị Thanh	Loan	03/02/1996	Nữ	Hòa Bình	3.36	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
93	1421080307	Phạm Thị	Nguyệt	13/10/1996	Nữ	Thái Bình	3.13	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
94	1421080093	Nguyễn Thị Mai	Phương	01/11/1996	Nữ	Hà Tây	2.98	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
95	1421080393	Phan Thị Hương	Trà	27/04/1996	Nữ	Quảng Ninh	3.54	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
96	1421080426	Nguyễn Thị Thanh	Vân	25/04/1995	Nữ	Vĩnh Phúc	2.95	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
97	1421080140	Lê Thị Vân	Anh	17/12/1996	Nữ	Hà Nam	2.93	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
98	1421080020	Trần Thị Thùy	Dương	23/10/1996	Nữ	Hải Phòng	2.95	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
99	1421020272	Lê Nhật	Duy	15/09/1996	Nam	Hà Nam	2.97	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
100	1421080028	Nguyễn Thị Trà	Giang	29/01/1996	Nữ	Hà Tĩnh	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
101	1421080199	Nguyễn Thị	Hà	25/03/1996	Nữ	Nam Định	3.04	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
102	1421080215	Ngô Thu	Hiền	09/01/1995	Nữ	Quảng Ninh	3.04	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
103	1421080432	Vũ Hải	Linh	20/02/1996	Nữ	Nam Định	3.21	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
104	1421080297	Cao Thị Phương	Nga	26/12/1995	Nữ	Hà Giang	3.13	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
105	1421080076	Đặng Thị	Nga	20/02/1996	Nữ	Ninh Bình	2.67	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
106	1421080078	Vũ Thị	Nga	15/11/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.86	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
107	1421080084	Chu Thị Hồng	Nhung	02/09/1996	Nữ	Hà Tây	3.20	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
108	1421080315	Nguyễn Thị Kim	Oanh	16/11/1996	Nữ	Hà Nội	3.43	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
109	1421080357	Chu Thị	Thảo	05/06/1995	Nữ	Thanh Hóa	3.47	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
110	1421080377	Phan Lệ	Thu	30/09/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
111	1421080380	Phạm Thị	Thuận	03/05/1996	Nữ	Thái Bình	2.86	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2

112	1221020235	Nguyễn Thị Cẩm	Anh	24/08/1994	Nữ	Nghệ An	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
113	1221080017	Phạm Quý	Đạt	25/12/1993	Nam	Hà Nội	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
114	1321080015	Vũ Thị	Dịu	23/07/1995	Nữ	Ninh Bình	2.82	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
115	1321030080	Tạ Quang	Hiếu	10/09/1995	Nam	Hà Nội	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
116	1421080158	Nguyễn Thị	Cúc	16/08/1996	Nữ	Hà Nội	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
117	1421080030	Phạm Thị Thanh	Hà	13/12/1996	Nữ	Thái Bình	2.98	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
118	1421080050	Cao Thái	Hữu	11/12/1995	Nam	Nghệ An	2.65	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
119	1421080087	Trần Thị	Nhung	20/02/1996	Nữ	Thái Nguyên	2.85	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
120	1421080343	Lâm Phước	Sơn	14/05/1996	Nam	Thái Nguyên	2.70	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
121	1421080344	Nguyễn Tràng	Sơn	08/10/1994	Nam	Hà Nội	3.01	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
122	1421080383	Triệu Thị Thanh	Thủy	20/10/1996	Nữ	Nam Định	2.78	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
123	1421080116	Trần Bá	Trọng	22/11/1996	Nam	Thanh Hóa	3.04	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
124	1421080118	Nguyễn Đức	Tuấn	27/05/1996	Nam	Hà Bắc	2.71	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
125	1421080417	Bùi Đỗ	Tùng	16/11/1994	Nam	Hà Tây	2.77	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
126	1421080131	Dương Thúy	Anh	19/10/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
127	1421080009	Lã Vân	Chiều	01/02/1996	Nữ	Thái Bình	3.32	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
128	1421080012	Nguyễn Ngọc	Diệp	04/03/1996	Nữ	Hà Tây	3.16	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
129	1421080013	Doãn Văn	Dũng	01/08/1996	Nam	Bắc Giang	2.89	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
130	1421080016	Nguyễn Huy Anh	Dũng	22/08/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.85	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
131	1421080209	Bùi Thị Thu	Hằng	11/01/1996	Nữ	Nam Định	3.43	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
132	1421080216	Nguyễn Thị	Hiền	05/03/1996	Nữ	Vĩnh Phúc	3.20	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
133	1421080222	Vũ Văn	Hòa	01/07/1996	Nam	Thanh Hóa	2.78	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
134	1421080242	Lê Thu	Huyền	14/01/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.11	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2

135	1421070355	Đỗ Thành	Liêm	03/05/1996	Nam	Thái Bình	2.95	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
136	1421080061	Trần Thùy Đàm	Linh	18/12/1996	Nữ	Hà Nội	2.94	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
137	1421080259	Đinh Thị	Linh	01/11/1996	Nữ	Ninh Bình	2.93	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
138	1421080274	Nguyễn Hồng	Lĩnh	05/10/1996	Nam	Hà Tây	2.68	Khá	Kỹ thuật Môj trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
139	1421080279	Nguyễn Thị	Luyến	10/06/1996	Nữ	Hải Dương	3.33	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
140	1421080286	Đào Văn	Minh	30/04/1996	Nam	Thái Bình	2.64	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
141	1421080081	Cao Thị	Ngọc	10/05/1996	Nữ	Nghệ An	2.99	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
142	1421080306	Lê Thị	Nguyệt	10/06/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.05	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
143	1421080332	Kiều Thị	Phượng	06/09/1996	Nữ	Hà Tây	2.77	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
144	1421080339	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	26/06/1995	Nữ	Hải Hưng	2.94	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
145	1421080349	Bùi An	Thái	18/09/1996	Nam	Hải Phòng	2.91	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
146	1421080363	Nguyễn Thị	Thảo	02/02/1996	Nữ	Hải Dương	2.92	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
147	1421080376	Lê Thị	Thu	21/08/1995	Nữ	Thái Bình	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
148	1421080110	Phạm Thị	Thu	29/10/1995	Nữ	Vĩnh Phú	3.07	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
149	1421080388	Cao Thị	Thương	23/03/1996	Nữ	Nghệ An	3.19	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
150	1321031004	Vũ Thị	Yến	10/02/1995	Nữ	Hải Dương	3.04	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Hệ thống tin địa lý, đo ảnh và viễn thám	DCTDAVG58_2
151	1221030140	Hoàng Minh	Thắng	17/08/1994	Nam	Bắc Giang	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
152	1321030255	Phạm Nhật	Tuấn	22/01/1995	Nam	Bình Định	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
153	1321030774	Bùi Nam	Phong	28/05/1995	Nam	Ninh Bình	2.61	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
154	1321030209	Nguyễn Doãn	Thành	08/12/1994	Nam	Phú Thọ	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
155	1321030931	Đỗ Đức	Tú	17/02/1995	Nam	Hà Tây	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
156	1421030269	Trần Thị Ngọc	ánh	20/10/1996	Nữ	Hải Dương	3.17	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
157	1421030478	Nguyễn Thị Lan	Nhi	02/12/1996	Nữ	Vĩnh Phúc	3.16	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2

158	1521030394	Đỗ Ngọc	Anh	05/10/1997	Nữ	Hà Tây	3.39	Giỏi	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
159	1521030143	Trần Thị	Hảo	22/06/1997	Nữ	Hà Tây	3.24	Giỏi	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
160	1521030128	Vũ Thị Thanh Kim	Huệ	20/03/1997	Nữ	Hà Nội	3.07	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
161	1521030367	Nguyễn Thị	Mai	13/01/1997	Nữ	Hà Tây	3.28	Giỏi	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
162	1521030436	Phạm Thị	Phượng	24/07/1997	Nữ	Nam Định	3.36	Giỏi	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
163	1521030444	Dương Minh	Thành	04/09/1997	Nam	Hải Dương	3.21	Giỏi	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
164	1521030145	Đào Huyền	Trang	04/09/1997	Nữ	Bắc Ninh	3.37	Giỏi	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
165	1521030392	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/03/1997	Nữ	Bắc Giang	3.60	Xuất sắc	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
166	1321030043	Nguyễn Văn	Đạt	10/04/1995	Nam	Hà Nội	2.75	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
167	1321030003	Lã Đức	Anh	25/06/1995	Nam	Hà Nam	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
168	1321030638	Nguyễn Văn	Hưng	19/05/1994	Nam	Thanh Hóa	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
169	1321030879	Nguyễn Văn	Thuyên	26/01/1995	Nam	Bắc Giang	2.64	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
170	1321030937	Nguyễn Đức	Tuân	05/10/1994	Nam	Thái Bình	2.56	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
171	1221030183	Phạm Xuân	Tuấn	19/08/1994	Nam	Thái Bình	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57C
172	1221030478	Nguyễn Mạnh	Tuấn	28/02/1994	Nam	Hà Nam	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa Mỏ-Công trình	DCTDTM57
173	1321030982	Lê Tuấn	Vinh	13/07/1994	Nam	Thanh Hóa	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa Mỏ-Công trình	DCTDTM58_1
174	1321030058	Dương Thanh	Hà	04/08/1995	Nam	Bắc Giang	2.64	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa Mỏ-Công trình	DCTDTM58_2
175	1321030752	Trần Quang	Ngọc	13/09/1994	Nam	Hưng Yên	2.59	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa Mỏ-Công trình	DCTDTM58_2
176	1221070187	Khuất Hữu	Đức	07/09/1993	Nam	Hà Tây	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
177	1221070068	Vũ Đức	Huy	30/10/1994	Nam	Nam Định	2.06	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
178	1321070065	Phạm Đức	Hiển	12/11/1995	Nam	Hải Phòng	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC58_2
179	1321070502	Phạm Trung	Hiếu	26/08/1995	Nam	Ninh Bình	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC58_2
180	1221070135	Phan Nhật	Sơn	27/08/1994	Nam	Hải Dương	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT57

181	1321070535	Trần Văn	Huy	06/10/1994	Nam	Nam Định	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT58_2
182	1321070583	Nguyễn Thế	Lượng	10/07/1995	Nam	Nam Định	2.13	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT58_2
183	1321070195	Nguyễn Hà	Toản	16/02/1995	Nam	Hà Tĩnh	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT58_2
184	1221070140	Nguyễn Mạnh	Thái	22/08/1994	Nam	Thái Bình	2.60	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT58_2
185	1321070495	Trần Công	Hậu	07/04/1995	Nam	Quảng Ninh	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM57
186	1321070021	Nguyễn Đức	Công	07/08/1995	Nam	Nam Định	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm	DCXDXN58_1
187	1321070611	Đặng Tiến	Nhất	23/03/1994	Nam	Hà Nam	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm	DCXDXN58_2
188	1531020011	Bùi Đình	Giang	04/06/1992	Nam	Ninh Bình	2.50	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CT ngầm	DCXDXN58_2
189	1531020406	Nguyễn Thị Thu	Hằng	08/10/1994	Nữ	Thái Bình	3.02	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
190	1531020039	Nguyễn Thị	Thúy	10/10/1992	Nữ	Thanh Hóa	2.67	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
191	1531020042	Nguyễn Anh	Tiến	14/05/1980	Nam	Hà Nội	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
192	1631020066	Nguyễn Thị Vân	Anh	12/10/1995	Nữ	Vĩnh Phúc	2.93	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
193	1631020072	Phạm Thanh	Quang	20/09/1995	Nam	Lào Cai	2.74	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC61_1
194	1631020073	Phạm Ngọc	Quyên	29/06/1995	Nam	Thái Bình	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC61_1
195	1631020075	Nguyễn Văn	Thành	04/01/1995	Nam	Hà Tây	2.50	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC61_1
196	1631020076	Hoàng Ngọc	Tiến	28/04/1995	Nam	Yên Bái	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC61_1
197	1634010105	Chu Hà	Vi	03/09/1995	Nữ	Sơn La	3.18	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT61
198	1631040055	Nguyễn Thành	Long	26/11/1995	Nam	Quảng Ninh	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOMO61
199	1531030051	Phạm Văn	Thế	17/05/1991	Nam	Hà Nam	2.83	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD60
200	1631030027	Phạm Văn	Tiến	12/07/1994	Nam	Hà Tây	3.30	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61_1
201	1731030030	Nguyễn Quốc	Cường	25/08/1993	Nam	Phú Yên	3.19	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62_6
202	1731030031	Nguyễn Thành	Đại	25/05/1993	Nam	Phú Yên	3.10	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62_6
203	1731030032	Nguyễn Tấn	Hoan	22/02/1990	Nam	Phú Yên	3.13	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62_6

204	1731030033	Biên Quốc	Hội	20/08/1987	Nam	Phú Yên	3.36	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62_6
205	1731030034	Phan Vĩnh	Hưng	20/11/1996	Nam	Phú Yên	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62_6
206	1731030035	Võ Văn	Khánh	30/10/1992	Nam	Quảng Nam	3.12	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62_6
207	1731030036	Nguyễn Đình	Kiên	11/10/1993	Nam	Khánh Hòa	3.30	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62_6
208	1731030037	Bùi Quốc	Lam	30/04/1992	Nam	Phú Yên	3.33	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62_6
209	1731030038	Đinh Thị Yến	Nhi	15/11/1994	Nữ	Phú Yên	3.42	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62_6
210	1731030039	Đào Thị Hương	Nhị	20/07/1986	Nữ	Hưng Yên	3.49	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62_6
211	1731030040	Nguyễn Hữu	Tâm	15/01/1988	Nam	Phú Yên	3.02	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62_6
212	1731030041	Đinh Nho	Thịnh	10/12/1992	Nam	Phú Yên	3.26	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62_6
213	1731030042	Phan Thị Anh	Thư	12/01/1996	Nữ	Phú Yên	3.33	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62_6
214	1731030043	Nguyễn Minh	Tiến	20/02/1990	Nam	Khánh Hòa	3.07	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62_6
215	1731030044	Đỗ Quốc	Tiến	04/04/1991	Nam	Phú Yên	3.36	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62_6
216	1731030046	Nguyễn Văn	Tình	21/11/1990	Nam	Khánh Hòa	3.19	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62_6
217	1731030047	Bùi Thành	Triêm	20/11/1990	Nam	Phú Yên	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62_6
218	1731030048	Nguyễn Đình Hoàng	Tuấn	13/07/1996	Nam	Phú Yên	3.00	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62_6
219	1331070306	Nguyễn Văn	Hoàng	26/06/1992	Nam	Quảng Ninh	2.11	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC58
220	1631070006	Phạm Ngọc	Dương	27/10/1986	Nam	Thái Bình	2.81	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC61_6
221	1631070013	Vũ Hùng	Kiên	07/09/1979	Nam	Quảng Ninh	2.78	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC61_6
222	1631070019	Nguyễn Văn	Sơn	15/08/1992	Nam	Nghệ An	2.59	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC61_6
223	1431070025	Nguyễn Văn	Xuân	04/08/1993	Nam	Thanh Hóa	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDXD59
224	CTTT13210116	Trần Việt	Dũng	28/10/1995	Nam	Hà Tĩnh	299	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K4
225	CTTT13210143	Nguyễn Khoa	Nghị	02/10/1995	Nam	Hà Nội	2.5	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K4
226	CTTT13210124	Doãn Văn	Hiệp	31/12/1995	Nam	Vĩnh Phúc	2.87	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K4

227	1514010034	Bùi Mỹ	Linh	19/01/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.16	Trung bình	Kế toán	Kế toán	CCKTKT60
228	1514010012	Đỗ Thị	Thắm	28/10/1997	Nữ	Nam Định	2.14	Trung bình	Kế toán	Kế toán	CCKTKT60
229	1121060297	Phạm Văn	Thủy	05/06/1993	Nam	Hà Nam	2.05	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD56A
230	1121060116	Nguyễn Nam	Ninh	28/10/1993	Nam	Hải Dương	2.12	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD56B
231	1321060469	Lê Văn	Đức	09/06/1995	Nam	Hà Nội	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD58_1
232	1321060432	Phan Viết	Cương	24/11/1995	Nam	Hải Phòng	2.58	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD58_1
233	1321060347	Phạm Thọ	Văn	13/10/1994	Nam	Thái Bình	2.56	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD58_1
234	1321060349	Nguyễn Hoài	Vũ	02/04/1995	Nam	Hà Tĩnh	2.08	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD58_1
235	1221050104	Phan Đình	Toàn	22/08/1994	Nam	Vĩnh Phúc	2.35	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	DCCTDC57
236	1121050123	Vũ Khắc	Tuệ	28/02/1992	Nam	Hải Dương	2.19	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT56
237	1321050509	Ngô Duy	Hải	04/01/1995	Nam	Hà Tây	2.31	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học mỏ	DCCTMO58_1
238	1221050121	Trần Phú	Xuân	03/07/1994	Nam	Nam Định	2.26	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD57
239	1121020335	Nguyễn Xuân	Quý	27/01/1993	Nam	Thái Bình	2.04	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa kỹ thuật	DCDCCT56A
240	1121020002	Hoàng	Anh	28/02/1993	Nam	Hải Phòng	2.05	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa kỹ thuật	DCDCCT56B
241	1121020233	Bế Tuấn	Hoàng	16/06/1992	Nam	Cao Bằng	2.14	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa kỹ thuật	DCDCCT56B
242	1221020100	Nguyễn Thành	Nam	14/07/1994	Nam	Nam Định	2.02	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa kỹ thuật	DCDCCT57B
243	1321020723	Lê Trọng	Thập	15/06/1995	Nam	Vĩnh Phúc	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa kỹ thuật	DCDCCT58_1
244	1021020223	Phạm Hữu	Sinh	19/08/1992	Nam	Thái Bình	2.60	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_55A
245	1121020118	Đỗ Tiến	Mạnh	05/02/1993	Nam	Hải Phòng	2.13	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_56B
246	1321020819	Đặng Ngọc	Sơn	28/09/1993	Nam	Nam Định	2.62	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_2
247	1221020171	Trần Anh	Tuấn	19/08/1994	Nam	Thái Nguyên	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK57
248	1321020150	Phạm Văn	Minh	20/10/1995	Nam	Thái Bình	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2
249	1021020012	Lê Quốc	Bảo	26/06/1992	Nam	Vĩnh Phúc	2.42	Trung Bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-Địa chất công trình	DCDCTV55

250	1321010107	Lê Thành	Đô	08/02/1995	Nam	Hà Nội	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
251	1321010327	Vũ Đình	Thăng	10/07/1995	Nam	Hải Dương	2.81	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKT58_2
252	1221010046	Nguyễn Kim	Công	09/02/1994	Nam	Bắc Ninh	2.20	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD57B
253	1121010223	Nguyễn Bá	Mạnh	23/09/1993	Nam	Hải Phòng	2.14	Trung Bình	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB56
254	1421010098	Trần Thanh	Hải	26/11/1996	Nam	Nam Hà	3.27	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
255	1421010264	Đỗ Văn	Quân	22/09/1996	Nam	Thanh Hóa	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
256	1421020641	Lê Đình	Trường	20/06/1996	Nam	Thanh Hóa	2.97	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
257	1424010255	Vũ Đức	Chung	01/05/1996	Nam	Nam Hà	2.80	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
258	1421050056	Lê Thái	Hà	28/07/1996	Nam	Hà Nội	2.14	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
259	1424010151	Lê Hoài	Phương	19/09/1994	Nam	Thái Nguyên	2.00	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
260	1324010316	Nguyễn Thị Huyền	Trang	05/08/1995	Nữ	Quảng Ninh	2.21	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58_1
261	1324010523	Bùi Thị Khánh	Huyền	05/01/1995	Nữ	Hà Tây	2.77	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58G
262	1424010128	Hà Thị	Nga	26/06/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.77	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
263	1021040614	Nguyễn Công	Anh	08/08/1991	Nam	Thái Bình	2.61	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT55C
264	1121040156	Đào Quang	Lăng	27/02/1993	Nam	Thái Bình	2.52	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT56D
265	1221040475	Nguyễn Văn	Trưởng	20/04/1992	Nam	Hải Dương	2.60	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57C
266	1221040063	Trần Xuân	Định	12/09/1993	Nam	Thái Bình	2.58	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57D
267	1321040579	Đồng Văn	Tiến	28/04/1994	Nam	Hải Dương	2.85	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
268	1321040478	Phạm Văn	Hà	31/01/1995	Nam	Hà Tây	2.71	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
269	1221040250	Nguyễn Thế	Thìn	04/07/1994	Nam	Lào Cai	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
270	1321040490	Cao Vũ Duy	Hoàng	29/10/1995	Nam	Thanh Hóa	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_1
271	1221080015	Nguyễn Phan	Đại	18/10/1994	Nam	Hà Tây	2.14	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
272	1421080006	Trần Thị Vân	Anh	08/03/1996	Nữ	Nghệ An	3.34	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1

273	1421080183	Lê Thùy	Dương	14/11/1996	Nữ	Hà Nội	3.14	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
274	1421080237	Nguyễn Quang	Huy	01/07/1996	Nam	Quảng Ninh	2.72	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
275	1421080278	Nguyễn Thị Xuân	Lộc	21/02/1996	Nữ	Thái Bình	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
276	1421080364	Phan Thị	Thảo	30/04/1996	Nữ	Lạng Sơn	2.92	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
277	1421020583	Ngô Gia	Thể	30/08/1996	Nam	Hưng Yên	2.69	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
278	1421080114	Nguyễn Thị Hiền	Trang	11/11/1996	Nữ	Vĩnh Phúc	2.93	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
279	1421080115	Nguyễn Tiến	Trọng	20/02/1994	Nam	Quảng Ninh	2.68	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
280	1421080430	Phạm Thị	Xoan	13/10/1996	Nữ	Nam Định	3.10	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
281	1421080011	Nguyễn Văn	Cường	24/03/1994	Nam	Hòa Bình	2.74	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
282	1421080027	Hoàng Thị	Giang	01/11/1996	Nữ	Hưng Yên	2.80	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
283	1421080309	Nguyễn Lan	Nhi	27/12/1995	Nữ	Hà Tây	3.51	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
284	1421080094	Nguyễn Thị Thu	Phương	13/06/1996	Nữ	Quảng Ninh	2.92	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
285	1321080013	Phạm Thị	Diễm	04/10/1995	Nữ	Ninh Bình	2.68	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_1
286	1421080060	Trần Thị Thùy	Linh	17/05/1996	Nữ	Nam Định	2.73	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
287	1421080036	Đoàn Văn	Hiếu	21/07/1996	Nam	Hải Phòng	2.63	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
288	1421080063	Phạm Thị	Loan	27/11/1996	Nữ	Hưng Yên	3.34	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
289	1421080085	Kiều Hồng	Nhung	05/06/1996	Nữ	Vĩnh Phúc	2.82	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
290	1321030129	Nguyễn Văn	Long	28/01/1992	Nam	Hà Nội	2.67	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Hệ thông tin địa lý, đo ảnh và viễn thám	DCTDAVG58_2
291	1221030160	Nguyễn Xuân	Tiến	15/03/1994	Nam	Nam Định	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
292	1321030202	Đỗ Mạnh	Thái	22/11/1994	Nam	Hà Tây	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
293	1321030697	Hoàng Trọng	Lợi	17/09/1995	Nam	Thanh Hóa	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
294	1321030824	Nguyễn Đức	Tâm	29/05/1995	Nam	Nam Định	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
295	1321030008	Phạm Việt	Anh	10/08/1995	Nam	Hải Dương	2.55	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1

296	1321030157	Phạm Hồng	Nam	28/05/1991	Nam	Hà Nội	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
297	1421030067	Trần Thị	Hiệp	16/04/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.38	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_2
298	1421030110	Nguyễn Ngọc	Khánh	12/05/1992	Nam		3.51	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_2
299	1321030473	Ngô Tiến	Dũng	01/01/1995	Nam	Quảng Ninh	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa Mỏ-Công trình	DCTDTM58_1
300	1321030151	Ngô Thế	Minh	20/10/1995	Nam	Hà Bắc	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa Mỏ-Công trình	DCTDTM58_1
301	1531020407	Hà Đắc	Hùng	20/09/1993	Nam	Hà Tây	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
302	1631020001	Triệu Hồng	Duy	10/03/1994	Nam	Cao Bằng	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC61_1
303	1631020006	Trần Quốc	Thức	06/03/1994	Nam	Hà Tĩnh	2.92	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC61_1
304	1631020008	Thịnh Hồng	Trung	18/08/1995	Nam	Ninh Bình	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC61_1
305	1431010001	Đỗ Thành	Hiếu	15/01/1991	Nam	Thanh Húa	2.19	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	LCDKDK59_2
306	1631040051	Phạm Đức	Hiển	27/11/1995	Nam	Hà Nam	2.65	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOMO61
307	1631040060	Trịnh Văn	Thịnh	21/10/1994	Nam	Hà Bắc	2.65	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOMO61
308	1531030433	Nguyễn Hữu	Ngọc	23/06/1990	Nam	Thanh Hóa	3.29	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
309	1631070020	Đỗ Duy	Thành	17/02/1994	Nam	Quảng Ninh	2.54	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC61_6
310	1631070022	Phạm Xuân	Thủy	15/04/1976	Nam	Hải Phòng	2.77	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC61_6
311	1531050007	Hoàng Văn	Nam	04/11/1993	Nam	Hà Nội	2.45	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	LCCTCT60
312	1321010249	Nguyễn Văn	Nghĩa	16/7/1995	Nam	Nam Định	3.79	Xuất sắc	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
313	1321060358	Lường Bảo	Tín	16/01/1994	Nam	Hòa Bình	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT58_2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 721 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế "Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Biên bản họp ngày 15 tháng 04 năm 2018 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên lớp Địa chất - khóa 59 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học cho 01 sinh viên Lào - khóa 59 hệ chính quy ngành đào tạo: Kỹ thuật Địa chất; Chuyên ngành: Địa chất;

Kanlaya LUANGLARD, sinh ngày 05/9/1994; Nơi sinh: Lào;

Mã sinh viên: 1421020003L; Điểm TBTN: 2,78; Xếp loại TN: Khá

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(04)

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 823 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế "Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Biên bản họp ngày 15 tháng 04 năm 2018 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên lớp Bản đồ - khóa 59 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học cho 01 sinh viên lớp Bản đồ - khóa 59 hệ chính quy ngành đào tạo: Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ; Chuyên ngành: Bản đồ;

Nguyễn Mạnh Tuấn, sinh ngày 03/7/1995; Nơi sinh: Hà Nội;

Mã sinh viên: 1421030224; Điểm TBTN: 3,08; Xếp loại TN: Khá

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(04)

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 900 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế "Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Biên bản họp ngày 15 tháng 04 năm 2019 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 58, khóa 59, khóa 60 và Liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 61 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học cho 11 sinh viên đại học - khóa 58, khóa 59, khóa 60 và liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 61 hệ chính quy ngành đào tạo: Kỹ thuật Địa chất, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Mỏ, Kỹ thuật Tuyển khoáng, Kỹ thuật Dầu khí và Kỹ thuật Xây dựng (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trá ch nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(04)

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2019 (ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số 900/QĐ-MĐC ngày 08 tháng 7 năm 2019)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm TBTN	Xếp loại tốt nghiệp	Mã lớp, khóa
1	1421020006L	Chanthaphone	DUANGSAVANH	11/04/1995	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	3.17	Khá	DCDCDC_59_1
2	1421020001L	Phountha	MAINVONG	17/09/1993	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.6	Khá	DCDCDC_59_1
3	1421020002L	Khamthay	SYVILAY	08/09/1994	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.61	Khá	DCDCDC_59_1
4	1421020004L	Boun Am	THEPVONGSA	06/04/1989	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.5	Khá	DCDCDC_59_1
5	1421020005L	Vongyang	VANSAO	05/05/1993	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.78	Khá	DCDCDC_59_1
6	1524010001L	Soudsaychai	Homdouangchy	26/01/1997	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.51	Khá	DCKTKD60_3
7	1421040001L	Thiphathai	POMMALAISY	01/03/1993	Nam	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	2.87	Khá	DCMOKT59_1
8	1421040002L	Somvanh	CHANTHALA	25/02/1995	Nam	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	3.08	Khá	DCMOTK59_1
9	1621040802	Kingkeo	KEOSOUVANH	09/08/1993	Nam	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	3.18	Khá	LCMOKT61_1
10	1421010032	Nguyễn Thị Lan	Chi	05/03/1996	Nữ	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	3.33	Giỏi	DCDKDC59_2
11	1321070465	Nguyễn Hải	Đăng	12/10/1995	Nam	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	2.21	Trung bình	DCXDDC58_2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1022 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế "Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Biên bản họp ngày 15 tháng 04 năm 2019 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 59, khóa 60 và Chương trình tiên tiến - khóa 5 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học cho 04 sinh viên đại học - khóa 59, khóa 60 và Chương trình tiên tiến - khóa 5 hệ chính quy ngành đào tạo: Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ và Công nghệ kỹ thuật hóa học (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trá ch nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(04)

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-MĐC ngày tháng năm 2019)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Lớp, khóa
1	1421030162	Lê Thị	Sinh	13/8/1996	Nữ	2,86	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ-Công trình	Trắc địa Mỏ-CT - khóa 59
2	1521030001L	KHUNTHILATH	Chomkhuan	23/7/1995	Nữ	3,17	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	Trắc địa A - khóa 60
3	CTTT14210101	Trần Quốc	Anh	01/8/1996	Nam	3,06	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	Chương trình tiên tiến - khóa 5
4	CTTT14210111	Lê Huy	Minh	24/12/1995	Nam	2,89	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	Chương trình tiên tiến - khóa 5

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 1202a/QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế "Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Biên bản họp ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 59, khóa 62B2 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học cho 06 sinh viên đại học - khóa 59, khóa 62B2 hệ chính quy ngành đào tạo: Kỹ thuật Dầu khí, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trá ch nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(04)

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 1202a/QĐ-MĐC ngày 11 tháng 9 năm 2019)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Lớp, khóa
1	1421011042	Đỗ Mạnh	Cường	29/05/1996	Nam	2,82	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác DK	DCDKKK59_1
2	1421011106	Nguyễn Đức Hoàng	Hải	17/08/1996	Nam	2,63	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác DK	DCDKKK59VT
3	1754010123	Trương Thế	Nhân	20/04/1985	Nam	2,81	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD62B2_6
4	1121041024	Vũ Thùy	Linh	07/11/1993	Nữ	2,52	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_56B
5	1421020554	Đào Đức	Tân	11/03/1996	Nam	2,21	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT59_1
6	1421060475	Nguyễn Hữu	Linh	06/05/1995	Nam	2,43	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1473 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế "Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Biên bản họp ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 59, liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 60 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học cho 09 sinh viên đại học - khóa 59, liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 60 hệ chính quy ngành đào tạo: Kỹ thuật Điện, Kỹ thuật Địa chất, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật Xây dựng, Kỹ thuật Mỏ, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trá ch nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(04)

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - NĂM 2019 (ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số 1473 /QĐ-MĐC ngày 29 tháng 10 năm 2019)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Mã lớp, khóa học
1	1421060313	Nguyễn Đức	Vấn	7/7/1996	Nam	2,22	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
2	1421060275	Nguyễn Viết	Tình	18/01/1996	Nam	2,42	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
3	1421020698	Ngô Tuấn	Vũ	30/10/1996	Nam	2,17	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	ĐCCT-ĐKT	DCDCCT59_1
4	1421010022	Lê Quốc	Bảo	12/3/1996	Nam	2,83	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
5	1421070459	Lê Văn	Thanh	2/10/1995	Nam	2,17	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	XD Dân dụng và CN	DCXDDC59_2
6	1421070343	Mai Phạm	Kiên	26/03/1996	Nam	2,63	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng Hạ tầng CS	DCXDHT59_2
7	1421070495	Lâm Văn	Trình	19/02/1996	Nam	2,24	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	XD công trình ngầm	DCXDXN59_2
8	1531040035	Trần Minh	Trí	12/4/1992	Nam	2,47	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOMO60
9	1421070007	Bùi Văn	Bình	8/6/1996	Nam	2,62	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	XD Dân dụng và CN	DCXDDC59_2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 1358 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế "Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Biên bản họp ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 59 và liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 62 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học cho 02 sinh viên đại học - khóa 59 và liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 62 hệ chính quy ngành đào tạo: Công nghệ thông tin và Kỹ thuật Mỏ;

1.Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 18/11/1996; Nơi sinh: Hà Nội;
Mã sinh viên: 1731050001; Điểm TBTN: 2,76; Xếp loại TN: Khá

2.Bùi Ngọc Sơn, sinh ngày 13/06/1996; Nơi sinh: Quảng Ninh;
Mã sinh viên: 1421040231; Điểm TBTN: 2,54; Xếp loại TN: Khá

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(04)

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2026 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế "Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Biên bản họp ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 54, khóa 56, khóa 59 và Chương trình tiên tiến - khóa 3, khóa 4, khóa 5 hệ chính quy;

XÉt đề nghị của ông Chánh Văn phòng Chương trình tiên tiến;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học cho 18 sinh viên đại học - khóa 54, khóa 56, khóa 59 và Chương trình tiên tiến - khóa 3, khóa 4, khóa 5 hệ chính quy ngành đào tạo: Kỹ thuật hóa học, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Điện, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trá ch nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(04)

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2019 (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số 2026 /QĐ-MĐC ngày 26 tháng 12 năm 2019)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Mã lớp, khóa
1	CTTT12210102	Lê Đình	Anh	01/09/1993	Nam	Thanh Hóa	3.04	Khá	Kỹ thuật hóa học	Lọc-hóa dầu	CTTT K3
2	CTTT13210131	Nguyễn Quang	Huy	23/07/1995	Nam	Hà Nội	2.27	Trung bình	Kỹ thuật hóa học	Lọc-hóa dầu	CTTT K4
3	CTTT13210120	Phạm Sơn	Hà	06/02/1995	Nam	Hải Phòng	2.92	Khá	Kỹ thuật hóa học	Lọc-hóa dầu	CTTT K4
4	CTTT13210123	Phạm Minh	Hải	29/10/1995	Nam	Thái Bình	3.16	Khá	Kỹ thuật hóa học	Lọc-hóa dầu	CTTT K4
5	CTTT14210164	Phạm Đình	Thanh	15/04/1996	Nam	Thái Bình	3.08	Khá	Kỹ thuật hóa học	Lọc-hóa dầu	CTTT K5
6	CTTT14210106	Nguyễn Xuân	Huy	22/10/1996	Nam	Nam Định	2.76	Khá	Kỹ thuật hóa học	Lọc-hóa dầu	CTTT K5
7	CTTT14210109	Nguyễn Diệu	Linh	19/05/1995	Nữ	Hồng Kông	3.02	Khá	Kỹ thuật hóa học	Lọc-hóa dầu	CTTT K5
8	CTTT14210143	Nguyễn Xuân	Chiến	30/12/1996	Nam	Bắc Ninh	2.93	Khá	Kỹ thuật hóa học	Lọc-hóa dầu	CTTT K5
9	CTTT14210158	Phạm Thúy	Nga	27/10/1996	Nữ	Hà Nội	2.98	Khá	Kỹ thuật hóa học	Lọc-hóa dầu	CTTT K5
10	CTTT14210162	Ngô Anh	Tuấn	18/06/1996	Nam	Hà Nội	2.24	Trung bình	Kỹ thuật hóa học	Lọc-hóa dầu	CTTT K5
11	CTTT14210125	Nguyễn Phương	Thảo	06/05/1996	Nữ	Hà Nội	3.03	Khá	Kỹ thuật hóa học	Lọc-hóa dầu	CTTT K5
12	CTTT14210127	Nguyễn Đức	Trung	12/11/1996	Nam	Hà Tây	2.96	Khá	Kỹ thuật hóa học	Lọc-hóa dầu	CTTT K5
13	CTTT14210152	Phạm Công	Hùng	08/12/1996	Nam	Thái Bình	2.38	Trung bình	Kỹ thuật hóa học	Lọc-hóa dầu	CTTT K5

14	0921050274	Nguyễn Đức	Anh	03/08/1991	Nam	Hà Nội	2.40	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT54
15	1121050328	Đào Anh	Tuấn	10/06/1993	Nam	Bắc Giang	2.25	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT56
16	1421010065	Trần Thị	Duyên	22/11/1996	Nữ	Nam Định	3.10	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-hóa dầu	DCDKLD59_2
17	1421060432	Nguyễn Văn	Hoạt	09/07/1996	Nam	Thanh Hóa	2.16	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
18	1121060242	Trần Hoàng	Long	11/05/1993	Nam	Quảng Ninh	2.07	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK56A

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2033 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế "Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Biên bản họp ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 59 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học cho 02 sinh viên đại học - khóa 59 hệ chính quy ngành đào tạo: Kỹ thuật Địa chất và Kỹ thuật Cơ khí;

1.Đào Quốc Bảo, sinh ngày 13/6/1996; Nơi sinh: Thái Nguyên;

Mã sinh viên: 1420120016; Điểm TBTN: 2,57; Xếp loại TN: Khá

2.Phạm Thái Phương, sinh ngày 25/02/1996; Nơi sinh: Thanh Hóa;

Mã sinh viên: 1421060211; Điểm TBTN: 2,30; Xếp loại TN: Trung bình

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(04).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2015 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế "Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Biên bản họp ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên cao đẳng - khóa 60, khóa 61; đại học - khóa 56, khóa 57, khóa 58, khóa 59, khóa 60, khóa 61; Liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 60, khóa 61, khóa 62 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng, Đại học cho 381 sinh viên cao đẳng - khóa 60, khóa 61; đại học - khóa 56, khóa 57, khóa 58, khóa 59, khóa 60, khóa 61; Liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 60, khóa 61, khóa 62 hệ chính quy ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật địa chất, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ kỹ thuật mỏ, Công nghệ kỹ thuật trắc địa, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật Điện, Kỹ thuật Cơ khí, Quản lý đất đai, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Địa vật lý, Kỹ thuật Dầu khí, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kỹ thuật Mỏ, Kỹ thuật Xây dựng, Kỹ thuật Tuyển khoáng, Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trá ch nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(04).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2019 (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số 2015 /QĐ-MĐC ngày 27 tháng 12 năm 2019)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Mã lớp, khóa
1	1511060027	Nguyễn Duy	Anh	12/12/1997	Nam	Hà Nội	2.20	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	Tự động hóa	CCCDCD60
2	1511040004	Lê	Hoàn	17/07/1996	Nam	Quảng Ninh	2.12	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	Tự động hóa	CCCDCD60
3	1611060060	Nguyễn Đức	Hoàng	02/05/1998	Nam	Thái Bình	2.53	Khá	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	Tự động hóa	CCCDCD61
4	1611060026	Đỗ Minh	Sỹ	01/02/1998	Nam	Thanh Hóa	2.04	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	Tự động hóa	CCCDTD61
5	1511020007	Trần Tuấn	Anh	29/05/1997	Nam	Thái Bình	2.19	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCDC60
6	1614010026	Phạm Thị	Nga	20/10/1998	Nữ	Thanh Hóa	2.61	Khá	Kế toán	Kế toán	CCKTKT61
7	1614010706	Lê Tâm	Như	03/11/1998	Nữ	Hà Nội	2.76	Khá	Kế toán	Kế toán	CCKTKT61
8	1614010032	Phạm Thị	Thêm	14/03/1998	Nữ	Thanh Hóa	2.09	Trung bình	Kế toán	Kế toán	CCKTKT61
9	1411040029	Phạm Trần Quang	Huy	31/08/1995	Nam	Nam Định	2.20	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOMO59
10	1411040032	Hoàng Văn	Khánh	21/02/1995	Nam	Lạng Sơn	2.00	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOMO59
11	1511030005	Nguyễn Văn	Bình	03/06/1997	Nam	Hà Nội	2.20	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDTD60
12	1511070003	Nguyễn Việt	Hán	25/05/1997	Nam	Hà Tây	2.20	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Xây dựng CTN và Mỏ	CCXDXD60
13	1511070002	Bùi Mạnh	Quân	04/11/1997	Nam	Thái Bình	2.41	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Xây dựng CTN và Mỏ	CCXDXD60
14	1421060289	Nguyễn Minh	Tuân	16/09/1996	Nam	Vĩnh Phúc	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_1
15	1421060013	Vũ Đức	Anh	29/04/1996	Nam	Thanh Hóa	2.54	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_2

16	1421060078	Nguyễn Văn	Đồng	03/03/1995	Nam	Thái Bình	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_2
17	1421060006	Nguyễn Đức	Anh	10/10/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.52	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
18	1421060332	Đinh Văn	Ban	12/08/1996	Nam	Nam Định	2.00	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
19	1421060081	Nguyễn Anh	Đức	18/09/1996	Nam	Quảng Ninh	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
20	1421060391	Đỗ Mạnh	Đức	09/11/1996	Nam	Hải Phòng	2.66	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
21	1421060052	Trần Khắc	Dũng	17/08/1995	Nam	Hưng Yên	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
22	1421060112	Đỗ Lê	Hoàng	26/01/1996	Nam	Thanh Hóa	2.05	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
23	1421060132	Nguyễn Văn	Huy	01/04/1996	Nam	Nam Định	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
24	1421060146	Nguyễn Ngọc	Khang	01/12/1996	Nam	Thái Bình	2.50	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
25	1421020410	Bùi Quốc	Khánh	30/09/1996	Nam	Hà Tây	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
26	1421060192	Nguyễn Trung	Nghĩa	26/06/1996	Nam	Hải Phòng	2.54	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
27	1421060223	Đỗ Ngọc	Sang	16/05/1996	Nam	Nam Định	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
28	1421060559	Đỗ Văn	Tân	28/08/1995	Nam	Hà Tây	2.14	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
29	1421060318	Đỗ Quang	Vinh	19/09/1996	Nam	Bắc Giang	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT59_1
30	1321060018	Lê Xuân	Bách	16/08/1995	Nam	Hải Dương	2.08	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT58_1
31	1321060286	Nguyễn Khắc Đại	Thắng	13/01/1995	Nam	Bắc Ninh	2.13	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT58_1
32	1421060014	Vũ Hoàng	Anh	16/08/1996	Nam	Nam Hà	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
33	1421060094	Nguyễn Đức	Hanh	26/04/1996	Nam	Hà Tây	2.56	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
34	1421050516	Chu Văn	Nam	26/01/1995	Nam	Bắc Giang	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1

35	1421060196	Nguyễn Minh	Ngọc	25/01/1995	Nam	Quảng Ninh	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
36	1421060198	Lê Đức	Nhân	06/04/1996	Nam	Hà Nội	2.82	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
37	1421060280	Nguyễn Đức	Trung	26/07/1996	Nam	Quảng Ninh	2.04	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
38	1421060314	Mai Tiến	Việt	14/11/1996	Nam	Quảng Ninh	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
39	1421060007	Nguyễn Ngọc	Anh	22/11/1996	Nam	Thanh Hóa	2.58	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_2
40	1421060537	Nguyễn Xuân	Quảng	19/07/1996	Nam	Nghệ An	2.55	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_2
41	1421060640	Nguyễn Duy	Tường	01/06/1995	Nam	Nghệ An	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mỏ	DCCDMT59_2
42	1221060456	Tống Văn	Toại	06/01/1994	Nam	Thanh Hóa	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD57A
43	1221011163	Lê Văn	Bảo	12/06/1994	Nam	Thanh Hóa	2.02	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD57VT
44	1421060071	Nguyễn Văn	Đăng	06/04/1996	Nam	Hải Dương	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
45	1421060060	Lê Thị Thùy	Dương	25/07/1996	Nữ	Hà Tĩnh	2.66	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
46	1421060090	Lê Hoàng	Hải	15/10/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.55	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
47	1421060459	Nguyễn Văn	Hưởng	26/08/1996	Nam	Hà Tây	2.63	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
48	1421060207	Phạm Văn	Phú	25/01/1996	Nam	Hưng Yên	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
49	1421080428	Trần Hoàng	Việt	25/01/1996	Nam	Hải Phòng	2.64	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
50	1421011041	Hoàng Minh	Công	02/02/1996	Nam	Thái Bình	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
51	1421011234	Vũ Quang	Minh	27/10/1996	Nam	Bà Rịa Vũng Tàu	2.56	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
52	1421060027	Thân Văn	Cây	25/08/1996	Nam	Bắc Giang	2.62	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ Thủy khí	DCCDTK59_1
53	1421060633	Trần Quang	Tùng	01/08/1996	Nam	Thái Bình	2.83	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ Thủy khí	DCCDTK59_1

54	1421050062	Chu Thị Thanh	Hằng	01/06/1996	Nữ	Thái Bình	2.59	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	DCCTDC59_1
55	1421050540	Trần Thị	Oanh	05/05/1996	Nữ	Ninh Bình	3.21	Giỏi	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	DCCTDC59_1
56	1121050325	Khổng Văn	Trọng	04/11/1992	Nam	Vĩnh Phúc	2.32	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT56
57	1221050101	Nguyễn Thị Minh	Thúy	05/01/1993	Nữ	Thái Bình	2.38	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT57
58	1321050402	Phạm Duy	An	10/02/1993	Nam	Nam Định	2.29	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT58_1
59	1321050543	Mai Trung	Hiếu	15/09/1995	Nam	Nam Định	2.49	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT58_1
60	1321050115	Nguyễn Thành	Liên	26/08/1995	Nam	Bắc Ninh	2.24	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT58_1
61	1421050280	Dư Văn	Bằng	28/11/1996	Nam	Hà Nội	3.15	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
62	1421050531	Phạm Thị	Ngọc	20/10/1995	Nữ	Thanh Hóa	3.14	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
63	1421050562	Hà Thị	Quỳnh	05/12/1996	Nữ	Thái Bình	2.66	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
64	1321050519	Nguyễn Thị	Hạnh	07/05/1995	Nữ	Hà Nội	3.01	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
65	1321050169	Nguyễn Vinh	Quỳnh	16/09/1995	Nam	Hà Nội	2.76	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
66	1421050430	Tạ Văn	Hùng	03/08/1995	Nam	Hà Tây	2.32	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
67	1421050548	Đặng Thị	Phượng	06/04/1996	Nữ	Hà Tây	2.66	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
68	1421050200	Hoàng Thị	Thúy	16/07/1996	Nữ	Thái Bình	2.60	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
69	1421050008	Nguyễn Tuấn	Anh	01/12/1996	Nam	Hà Nội	2.22	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học mỏ	DCCTMO59_1
70	1421050421	Nghiêm Thị	Hồng	20/02/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.99	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học mỏ	DCCTMO59_1
71	1421050444	Nguyễn Thị Mai	Hương	30/10/1995	Nữ	Hà Tây	2.85	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học mỏ	DCCTMO59_1
72	1121050121	Phạm Văn	Tuân	15/07/1993	Nam	Thái Bình	2.16	Trung Bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM56

73	1221050403	Lê Đình	Tùng	07/04/1994	Nam	Hà Nội	2.27	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM57
74	1321050400	Bùi Thị	An	13/02/1995	Nữ	Thái Bình	2.63	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
75	1321050712	Triệu Văn	Thảo	12/03/1995	Nam	Hải Hưng	2.59	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
76	1421050265	Nguyễn Tuấn	Anh	25/08/1995	Nam	Vĩnh Phúc	2.61	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
77	1421050279	Phạm Hà	Bắc	12/02/1996	Nam	Nam Định	2.56	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
78	1421050100	Lê Kế	Kiên	27/11/1996	Nam	Bắc Giang	2.54	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
79	1421050118	Trịnh Hữu	Lương	04/04/1996	Nam	Thanh Hóa	2.19	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
80	1421050131	Phùng Quang	Minh	24/03/1996	Nam	Hà Nội	2.53	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
81	1421050546	Đoàn Đình	Phùng	12/01/1996	Nam	Nam Định	2.52	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
82	1421050595	Nguyễn Năng	Thành	02/02/1996	Nam	Vĩnh Phúc	2.18	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
83	1421050205	Nguyễn Ngọc	Tiến	12/01/1995	Nam	Hà Nội	2.56	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
84	1421050655	Đỗ Thanh	Trang	15/08/1996	Nam	Vĩnh Phú	2.57	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
85	1421050669	Nguyễn Thành	Trung	18/12/1994	Nam	Nam Định	2.56	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
86	1421050225	Nguyễn Thanh	Tuấn	07/07/1996	Nam	Bắc Ninh	2.45	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
87	1421050247	Chu Thị	Yến	13/10/1996	Nữ	Hà Nội	2.83	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
88	1521050377	Đặng Thanh	Hoa	28/08/1997	Nữ	Nam Định	2.54	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1
89	1521050179	Nguyễn Văn	Hưng	20/11/1997	Nam	Hà Tây	2.75	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1
90	1521050428	Phạm Vũ Thảo	My	15/01/1997	Nữ	Thái Bình	2.74	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1
91	1321050050	Nguyễn Tuấn	Dương	27/12/1995	Nam	Hà Nội	2.55	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD58_1

92	1421050087	Nguyễn Duy	Hưng	29/09/1996	Nam	Nam Định	2.31	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD59_1
93	1421050443	Nguyễn Duy	Hương	15/03/1995	Nam	Bắc Ninh	2.41	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD59_1
94	1421050095	Hoàng Minh	Khánh	22/05/1996	Nam	Thái Bình	2.53	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD59_1
95	1421050134	Nguyễn Thành	Nam	11/12/1996	Nam	Hà Nội	2.07	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD59_1
96	1421050143	Nguyễn Kim	Ngọc	10/12/1996	Nam	Hà Nội	2.62	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD59_1
97	1421050219	Nguyễn Lam	Trường	16/11/1996	Nam	Hưng Yên	2.43	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD59_1
98	1421050037	Nguyễn Tiến	Dũng	27/07/1994	Nam	Phú Thọ	2.29	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD59_2
99	1421050667	Cao Văn	Trung	12/06/1995	Nam	Nghệ An	2.82	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD59_2
100	1221020381	Nguyễn Cao	Mạnh	23/05/1994	Nam	Bắc Giang	2.14	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT57A
101	1321020705	Nguyễn Ngọc	Tân	20/04/1995	Nam	Thái Bình	2.04	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
102	1321020722	Vũ Ngọc	Thắng	01/09/1995	Nam	Nam Định	2.11	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
103	1421020045	Lê Hữu	Giang	29/07/1996	Nam	Thanh Hóa	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT59_1
104	1421020322	Nguyễn Duy	Hà	15/07/1995	Nam	Ninh Bình	2.67	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT59_1
105	1421020475	Nguyễn Đỗ	Mười	02/06/1996	Nam	Nam Định	2.50	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT59_1
106	1421020527	Phạm Thế	Quyền	22/01/1996	Nam	Nam Định	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT59_1
107	1421020573	Hoàng Minh	Thắng	10/10/1996	Nam	Hải Phòng	2.15	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT59_1
108	1421020679	Vũ Thanh	Tùng	02/10/1996	Nam	Hòa Bình	2.08	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT59_1
109	1421020706	Nguyễn Hải	Yến	13/10/1995	Nữ	Hà Nội	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT59_1
110	1421020472	Nguyễn Văn	Minh	20/09/1995	Nam	Nam Định	2.16	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT59_2

111	1421020624	Vũ Thị Hồng	Trang	10/05/1995	Nữ	Thái Bình	2.92	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT59_2
112	1021020433	Phạm Văn	Thụy	20/11/1991	Nam	Bắc Ninh	2.17	Trung Bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_55A
113	1121020260	Nguyễn Văn	Dương	28/07/1993	Nam	Thanh Hoá	2.11	Trung Bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_56A
114	1321020474	Đinh Quốc	Đạt	04/04/1995	Nam	Hà Nam	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
115	1421020063	Nguyễn ích	Hiếu	13/07/1995	Nam	Bắc Ninh	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
116	1421020377	Lê Vũ	Hội	09/05/1996	Nam	Lào Cai	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
117	1421020602	Phạm Thanh	Thủy	18/04/1995	Nữ	Nam Định	3.26	Giỏi	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
118	1421020678	Trần Minh	Tùng	11/02/1996	Nam	Quảng Ninh	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
119	1421020363	Nguyễn Văn	Hoán	01/10/1996	Nam	Nam Định	2.69	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_4
120	1421020183	Hoàng Quốc	Tuấn	14/09/1996	Nam	Nam Định	2.71	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_4
121	1221020131	Đặng Duy	Tài	05/04/1993	Nam	Hà Nội	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57A
122	1421020218	Nguyễn Thị Vân	Anh	01/01/1995	Nữ	Nghệ An	2.89	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK59_2
123	1421020043	Nguyễn Đình	Đức	17/08/1996	Nam	Thanh Hóa	2.13	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK59_2
124	1421020347	Đỗ Thị	Hiền	13/01/1996	Nữ	Nam Định	2.69	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK59_2
125	1421020094	Trần	Long	14/08/1995	Nam	Hà Tây	2.71	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK59_2
126	1421020705	Nguyễn Hồng	Xuân	29/04/1996	Nam	Thái Bình	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK59_2
127	1221020085	Tạ Đăng	Kiên	15/04/1994	Nam	Bắc Ninh	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV57A
128	1321020073	Nguyễn Văn	Đồng	20/02/1995	Nam	Hà Bắc	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
129	1321020004	Nguyễn Trường	An	22/02/1995	Nam	Nam Định	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_2

130	1421020364	Hồ Phi	Hoàng	04/09/1994	Nam	Nghệ An	3.10	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV59_2
131	1221010256	Trần Thảo	Nguyên	08/07/1994	Nữ	Tuyên Quang	2.82	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC57
132	1321050155	Vũ Tuấn	Phong	15/02/1995	Nam	Nam Định	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
133	1321010309	Nguyễn Văn	Thanh	01/02/1995	Nam	Nam Định	2.51	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
134	1421040007	Phan Đức	Anh	03/01/1996	Nam	Khánh Hòa	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
135	1421010051	Ma Thị	Dung	21/11/1995	Nữ	Tuyên Quang	3.04	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
136	1421010169	Cao Thị Thu	Lan	16/12/1996	Nữ	Vĩnh Phú	3.38	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_2
137	1421010214	Nguyễn Thế	Nam	25/10/1996	Nam	Sơn La	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_2
138	1421010298	Phạm Văn	Thành	18/02/1996	Nam	Hải Phòng	2.55	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV59_2
139	0920000143	Nguyễn Công	Thường	03/08/1991	Nam	Thái Bình	2.06	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK54VT
140	1221010141	Lê Xuân	Hoàn	25/07/1994	Nam	Nghệ An	2.80	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57A
141	1221011028	Vũ Lê Nhật	Hùng	31/12/1992	Nam	Phú Thọ	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57VT
142	1321030439	Phan Huy	Bình	07/04/1994	Nam	Nghệ An	2.51	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
143	1321010090	Hồ Xuân Hoàng	Dương	04/03/1994	Nam	Hải Phòng	2.91	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
144	1321010154	Vũ Trung	Hiếu	23/12/1994	Nam	Thái Bình	2.54	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
145	1421010079	Nguyễn Tuấn	Đạt	05/01/1996	Nam	Hưng Yên	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK59_1
146	1421010093	Bùi Sỹ	Hải	12/10/1996	Nam	Nam Hà	2.55	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK59_1
147	1421010196	Nguyễn Văn	Mạnh	23/03/1996	Nam	Nam Định	3.39	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK59_1
148	1421010199	Vũ Tiến	Mạnh	15/03/1995	Nam	Thái Bình	3.44	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK59_1

149	1421040108	Dương Minh	Hiếu	01/03/1996	Nam	Nam Định	2.62	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK59_2
150	1421011154	Nguyễn Đức	Huy	21/05/1996	Nam	Hà Nội	3.08	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK59_2
151	1421010221	Lê Minh	Ngọc	14/05/1996	Nam	Thái Bình	2.68	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK59_2
152	1421040207	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	20/12/1996	Nữ	Quảng Bình	3.16	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK59_2
153	1421011021	Phạm Đức	Bảo	18/11/1996	Nam	Hải Phòng	2.95	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK59VT
154	1421011266	Bùi Thanh	Phong	21/11/1996	Nam	Hậu Giang	2.55	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK59VT
155	1421011285	Bùi Thế	Quốc	07/04/1995	Nam	Quảng Trị	2.58	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK59VT
156	1421011301	Nguyễn Thái	Tài	17/09/1996	Nam	Bà Rịa Vũng Tàu	2.69	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK59VT
157	1421011305	Vũ Văn	Tầm	10/02/1996	Nam	Nam Định	2.60	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK59VT
158	1421011391	Lê Anh	Tú	30/06/1996	Nam	Nghệ An	2.53	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK59VT
159	1421011405	Trần Minh	Tuấn	01/01/1995	Nam	Nghệ An	2.94	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK59VT
160	1221010069	Nguyễn Văn	Dũng	08/06/1993	Nam	Thái Bình	2.57	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKT57
161	1321010418	Nguyễn Thị Tường	Vân	03/08/1995	Nữ	Thái Bình	2.87	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKT58_2
162	0964040038	Nguyễn Thanh	Ngà	11/02/1991	Nam	Nghệ An	2.06	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD54ATH
163	1121030080	Nguyễn Văn	Huân	01/08/1993	Nam	Hà Nội	2.06	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD56A
164	1221010144	Nguyễn Quý	Hoàng	18/06/1994	Nam	Hà Nội	2.34	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD57A
165	1321010018	Phạm Tuấn	Anh	26/10/1995	Nam	Phú Thọ	2.51	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
166	1321011013	Lê Hữu	Đại	01/05/1995	Nam	Nghệ An	2.14	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58VT
167	1321011023	Lê Nhiên	Định	25/01/1995	Nam	Hà Tĩnh	2.23	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58VT

168	1421020445	Hồ Trường	Long	10/09/1995	Nam	TP Hồ Chí Minh	2.32	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_1
169	1421010392 D	Dùng Thế	Anh	04/08/1995	Nam	Tuyên Quang	2.41	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
170	1421010015	Trịnh Tuấn	Anh	10/11/1996	Nam	Thanh Hóa	2.57	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
171	1421010110	Nguyễn Quang	Hiển	06/10/1996	Nam	Hải Phòng	2.25	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
172	1421020146	Khiếu Trung	Thành	17/04/1996	Nam	Thái Bình	2.53	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
173	1321011037	Đinh Quang	Hoàn	17/06/1995	Nam	Hải Phòng	2.62	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
174	1521010382	Phạm Viết	Cường	06/11/1991	Nam	Thanh Hóa	2.88	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD60_2
175	1321010381	Trần Đức	Trung	26/07/1995	Nam	Nam Định	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
176	1321010402	Đào Thanh	Tùng	20/02/1995	Nam	Hà Nội	2.71	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
177	1421010242	Nguyễn Hoành	Phú	12/08/1995	Nam	Thanh Hóa	2.54	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
178	1421010344	Nguyễn Thị	Trang	21/01/1996	Nữ	Bắc Ninh	3.27	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
179	1521010298	Nguyễn Hữu	Lộc	10/05/1995	Nam	Nghệ An	3.19	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB60_2
180	1424010226	Ngô Tuấn	Anh	08/11/1995	Nam	Quảng Ninh	2.11	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
181	1424010203	Nguyễn Thị Thùy	Trinh	21/03/1996	Nữ	Quảng Ninh	2.87	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
182	1524010106	Nguyễn Thị Phương	Anh	11/09/1997	Nữ	Hà Tây	3.39	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
183	1524010360	Lê Thị Vân	Anh	20/07/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
184	1524010363	Nguyễn Thị Vân	Anh	23/10/1997	Nữ	Hà Tây	2.62	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
185	1524010398	Nguyễn Thị	Giang	12/05/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.56	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
186	1524010428	Lê Thị	Hồng	05/04/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.63	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3

187	1524010442	Đào Thị	Hường	15/12/1997	Nữ	Nam Định	2.74	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
188	1524010461	Hoàng Khánh	Linh	10/06/1997	Nữ	Thái Bình	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
189	1524010492	Nguyễn Hoàng	Phương	25/05/1997	Nữ	Nam Định	2.32	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
190	1524010499	Phạm Thị	Quỳnh	12/08/1997	Nữ	Thái Bình	2.71	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
191	1524010506	Chu Phương	Thắng	26/11/1997	Nam	Hà Tây	2.47	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
192	1524010519	Vũ Thị Hiền	Thương	11/04/1997	Nữ	Thái Bình	2.84	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
193	1524010628	Dương Thị Thanh	Thúy	14/10/1996	Nữ	Vĩnh Phú	2.83	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
194	1524010520	Nguyễn Thị	Thúy	26/08/1997	Nữ	Hà Tây	2.71	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
195	1524010541	Nguyễn Văn	Trí	10/07/1997	Nam	Thái Nguyên	2.50	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
196	1524010548	Phạm Thanh	Tú	28/09/1997	Nam	Nam Định	2.18	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
197	1524010101	Phan Cao	Sang	26/01/1997	Nam	Hưng Yên	2.31	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh dầu khí	DCKTKDD60_2
198	1524010564	Trần Thị	Vui	04/07/1996	Nữ	Nam Định	2.86	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh dầu khí	DCKTKDD60_2
199	1524010108	Phạm Việt	An	20/04/1997	Nam	Quảng Ninh	2.50	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh mỏ	DCKTKDM60_1
200	1524010060	Phạm Hồng	Nam	02/06/1997	Nam	Quảng Ninh	2.44	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh mỏ	DCKTKDM60_1
201	1524010109	Nguyễn Thị Hồng	Phước	17/06/1997	Nữ	Phú Thọ	2.63	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh mỏ	DCKTKDM60_1
202	1524010015	Nguyễn Tuấn	Vũ	03/05/1997	Nam	Hà Tây	2.69	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh mỏ	DCKTKDM60_1
203	1321020165	Nguyễn Thị Xuân	Phương	05/12/1995	Nữ	Yên Bái	2.45	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58B
204	1321030403	Đồng Thị Lan	Anh	02/08/1995	Nữ	Hà Nội	2.51	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58D
205	1321040077	Nguyễn Đức	Giang	08/07/1995	Nam	Quảng Ninh	3.56	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_59_2

206	1424010083	Nguyễn Thị Thu	Hương	12/12/1996	Nữ	Nghệ An	3.21	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_59_2
207	1524010199	Lê Công	Cường	10/02/1996	Nam	Thanh Hóa	2.48	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
208	1524010336	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/10/1997	Nữ	Hà Tây	2.91	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
209	1524010122	Nguyễn Linh	Thảo	17/09/1997	Nữ	Thái Bình	2.79	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
210	1524010313	Nguyễn Thị	Trang	03/10/1997	Nữ	Bắc Giang	3.06	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
211	1524010211	Đào Thanh	Tùng	08/12/1997	Nam	Quảng Ninh	2.26	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
212	1524010120	Trần Thị	Hoa	28/03/1996	Nữ	Hòa Bình	2.85	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
213	1524010164	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	24/12/1997	Nữ	Thái Bình	2.91	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
214	1524010189	Lưu Thị	Quyên	25/01/1997	Nữ	Hải Dương	2.52	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
215	1524010154	Đặng Thị Thúy	Quỳnh	09/11/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.51	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
216	1524010187	Đỗ Thị Thu	Thảo	29/01/1997	Nữ	Nam Định	2.50	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
217	1524010157	Nguyễn Thị Châu	Anh	09/12/1997	Nữ	Nam Định	2.43	Trung bình	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC60_2
218	1524010176	Nguyễn Ngọc Phương	Chi	20/07/1997	Nữ	Quảng Bình	2.64	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC60_2
219	1021041011	Lê Đức	Duy	16/04/1992	Nam	Nam Định	2.42	Trung Bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT55QN
220	1221020180	Hoàng Anh	Văn	17/03/1994	Nam	Thái Nguyên	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57B
221	1221040352	Vũ Trung Kiên	Anh	24/04/1994	Nam	Nam Định	2.84	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57G
222	1221040190	Bùi Văn	Phối	02/09/1993	Nam	Nam Định	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57H
223	1321040146	Nguyễn Quang	Khoát	10/06/1995	Nam	Nam Định	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
224	1321040305	Hoàng Văn	Trung	10/08/1995	Nam	Nghệ An	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1

225	1321040003	Mai Viết	Anh	07/11/1995	Nam	Thái Bình	2.51	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
226	1321040065	Trần Tiến	Đạt	14/03/1995	Nam	Quảng Ninh	2.56	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
227	1321040485	Nguyễn Đức	Hậu	03/02/1994	Nam	Nghệ An	2.08	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
228	1421040077	Bùi Huỳnh	Đức	25/06/1992	Nam	Thanh Hóa	2.74	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
229	1421040078	Đoàn Lộc	Đức	27/01/1996	Nam	Quảng Ninh	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
230	1421040110	Nguyễn Minh	Hiếu	21/04/1996	Nam	Thanh Hóa	3.03	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
231	1421040134	Thào A	Hử	12/09/1996	Nam	Lào Cai	2.76	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
232	1421040147	Đoàn Văn	Hữu	10/03/1996	Nam	Nam Hà	3.10	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
233	1421040176	Trịnh Văn	Lực	10/01/1996	Nam	Thanh Hóa	2.65	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
234	1421040240	Nguyễn Minh	Tân	19/04/1994	Nam	Hà Tây	2.96	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
235	1421040284	Nguyễn Bá	Tiến	08/03/1995	Nam	Nghệ An	2.63	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
236	1421040311	Đinh Quốc	Trưởng	17/02/1996	Nam	Lào Cai	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
237	1421011400	Nguyễn Anh	Tuấn	11/10/1994	Nam	Hà Nội	2.52	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
238	1421040331	Hoàng Việt	Tùng	19/09/1996	Nam	Lào Cai	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
239	1421040009	Trương Ngọc Tuấn	Anh	01/05/1996	Nam	Hải Dương	2.61	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
240	1421040365	Nguyễn Ngọc	ánh	06/01/1996	Nam	Thái Bình	2.54	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
241	1421040381	Phạm Văn	Chiến	04/10/1995	Nam	Hải Phòng	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
242	1421040104	Nguyễn Văn	Hiến	11/02/1996	Nam	Hải Dương	2.53	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
243	1421040107	Lê Văn	Hiệp	20/10/1996	Nam	Quảng Ninh	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2

244	1421040188	Nguyễn Công	Minh	30/05/1996	Nam	Hà Nội	2.58	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
245	1421040216	Nguyễn Văn	Phương	30/03/1995	Nam	Thái Nguyên	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
246	1421040255	Nguyễn Tiến	Thành	28/06/1996	Nam	Thái Bình	2.61	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
247	1421040545	Nguyễn Văn	Trung	18/03/1996	Nam	Hải Phòng	2.61	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
248	1421040335	Nguyễn Thanh	Tùng	22/02/1996	Nam	Thái Bình	2.58	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
249	1421040348	Lê	Vũ	07/09/1996	Nam	Thanh Hóa	2.52	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
250	1421011230	Huỳnh Công	Minh	10/05/1996	Nam	Đăk Lăk	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59VT
251	1421011341	Trương Thị Thu	Thủy	06/07/1996	Nữ	Phú Yên	2.83	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59VT
252	1221040364	Đinh Văn	Chiến	17/10/1994	Nam	Nam Định	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
253	1421040159	Nguyễn Thị út	Lệ	14/03/1996	Nữ	Nam Định	2.73	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
254	1421040217	Trần Thu	Phương	03/10/1996	Nữ	Lào Cai	2.60	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
255	1421045008	Dương Thị	Thạch	09/02/1995	Nữ	Hà Tĩnh	2.67	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
256	1421040538	Đinh Thị	Trang	05/10/1996	Nữ	Nam Định	3.12	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
257	1421040189	Nguyễn Ngọc	Minh	26/11/1995	Nam	Quảng Ninh	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
258	1421040211	Phạm Hồng	Phúc	24/10/1996	Nam	Quảng Ninh	2.51	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
259	1421040232	Cao Văn	Sơn	15/05/1995	Nam	Nghệ An	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
260	1421040245	Nguyễn Hữu	Thanh	02/02/1996	Nam	Quảng Ninh	2.14	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
261	1421040328	Phạm Minh	Tuấn	22/04/1996	Nam	Quảng Ninh	2.55	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
262	1421040343	Hồ Xuân	Văn	18/01/1996	Nam	Nghệ An	2.80	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển luyện-quặng kim loại	DCMOTL59_1

263	1221020359	Lê Bá	Linh	02/03/1994	Nam	Thanh Hóa	2.53	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
264	1421080313	Hoàng Thị Quỳnh	Như	22/04/1996	Nữ	Hà Nội	2.74	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
265	1421020074	Đỗ Mạnh	Huy	01/05/1996	Nam	Hưng Yên	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
266	1421080082	Hoàng Minh	Ngọc	31/12/1996	Nữ	Hà Nội	2.65	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
267	1421080316	Kiều Văn	Phong	10/03/1996	Nam	Hà Tây	2.55	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
268	1421080374	Dương Văn	Thông	02/01/1995	Nam	Hà Tây	2.64	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
269	1321030666	Nguyễn Duy	Kiên	16/05/1995	Nam	Hà Nội	2.66	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
270	1321080085	Đàm Duy	Thanh	14/10/1995	Nam	Hà Nội	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
271	1421080264	Nguyễn Nhật	Linh	10/04/1996	Nữ	Sơn La	2.90	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
272	1421050117	Hoàng Tiến	Lực	24/08/1995	Nam	Lào Cai	2.50	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
273	1421080208	Nguyễn Song	Hào	04/08/1996	Nam	Hà Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
274	1421080075	Nguyễn Tiến	Nam	27/01/1996	Nam	Hà Nội	2.66	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
275	1421080327	Phạm Minh	Phương	15/03/1995	Nữ	Thái Bình	2.89	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
276	1421030243	Đỗ Tuấn	Anh	10/08/1996	Nam	Hà Nội	2.71	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thông tin địa lý	DCTDAV59_2
277	1421030094	Trần Quang	Huy	05/09/1996	Nam	Hà Nội	2.94	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thông tin địa lý	DCTDAV59_2
278	1421030163	Đặng Thanh	Sơn	28/04/1996	Nam	Vĩnh Phúc	2.63	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thông tin địa lý	DCTDAV59_2
279	1421030632	Nguyễn Thị Thùy	Vân	18/04/1996	Nữ	Thái Bình	3.08	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thông tin địa lý	DCTDAV59_2
280	1421030052	Vũ Quang	Đức	10/06/1996	Nam	Nam Định	2.87	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
281	1421030225	Phạm Văn	Tuấn	25/06/1996	Nam	Nam Định	2.65	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2

282	1321030451	Nguyễn Đình Bảo	Chung	21/08/1995	Nam	Lai Châu	2.64	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
283	1421030570	Lê Thị	Thủy	02/04/1995	Nữ	Thanh Hóa	2.77	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1
284	1421030007	Phan Vũ Hà	Anh	09/01/1996	Nữ	Hà Nội	3.09	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
285	1421030009	Nguyễn Ngọc	ánh	27/09/1996	Nữ	Hà Tây	2.80	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
286	1421030019	Nguyễn Đình	Công	09/01/1996	Nam	Hà Nội	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
287	1421030299	Nguyễn Ngọc	Dũng	05/02/1996	Nam	Hà Nội	2.78	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
288	1421030348	Bùi Quang	Hiệp	11/09/1996	Nam	Hà Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
289	1421020071	Phạm Thị	Hồng	26/05/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.89	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
290	1521030240	Nguyễn Thị	Huyền	18/01/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	3.36	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_2
291	1521030255	Dương Thị Thùy	Linh	03/07/1997	Nữ	Nam Định	3.31	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_2
292	1521030152	Lê Thị Huệ	Anh	04/03/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.90	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
293	1521030384	Nguyễn Việt	Hoa	12/09/1997	Nữ	Hà Nội	2.89	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
294	1521030139	Lê Thị	Hoa	28/06/1997	Nữ	Hà Nội	2.88	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
295	1521030281	Phan Thị	Oanh	04/07/1997	Nữ	Hà Tĩnh	3.04	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
296	1521030390	Nguyễn Ngọc	Thắng	11/10/1994	Nam	Hưng Yên	2.47	Trung bình	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
297	1521030393	Nguyễn Văn	Trọng	30/09/1997	Nam	Quảng Ninh	2.89	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
298	1621030244	Nguyễn Thị Khánh	Ly	27/07/1998	Nữ	Hà Nội	3.17	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD61
299	1621030245	Phan Thị	Thủy	23/12/1998	Nữ	Hà Nội	3.33	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD61
300	1621030215	Đinh Xuân	Tôn	30/04/1998	Nam	Thanh Hóa	3.37	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD61

301	1621030141	Lê Anh	Tú	30/01/1998	Nam	Quảng Ninh	3.03	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD61
302	1321030419	Trần Thế	Anh	19/09/1995	Nam	Phú Thọ	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
303	1321030023	Đàm Như	Cương	12/01/1995	Nam	Vĩnh Phúc	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
304	1321030244	Bùi Đức	Trung	04/11/1995	Nam	Hải Dương	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
305	1421030014	Trần Văn	Chiến	21/05/1992	Nam	Bắc Ninh	2.98	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_1
306	1421030047	Mai Văn	Đông	03/12/1996	Nam	Nam Định	2.69	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_2
307	1421030036	Trần Tùng	Dương	17/10/1996	Nam	Hà Nam	2.92	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_2
308	1421030056	Đào Hồng	Hà	05/08/1996	Nữ	Thái Bình	3.03	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_2
309	1421030346	Nguyễn Thị Thu	Hiền	20/09/1996	Nữ	Hà Nam	3.03	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_2
310	1421040380	Nguyễn Minh	Chiến	07/04/1996	Nam	Hà Nội	2.70	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
311	1421030360	Nguyễn Khánh	Hòa	01/10/1996	Nam	Quảng Ninh	2.62	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
312	1421030464	Nguyễn Quốc	Mười	07/02/1995	Nam	Hà Nam	2.99	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
313	1421030491	Cao Xuân	Phúc	14/09/1996	Nam	Nam Định	2.80	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
314	1421030166	Nguyễn Thanh	Sơn	09/10/1996	Nam	Hải Dương	3.13	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
315	1421030228	Vũ Văn	Tùng	19/10/1995	Nam	Nam Định	2.96	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3
316	1221030054	Đào Phan	Hiển	28/09/1994	Nam	Nam Định	2.12	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ-Công trình	DCTDTM57
317	1321030653	Nguyễn Văn	Khéo	03/03/1993	Nam	Nam Định	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ-Công trình	DCTDTM58_1
318	1421030378	Trần Ngọc	Hùng	15/09/1996	Nam	Nam Định	2.68	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ-Công trình	DCTDTM59_2
319	1421030154	Bùi Duy	Quang	16/01/1996	Nam	Quảng Ninh	2.98	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ-Công trình	DCTDTM59_2

320	1421030183	Lưu Thị Thu	Thảo	28/07/1996	Nữ	Thái Bình	2.71	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ-Công trình	DCTDTM59_2
321	1321020656	Đinh Trọng	Nhân	15/12/1995	Nam	Ninh Bình	2.05	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	DCXDDC58_2
322	1421070172	Trần Xuân	Bách	07/06/1994	Nam	Ninh Bình	2.53	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	DCXDDC59_1
323	1421070244	Đoàn Quang	Đức	05/11/1996	Nam	Bắc Ninh	2.53	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	DCXDDC59_1
324	1421070069	Trần Tùng	Lâm	09/09/1996	Nam	Phú Thọ	2.52	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	DCXDDC59_1
325	1421070111	Hoàng Văn	Thanh	19/09/1996	Nam	Lào Cai	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	DCXDDC59_1
326	1421070223	Phạm Xuân	Dương	15/09/1996	Nam	Nam Định	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	DCXDDC59_2
327	1421070275	Nguyễn Vinh	Hiển	25/10/1996	Nam	Hà Nội	2.78	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	DCXDDC59_2
328	1421070070	Dương Lê	Linh	30/04/1996	Nam	Nghệ An	2.64	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	DCXDDC59_2
329	1421070377	Dương Đức	Lượng	05/12/1996	Nam	Hải Dương	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	DCXDDC59_2
330	1421070382	Nguyễn Tiến	Mạnh	23/03/1996	Nam	Hà Nội	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	DCXDDC59_2
331	1421070092	Vũ Quang	Nghĩa	02/08/1994	Nam	Nam Định	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	DCXDDC59_2
332	1421070447	Đàm Khắc	Sự	23/08/1995	Nam	Thanh Hóa	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	DCXDDC59_2
333	1421070455	Hoàng Quang	Thái	18/04/1996	Nam	Nam Định	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	DCXDDC59_2
334	1421070117	Lù Đức	Thắng	22/02/1996	Nam	Lào Cai	2.15	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	DCXDDC59_2
335	1421070468	Lê Hữu	Thắng	09/08/1995	Nam	Thanh Hóa	2.06	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	DCXDDC59_2
336	1421070125	Giáp Lương	Thuận	29/07/1996	Nam	Quảng Ninh	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	DCXDDC59_2
337	1421070144	Lê Tiến	Đạt	16/05/1996	Nam	Quảng Ninh	2.07	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
338	1421070083	Nguyễn Tiến	Mạnh	21/02/1996	Nam	Hà Nam	2.12	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2

339	1421070383	Nguyễn Tuấn	Mạnh	15/04/1996	Nam	Hà Tây	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
340	1421070085	Phùng Văn	Miên	07/01/1996	Nam	Thái Bình	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
341	1421070124	Đỗ Minh	Thuận	14/12/1996	Nam	Thái Bình	2.16	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
342	1421070516	Trần Anh	Tú	12/09/1996	Nam	Yên Bái	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59_2
343	1321070007	Phạm Thế	Anh	14/04/1995	Nam	Hải Phòng	2.57	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CTN và Mỏ	DCXDNM58_1
344	1321070027	Hoàng Hải	Cường	28/10/1995	Nam	Thái Bình	2.65	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CTN và Mỏ	DCXDNM58_1
345	1421070255	Vũ Ngọc	Đức	21/08/1996	Nam	Hải Dương	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CTN và Mỏ	DCXDNM59_1
346	1421070094	Phan Đình	Ngọc	20/07/1995	Nam	Hà Tĩnh	2.78	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CTN và Mỏ	DCXDNM59_1
347	1421070445	Trần Văn	Sơn	02/09/1995	Nam	Thanh Hóa	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CTN và Mỏ	DCXDNM59_1
348	1421070109	Đào Nguyên	Tấn	10/01/1996	Nam	Bắc Giang	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CTN và Mỏ	DCXDNM59_1
349	1421070458	Đậu Viết	Thám	06/07/1995	Nam	Nghệ An	2.73	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CTN và Mỏ	DCXDNM59_1
350	1421070502	Nguyễn Văn	Trung	16/03/1996	Nam	Hải Dương	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng CTN và Mỏ	DCXDNM59_1
351	1321070136	Lê Đình	Ngọc	05/08/1995	Nam	Thanh Hóa	2.51	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_1
352	1321070120	Lê Vinh	Mạnh	22/02/1994	Nam	Thanh Hóa	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
353	1321070612	Trần Văn	Nhật	14/03/1995	Nam	Ninh Bình	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
354	1421070026	Nguyễn Việt	Dũng	06/10/1996	Nam	Hải Dương	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
355	1421070053	Phan Thanh	Hùng	14/06/1996	Nam	Quảng Ninh	2.55	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
356	1421070060	Nguyễn Khắc	Hưng	31/05/1996	Nam	Hải Dương	2.78	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
357	1421070082	Nguyễn Tiến	Mạnh	24/09/1996	Nam	Thái Bình	2.70	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2

358	1421070121	Nguyễn Đức	Thiện	25/08/1996	Nam	Hà Nội	2.67	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
359	1421070131	Nguyễn Văn	Trường	13/07/1996	Nam	Hà Nội	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
360	1731060002	Vũ Thế	Anh	03/07/1995	Nam	Hà Nam	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	LCCDDK62
361	1531050005	Nguyễn Ngọc	Long	07/03/1994	Nam	Thái Bình	2.61	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	LCCTCT60
362	1531020414	Đoàn Bình	Trọng	20/03/1993	Nam	Ninh Bình	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
363	1531020048	Đào Duy	Tùng	27/06/1993	Nam	Thái Nguyên	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
364	1731020002	Đinh Đức	Hải	05/03/1993	Nam	Bắc Giang	3.03	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC62_1
365	1731020005	Lê Đình	Quân	08/06/1996	Nam	Hà Nội	3.08	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC62_1
366	1731020007	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/01/1996	Nữ	Quảng Bình	3.09	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC62_1
367	1531040010	Nguyễn Văn	Hà	20/03/1993	Nam	Nam Định	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOMO60
368	1631040001	Bùi Tân	Bình	26/08/1993	Nam	Thái Bình	2.61	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOMO61
369	1531030047	Trần Cao	Sơn	28/04/1984	Nam	Cao Bằng	2.93	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD60
370	1314010114	Đoàn Ngọc	Linh	13/09/1995	Nam	Hải Dương	2.09	Trung bình	Kế toán	Kế toán	CCKTKT58
371	1421060140	Nguyễn Hữu	Hưng	22/10/1995	Nam	Hà Tây	2.05	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TĐ Thủy khí	DCCDTK59_1
372	1421050178	Phạm Minh	Tâm	20/11/1996	Nam	Nam Định	2.17	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD59_2
373	1221050100	Vũ Xuân	Thủy	07/10/1994	Nam	Hà Nội	2.03	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT57B
374	1524010061	Nông Thị Thu	Trang	14/08/1997	Nữ	Thái Nguyên	2.39	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh dầu khí	DCKTKDD60_2
375	1424010134	Ngô Thị	Ngọc	14/10/1996	Nữ	Thái Bình	3.36	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
376	1421080071	Nguyễn Tuấn	Minh	19/03/1996	Nam	Ninh Bình	3.39	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1

377	1421030252	Nguyễn Thị Lan	Anh	19/10/1996	Nữ	Lai Châu	2.94	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
378	1321070077	Phạm Đức	Hoàng	05/03/1995	Nam	Hà Nội	2.08	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	DCXDDC58_2
379	1421060152	Đặng Xuân	Lai	16/12/1996	Nam	Thái Bình	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT59
380	1321040327	Dương Quốc	Việt	30/10/1991	Nam	Lào Cai	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
381	1421060303	Phạm Đức	Tùng	14/08/1996	Nam	Nam Định	2.31	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2